

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5066 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 14 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
(Kế hoạch hành động tái định cư -RAP)
Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Hiệp định Tín dụng phát triển số 5352-VN ngày 24 tháng 4 năm 2014 được ký giữa Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bến Tre: số 40/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số 35/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015 – 2019; số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2016 ban hành bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre; số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2015 ban hành bảng giá các loại cây trồng để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 2353/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3489/Tr-STNMT ngày 14 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Kế hoạch hành động Tái định cư - RAP) Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản.

Điều 2. Giao UBND các huyện: Bình Đại, Châu Thành, Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và thành phố Bến Tre chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng nhiệm vụ, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Kế hoạch hành động Tái định cư - RAP) Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Đại, Châu Thành, Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, thành phố Bến Tre và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban QLĐT và XDTL 9; /
- CT & các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP;
- Phòng NC: TCĐT, TH, KT;
- TTTTĐT;
- Lưu: VT, Nh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



BAN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE	
Số:
ĐẾN	Ngày 14-12-2016
Thuyền:
.....

DỰ ÁN
QUẢN LÝ NƯỚC BẾN TRE

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
(KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ/RAP)

Tháng 12, năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

DỰ ÁN
QUẢN LÝ NƯỚC BẾN TRE

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
(KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ/RAP)

**Ban Quản lý Đầu tư và
Xây dựng Thủy lợi 9**

**Liên danh Trung tâm Hỗ trợ phát triển
– Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam**

Tháng 12, năm 2016

MỤC LỤC

TÓM TẮT.....	7
I. GIỚI THIỆU.....	16
1.1. Giới thiệu về dự án	16
1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của dự án.....	16
1.2.1. Mục tiêu chung của dự án	16
1.2.2. Quy mô đầu tư của dự án	16
1.3. Mục tiêu của Kế hoạch Hành động Tái định cư	17
1.5. Tác động tái định cư của dự án.....	18
1.4. Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực.....	25
2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐIỀU TRA THIẾT HẠI	26
2.1. Bối cảnh kinh tế xã hội của khu vực dự án.....	26
2.2. Hiện trạng kinh tế xã hội các xã bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.....	26
2.3. Kết quả điều tra các hộ bị ảnh hưởng di dời.....	30
3. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG ...	34
3.1. Khung pháp lý.....	34
3.2. Quy định của Việt Nam về thu hồi đất và tái định cư	34
3.3. Các quyết định của tỉnh Bến Tre về thu hồi đất và tái định cư	35
3.4. Chính sách tái định cư không tự nguyện của JICA/ WB (OP. 4.12).....	35
3.5. Các điểm khác biệt chính và biện pháp giải quyết giữa Chính phủ Việt Nam và chính sách của JICA/WB về tái định cư không tự nguyện.....	39
4 CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BỒI THƯỜNG	42
4.1. Nguyên tắc chung	42
4.2. Tiêu chí hợp pháp và quyền lợi	46
4.3. Ngày khóa sổ kiểm kê.....	47
4.4. Ma trận quyền lợi.....	47
5. PHỤC HỒI VÀ CẢI THIỆN THU NHẬP.....	55
5.1. Mục tiêu, chính sách của phục hồi và cải thiện thu nhập	55
5.2. Chương trình phục hồi thu nhập	55
6. BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ	59
6.1. Quyền lợi cho việc di dời	59
6.2. Tham vấn các hộ về lựa chọn di dời.....	59
7. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (GRM)	60
8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	62
9. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI VÀ LỊCH TRÌNH	66
9.1. Các bước triển khai.....	66
9.2. Cập nhật RAP	69

9.3. Kế hoạch thực hiện	70
10. CHI PHÍ VÀ NGÂN SÁCH.....	74
10.1. Nguồn ngân sách.....	74
10.2. Ước tính chi phí bồi thường và hỗ trợ	74
10.3. Dự kiến chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	75
11. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.....	85
11.1. Giám sát nội bộ.....	85
11.2. Giám sát độc lập	85
11.3. Phương pháp giám sát độc lập.....	87
11.4. Đánh giá.....	88
PHỤ LỤC 1: KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ	89
PHỤ LỤC 2. MẪU BẢNG HỎI ĐIỀU TRA KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐIỀU TRA THIỆT HẠI.....	99
PHỤ LỤC 3. KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC ĐỊA (15-16/6/2016)	102
PHỤ LỤC 4: TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN (NGUỒN SANYU).....	116

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CPC	UBND xã
Ban 9	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 9
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DMS	Khảo sát kiểm kê chi tiết
DPC	UBND huyện
DCSCC	Ban Bồi thường và Giải phóng Mặt bằng huyện
DRC	Ban tái định cư huyện
GOV	Chính phủ Việt Nam
HH	Hộ gia đình
IOL	Kiểm kê tổn thất sơ bộ
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
RAP	Kế hoạch tái định cư
LAR	Thu hồi đất và tái định cư
LURC	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
MOF	Bộ Tài chính
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
NGO	Tổ chức phi chính phủ
OP	Chính sách hoạt động
PAD	Tài liệu thẩm định dự án
PPC	UBND tỉnh
PMU	Ban Quản lý dự án
BAH	Bị ảnh hưởng
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
REA	Đánh giá môi trường vùng
RPF	Khung chính sách tái định cư
TOR	Điều khoản tham chiếu
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam Đồng

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Người bị ảnh hưởng (APs)	Bất kỳ người nào, do việc thực hiện dự án, bị mất quyền sở hữu, sử dụng, hoặc không được hưởng lợi từ một kiến trúc xây dựng, đất đai (đất ở, nông nghiệp, hoặc đồng cỏ), cây trồng và hoa màu hàng năm hoặc lâu năm, hoặc bất kỳ tài sản cố định hay lưu động khác, bất kể mất toàn bộ hay một phần, vĩnh viễn hay tạm thời.
Hỗ trợ	Hỗ trợ bổ sung được cung cấp cho những người bị ảnh hưởng bị mất tài sản (đặc biệt là tư liệu sản xuất), thu nhập, việc làm hoặc các nguồn sinh kế, để bổ sung bồi thường đối với tài sản bị thu hồi, để đạt được, ở mức tối thiểu, phục hồi hoàn toàn mức sống và chất lượng cuộc sống hoặc cải thiện hơn.
Ngày khóa sổ kiểm kê	Ngày khi dự án được chính thức tuyên bố bởi các cơ quan có liên quan đến các bên liên quan sau khi Chính phủ phê duyệt dự án. Người chiếm dụng khu vực dự án sau ngày khóa sổ kiểm kê sẽ không đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ tái định cư.
Khảo sát chi tiết (DMS)	Khảo sát chi tiết về tài sản bị ảnh hưởng, bao gồm thiệt hại về đất, vật kiến trúc và tài sản cố định khác, kinh doanh, việc làm và nguồn thu nhập hộ gia đình; và chuẩn bị danh sách chi tiết các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án. Chi phí chính thức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được xác định theo sự hoàn thành của DMS.
Quyền lợi	Phạm vi của các biện pháp bao gồm bồi thường, hỗ trợ, (bao gồm cả hỗ trợ phục hồi thu nhập, hỗ trợ chuyển tiếp, thay đổi thu nhập, hỗ trợ di dời và hỗ trợ những người BAH dễ bị tổn thương, vv) để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch hành động tái định cư.
Kiểm kê thiệt hại (IOL)	Quá trình nhận dạng, định vị và đo lường tất cả tài sản cố định sẽ bị thu hồi hay bị ảnh hưởng bất lợi bởi dự án. Bao gồm đất sử dụng để ở, thương mại, nông nghiệp, ao; chỗ ở, các cửa hàng, các kiến trúc khác, như hàng rào, mộ, giếng; cây có giá trị thương mại, nguồn thu nhập và sinh kế,... Nó cũng bao gồm việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của tác động lên đất đai và tài sản trên các vật bị ảnh hưởng và mức độ nghiêm trọng của tác động đến sinh kế và năng lực sản xuất của người BAH. Kiểm kê thiệt hại chi tiết và chính thức được thực hiện trong giai đoạn đầu thực hiện RAP.

Thu hồi đất	Các quá trình mà tất cả hoặc một phần của đất và tài sản thuộc sở hữu, chiếm hoặc sử dụng, bị bắt buộc thu hồi hoặc mua lại từ một cá nhân, hộ gia đình, công ty hoặc tổ chức tư nhân hoặc bị thu hồi bởi thỏa thuận. Quyết định thu hồi đất sẽ được thực hiện thông qua hai bước: (i) Quyết định ở cấp tỉnh, thành phố đối với toàn bộ diện tích dự án và sau đó (ii) Quyết định ở cấp huyện cho mỗi cá nhân.
Phục hồi/nâng cao thu nhập	Sự phục hồi sinh kế và thu nhập hộ gia đình của những người bị ảnh hưởng có liên quan thông qua các chính sách và việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư.
Tái định cư không tự nguyện	Tái định cư không tự nguyện xảy ra khi không cần sự đồng thuận của những người di tản hoặc nếu họ đưa ra sự đồng ý của họ mà không có quyền từ chối tái định cư.
Giá thay thế	<p>Tỷ lệ bồi thường đối với tài sản bị mất phải được tính theo giá thay thế đầy đủ, đó là, giá trị thị trường của tài sản cộng với chi phí giao dịch. Đối với đất đai và vật kiến trúc, "chi phí thay thế" được định nghĩa như sau:</p> <p><i>a. Đất nông nghiệp:</i> giá trị thị trường của đất sử dụng sản xuất tương đương hoặc tiềm năng nằm trong vùng lân cận của đất bị ảnh hưởng, cộng với chi phí chuẩn bị ở mức tương đương hoặc tốt hơn so với đất bị ảnh hưởng, cộng với các chi phí đăng ký và thuế chuyển nhượng;</p> <p><i>b. Đất tại khu vực đô thị:</i> giá trị thị trường của đất có cùng quy mô và mục đích sử dụng, với các cơ sở hạ tầng công cộng và dịch vụ tương tự hoặc được cải thiện nằm trong vùng lân cận của đất bị ảnh hưởng, cộng với các chi phí đăng ký và thuế chuyển nhượng;</p> <p><i>c. Hộ gia đình và công trình công cộng:</i> chi phí mua hoặc xây dựng một kiến trúc mới, với diện tích và chất lượng tương đương hoặc tốt hơn so với kiến trúc bị ảnh hưởng, hoặc sửa chữa một kiến trúc bị ảnh hưởng một phần, bao gồm cả lao động và chi phí của nhà thầu và bất kỳ thuế đăng ký và chuyển nhượng.</p> <p>Trong việc xác định chi phí thay thế, khấu hao của các tài sản và giá trị vật tư không được tính vào, cũng không tính giá trị của lợi ích bất nguồn từ dự án được trích từ giá trị tài sản bị ảnh hưởng.</p>
Các bên có liên quan	Bất kỳ và tất cả cá nhân, nhóm, tổ chức, và các đơn vị quan tâm và có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án hoặc có khả năng ảnh hưởng đến dự án.
Người dễ bị tổn thương	Những người về giới tính, dân tộc, tuổi tác, khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, bất lợi về kinh tế, hay vị trí xã hội có thể bị ảnh hưởng xấu hơn bởi tái định cư hơn những người khác và những người có thể bị giới hạn trong khả năng của họ để yêu cầu bồi thường hoặc tận dụng sự hỗ trợ tái định cư và các lợi ích phát triển

có liên quan, bao gồm: (i) phụ nữ là chủ hộ có người phụ thuộc (ii) hộ gia đình có người tàn tật, (iii) hộ gia đình dưới chuẩn nghèo theo chuẩn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA), (iv) trẻ em và người cao tuổi không có hỗ trợ nào khác, (v) hộ không có đất, (vi) người dân tộc thiểu số.

TÓM TẮT

1. **Giới thiệu.** Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) được chuẩn bị cho dự án Quản lý nước Bến Tre với sự tài trợ của JICA - Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản. Kế hoạch hành động tái định cư được xây dựng dựa trên Khung chính sách tái định cư của dự án được chính phủ phê duyệt, Hướng dẫn về xem xét các vấn đề Môi trường – xã hội của của JICA (tháng 4, 2010), các kết quả điều tra kinh tế xã hội, kết quả điều tra thiệt hại và kết quả tham vấn cộng đồng, các Quy định của pháp luật Việt Nam và của các Bộ, ngành, địa phương về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

RAP này (được lập trong giai đoạn Nghiên cứu khả thi của dự án) nêu lên các kết quả điều tra tra nhân khẩu hộ BAH, thống kê thiệt hại sơ bộ (IOL), nêu các tiêu chí hợp pháp, quyền nhận bồi thường, hỗ trợ tái định cư với đất đai, tài sản trên đất, sinh kế cộng đồng của các đối tượng bị ảnh hưởng do dự án gây ra, các miêu tả về chương trình phục hồi thu nhập/sinh kế, tổ chức thực hiện, kế hoạch, chi phí ước tính, giám sát và đánh giá, sự tham gia và tham vấn của cộng đồng, các cơ chế khiếu nại. RAP phản ánh đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây (Hướng dẫn tại Điều 10, Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc *Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*):

- (1) Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi.
- (2) Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất.
- (3) Dự kiến số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- (4) Dự kiến địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, phương thức tái định cư.
- (5) Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- (6) Dự kiến tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- (7) Dự kiến thời gian và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án.

RAP cập nhật sẽ được hoàn thiện sau khi có thiết kế thi công và do đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức công tác Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư địa phương cập nhật và trình UBND tỉnh Bến Tre hoặc cơ quan có trách nhiệm được ủy quyền phê duyệt làm căn cứ để tổ chức các hoạt động chi trả, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Tác động tái định cư của dự án.

Dự án bao gồm việc xây dựng cống đập và các công trình phụ trợ như bờ kè bảo vệ và đường lộ hai bên bờ sông. Những công trình này đòi hỏi phải thu hồi một diện tích đất nhất định. Tái định cư bắt buộc có thể cần thiết nếu đất ở bị ảnh hưởng đáng kể. Các cống ngăn mặn được xây dựng trên địa phận 14 xã thuộc 6 huyện/thành phố của tỉnh Bến Tre, được liệt kê trong Bảng 1 và bản đồ dưới đây.

mại (5,25%), 64.560 m² diện tích các loại đất khác (mặt nước/đất nuôi trồng thủy sản, chiếm dụng đất tạm thời. Các ảnh hưởng tạm thời khác có thể xảy ra do việc tập kết vật liệu, nơi đổ các bãi thải thi công, tác động tạm thời trong thi công vẫn chưa được xác định.

b. Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất

Có 160 hộ của 14 xã bị thu hồi đất để xây dựng 08 hệ thống công trình kiểm soát mặn, trong đó: (i) 89 hộ BAH nhẹ (có ít hơn 20% đất ở, đất sản xuất bị thu hồi); (ii) 71 hộ bị ảnh hưởng nặng do mất nhà hoặc mất trên 20% diện tích đất sản xuất; (iii) 22 hộ gia đình phải di dời; (iv) 04 hộ sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng: 02 cơ sở chế biến sơ dừa, 01 cửa hàng xăng, 01 trại lợn; và (v) 13 hộ nằm trong nhóm hộ dễ bị tổn thương trong đó có 08 hộ người nghèo, 03 hộ chính sách và 02 hộ người già neo đơn. Không có hộ nào là người dân tộc thiểu số.

Dự án dự kiến ảnh hưởng lên 4 cơ sở sản xuất kinh doanh (1 tại xã Phú Hưng và 2 tại xã Thành Thới B). Trong đó, xã Thành Thới B bị ảnh hưởng đến hai (02) cơ sở chỉ xơ dừa và cơ sở kinh doanh xăng dầu, 01 trại lợn bị ảnh hưởng. Hai cơ sở sản xuất chỉ xơ dừa ngoài ảnh hưởng thu hồi, có thể ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của 10 lao động thường xuyên, đời sống của công nhân lao động thường xuyên tại cơ sở khi hai cơ sở này bị ảnh hưởng, sắp xếp lại sản xuất.

Về hiện trạng sở hữu đất, tất cả các hộ được khảo sát (100%) đều nói rằng họ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (LURC) trên phần đất bị ảnh hưởng.

c. Tác động lên công trình kiến trúc

30 căn nhà sở hữu bởi 33 hộ trên 10 xã sẽ bị ảnh hưởng. 24 trong số này là nhà cấp 4 với mái tôn hoặc ngói, tường gạch và nền xi măng. 6 căn khác là nhà gỗ tạm. Trong số này, 8 căn vẫn còn phần có thể sử dụng được, còn 22 căn nhà phải di dời hoàn toàn. Tổng diện tích các nhà bị ảnh hưởng là 3.525,7 m².

Bên cạnh nhà, các kiến trúc khác đặc trưng cho khu vực nông thôn cũng bị tác động, bao gồm chuồng trại, bờ rào, ao hồ, sân, tường....

d. Tác động lên cây trồng

Cây ăn trái chiếm phần lớn trên các diện tích đất bị ảnh hưởng, cho nên việc thu hồi đất cũng sẽ làm mất đi nhiều diện tích vườn cây ăn trái. Trong số này, dừa là loại phổ biến và bị mất nhiều nhất.

e. Tác động lên công trình và cơ sở công cộng

Một trường mẫu giáo ở xã Phú Hưng có thể bị ảnh hưởng nhẹ, với khoảng 5.8% diện tích đất nằm trên phần sân chơi bị thu hồi. Điều này sẽ không gây tác động lớn lên hoạt động của trường.

f. Tác động mở mã, công trình văn hóa

Theo khảo sát có một số miếu, mở mã dự kiến bị ảnh hưởng buộc phải di dời là 34 ngôi mộ xây và mộ đất liên quan đến 13 hộ, ảnh hưởng đến 02 miếu nhỏ, diện tích 20m² tại Cống Vàm Thơm.

g. Tác động lên các hộ dễ bị tổn thương

Trên cơ sở SES và IOL, dự án dự kiến ảnh hưởng đến 16 hộ (chiếm 10,00%/160 hộ BAH) thuộc nhóm dễ bị tổn thương tại 10 trong tổng số 14 xã bị ảnh hưởng tái định cư. Những hộ này bao gồm những hộ nghèo, hộ chính sách, hộ người già neo đơn, và hộ không có đất. Trong đó hộ nghèo và chính sách chiếm phần lớn. Không có hộ dân tộc thiểu số hay hộ phụ nữ đơn thân làm chủ hộ.

h. Yêu cầu di dời

Tổng số 33 hộ bị ảnh hưởng đất thổ cư. Trong đó 18 hộ bị ảnh hưởng một phần hoặc diện tích đất còn lại đủ lớn để dựng lại nhà ngay tại đó, 15 hộ còn lại thì sẽ cần phải di dời đi nơi khác.

i. Dự kiến số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Ước tính chi phí. Dự toán chi phí bồi thường và hỗ trợ là 97,816,636,000 VNĐ (tương đương với 4,396,253 USD với tỷ giá quy đổi là 1 USD = 22.250VNĐ). Chi phí này bao gồm chi phí bồi thường đất thổ cư, đất sản xuất, cây cối, nhà cửa, vật kiến trúc và các gói hỗ trợ như phụ hồi sinh kế và công tác thực hiện RAP.

j. Dự kiến địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, phương thức tái định cư.

Trong số 22 hộ buộc phải di dời nhà ở, trong đó 11 hộ đã bày tỏ dự định tái định cư ngay trên phần đất còn lại 8 hộ khác có dự định được nhận bồi thường và hỗ trợ hợp lý để tự di dời với sự hỗ trợ pháp lý từ chính quyền, 03 hộ chưa có ý kiến cụ thể.

k. Dự kiến tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Hiện nay, việc thực hiện dự án trong tương lai chưa được quyết định chính thức. Do đó, tiến độ thực hiện sẽ được dự kiến phê duyệt như sau.

TT	Hoạt động	Trách nhiệm	Thời gian
I	Chuẩn bị RAP, RPF		
1	Chuẩn bị Khung Chính sách Tái định cư (RPF) và Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)	UBND tỉnh /Sở NN&PTNT, Ban 9 và Tư vấn Tái định cư	Tháng 6,7,8 năm 2016
2	Trình Chính phủ và JICA xem xét, phê duyệt RPF	Ban 9, Bộ NN&PTNT	15/9/2016
2.1	Phê duyệt RPF	Chính phủ	12/12/2016
2.2	Phê duyệt RAP	UBND tỉnh Bến Tre	14/12/2016
3	Công bố Khung Chính sách Tái định cư và RAP trên trang web của UBND tỉnh và JICA	JICA, UBND tỉnh / Sở NN&PTNT	Tháng 12/2016

TT	Hoạt động	Trách nhiệm	Thời gian
4	Đào tạo và tăng cường năng lực cho các cán bộ dự án và DCSCC	Ban 9, UBND tỉnh / Sở NN&PTNT và Tư vấn Tái định cư thực hiện công tác tái định cư (vốn vay JICA)	Quý 3 năm 2017
5	Tuyển dụng tư vấn giám sát độc lập (EMC)	Ban 9 (vốn vay JICA)	Quý 4 năm 2017

TT	Hoạt động	Đơn vị thực hiện	Tiến độ						Ghi chú
			Cổng Tân Phú, Bến Ró, Thủ Cửu, Cái Quao			Cổng An Hóa, Bến Tre, Vàm Nước Trong, Vàm Thơm			
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số (ngày)	Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số (ngày)	
I	Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chi tiết								
1	Ban hành thông báo thu hồi đất và Kế hoạch thu hồi đất	UBND Huyện	3/2017			3/2017	3/2017		
2	Ban 9 bàn giao bản vẽ, mốc ranh GPMB cho địa phương	Ban 9	01/10/2017	01/10/2017		01/6/2018			
3	Triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm	Hội đồng bồi thường, Ban 9, TT phát triển quỹ đất	02/10/2017	15/11/2017	40	02/8/2018	15/9/2018	40	(+10 ngày đối với các hộ không phối hợp kiểm kê)
II	Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư								
4	Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Hội đồng bồi thường, Ban 9, TT phát triển quỹ đất	16/11/2017	15/12/2017	30	16/9/2018	15/10/2018	30	
5	Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và lấy ý kiến người dân	Hội đồng bồi thường, TT phát triển quỹ đất, UBND	16/12/2017	5/1/2018	20	16/10/2018	5/11/2018	20	Khoản 2 điều 28 NBĐ 47/2014/NĐ-CP

		xã												
6	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất	Hội đồng bồi thường huyện, Phòng TN-MT; Sở TN - MT	6/1/2018	15/2/2018	40	6/11/2018	5/12/2018	30						
III	Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư													
7	UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật đất đai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày	UBND huyện	16/2/2018	25/2/2018	10	6/12/2018	15/12/2018	10						
8	Niên yết công khai QĐ Thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Hội đồng bồi thường, UBND xã	26/2/2018	15/3/2018	20	16/12/2018	5/01/2019	20						
9	Chi trả đền bù và bàn giao mặt bằng	Trung tâm phát triển quỹ đất và các hộ BAH	16/3/2018	15/4/2018	30	6/01/2019	05/02/2019	30						
	Tổng		01/10/2017	15/4/2018	190	01/6/2018	5/02/2019	240						

l. Dự kiến thời gian và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án.

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải được xây dựng trình cơ quan thẩm định và phê duyệt chính thức trong vòng khoảng 6-8 tháng, địa phương sẽ chủ động chi trả và công bố phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tới các hộ bị ảnh hưởng trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi phê duyệt. Yêu cầu hộ BAH thực hiện bàn giao mặt bằng trong vòng 20 ngày sau khi nhận tiền chi trả.

3. Các biện pháp giảm thiểu tác động của thu hồi đất và bồi thường. Các hợp phần chính của dự án là xây dựng 08 hệ thống cống kiểm soát mặn kết hợp âu thuyền và đường giao thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Để giảm thiểu tác động do thu hồi đất, đơn vị thiết kế đã đưa ra phương án thi công chỉ gây ra các tác động tạm thời và hạn chế thấp nhất ảnh hưởng mất đất vĩnh viễn do thi công.

4. Tình hình kinh tế xã hội. Số huyện/thành phố được hưởng lợi trực tiếp từ dự án là 05 huyện và 01 thành phố nơi dự án được thực hiện. Trong khu vực 14 xã thuộc địa bàn xây dựng của các hệ thống công trình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản chiếm trung bình 42,8%, công nghiệp, xây dựng chiếm trung bình 21,4% và thương mại, dịch vụ chiếm trung bình 35,8%. Tỷ lệ các hộ nghèo của 14 xã trung bình là 7,3%. Thu nhập trung bình khoảng 2.070.000 đồng/người/tháng. Quy mô gia đình bình quân 3.79 người/hộ. Trình độ học vấn của các thành viên hộ đa số hết cấp 2 (33,7%), và chỉ có 3,5% số thành viên hộ có trình độ cao đẳng nghề, đại học và trên đại học.

5. Khung chính sách và Ma trận quyền lợi. Khung chính sách tái định cư (RPF) đã được lập làm cơ sở lập, cập nhật và thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư này. RPF được chuẩn bị tuân theo pháp luật và các quy định của Chính phủ Việt Nam liên quan đến việc thu hồi đất và tái định cư, Hướng dẫn về xem xét môi trường và xã hội của JICA (tháng 4 năm 2010), Chính sách OP 4.12 về tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới, và các quyết định của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi đất, hỗ trợ và tái định cư. Tài liệu này sẽ hướng dẫn để chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư và thực hiện tái định cư cho dự án. Mục tiêu chung của các chính sách và các tài liệu tái định cư này nhằm đảm bảo tất cả những người bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ nhận được bồi thường theo giá thay thế. Hỗ trợ sẽ được cung cấp cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng, hộ mất thu nhập, và các hộ gia đình thuộc nhóm dễ bị tổn thương để khôi phục điều kiện thu nhập và đời sống của họ ít nhất là bằng hoặc cao hơn so với trước khi dự án.

6. Tham vấn cộng đồng và sự tham gia. Kết quả tham vấn được phản ánh trong kế hoạch tái định cư này: những người bị ảnh hưởng đã tham gia họp tham vấn cộng đồng về thông tin dự án, các tác động của dự án, đề xuất, kiến nghị để thực hiện kế hoạch tái định cư.

7. Quy trình thực hiện. Nhiệm vụ tái định cư, bồi thường, hỗ trợ sẽ được thực hiện bởi Trung tâm Phát triển Quỹ đất (TTPTQĐ), PPMU, và Ban quản lý Đầu tư, Xây dựng thủy lợi 9 (Ban 9) và đơn vị giám sát nội bộ. Trong quá trình thực hiện, cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thực hiện như TTPTQĐ, PPMU, cơ quan địa

phương, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội địa phương, người bị ảnh hưởng trong khu vực của dự án.

8. Cơ chế giải quyết khiếu nại. Trong quá trình thực hiện, bất kỳ khiếu kiện nào của người bị ảnh hưởng sẽ được giải quyết dựa trên các thủ tục nêu trong RPF cho việc bồi thường và tái định cư của dự án cũng như trong RAP. Khiếu nại sẽ được giải quyết bởi chính quyền địa phương, cán bộ của dự án công bằng và rõ ràng với sự giám sát của các cơ quan giám sát độc lập. Người khiếu nại sẽ không phải trả bất kỳ chi phí hành chính nào.

9. Giám sát và đánh giá. Các cán bộ của PPMU và Ban 9 sẽ theo dõi và giám sát quá trình thực hiện RAP. Ngoài ra, Tư vấn giám sát độc lập sẽ được tuyển dụng để giám sát quá trình thực hiện và đánh giá các điều kiện sống của các hộ BAH trong suốt quá trình thực hiện RAP và sau khi hoàn thành RAP.

10. Kế hoạch thực hiện. Các hoạt động bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được thực hiện trong thời gian 02 năm, từ năm 2017 đến 9/2019 và Trung tâm phát triển quỹ đất của các huyện/thành phố hoặc Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai.

I. GIỚI THIỆU

1.1. Giới thiệu về dự án

Trước tình hình biến đổi khí hậu phức tạp, sự ấm dần lên của trái đất dẫn đến hiện tượng tan băng ở 2 cực, sự dâng cao mực nước biển dẫn đến ngập các vùng đất thấp ở các quốc gia nằm ven biển, khí hậu thay đổi khắc nghiệt mưa, hạn bất thường và lưu lượng sông Mê Kông giảm đáng kể do hiện tại và trong tương lai các quốc gia nằm thượng lưu như Trung Quốc, Thái Lan, Lào... có kế hoạch đẩy mạnh phát triển thủy điện để thay thế cho các nguồn năng lượng đang ngày một cạn kiệt. Tất cả các yếu tố trên dẫn đến ngập, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn khốc liệt, thiệt hại nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bến Tre nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng UBND tỉnh Bến Tre xây dựng dự án “Quản lý nước Bến Tre” được điều chỉnh từ dự án “Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre” (JICA3) với quy mô từ 03 tỉnh (Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre), tập trung cho 01 tỉnh (Bến Tre), nhằm mục tiêu chủ động kiểm soát mặn, nước biển dâng, lầy nước, tiêu nước, lầy phù sa, thau chua, rửa phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, tạo địa bàn phân bố dân cư & kết hợp giao thông thủy bộ, tạo thành mạng lưới giao thông thủy bộ liên tục trong vùng, hoàn thiện khép kín hệ thống thủy lợi của tỉnh nhằm mục tiêu phát triển vùng kinh tế, xã hội trọng điểm của tỉnh Bến Tre, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của dự án

1.2.1. Mục tiêu chung của dự án

Bảo vệ ngành nông nghiệp và đời sống của nhân dân khu vực dự án không bị đe dọa bởi xâm nhập mặn gây ra bởi biến đổi khí hậu, kiểm soát mặn và cung cấp nước ngọt để phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Bến Tre.

1.2.2. Quy mô đầu tư của dự án

Bên cạnh hoạt động đầu tư phi công trình, Dự án Thủy lợi Bắc Bến Tre nay là Dự án Quản lý nước Bến Tre, đã điều chỉnh quy mô dự án từ 11 công kiểm soát mặn nằm trên 3 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long được điều chỉnh còn lại 08 công kiểm soát mặn nằm trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Cụ thể như sau:

Bảng 2 - Bảng tổng hợp quy mô các công trình đề xuất

STT	Tên công trình	Quy mô (m)			Địa điểm xây dựng	
		B	Z ₀	Huyện	Tỉnh	
1	Cổng An Hóa	Cổng	120	-6,0	Bình Đại	Bến Tre
		Âu	2x12	-5,5	Châu Thành	
2	Cổng Thủ Cửu	90	-5,0	Giồng Trôm	Bến Tre	
3	Cổng Bến Tre	Cổng	70	-5,5	TP. Bến Tre	Bến Tre
		Âu	2x12	-5,5		
4	Cổng Tân Phú	20	-4,0	Châu Thành	Bến Tre	
5	Cổng Bến Rớ	20	-4,0	Châu Thành	Bến Tre	
6	Cổng Cái Quao	90	-5,0	Mỏ Cà Nam	Bến Tre	

STT	Tên công trình	Quy mô (m)			Địa điểm xây dựng	
		B		Z ₀	Huyện	Tỉnh
7	Cống Vàm Nước Trong	Cống	90	-6,0	Mỏ Càyl Bắc	Bến Tre
		Âu	12	-5,5	Mỏ Càyl Nam	
8	Cống Vàm Thơm	Cống	70	-5,5	Mỏ Càyl Bắc	Bến Tre
		Âu	12	-5,5	Mỏ Càyl Nam	

(Nguồn FS)

1.3. Mục tiêu của Kế hoạch Hành động Tái định cư

Kế hoạch hành động tái định cư được (RAP chuẩn bị dựa trên Khung Chính sách Tái định cư của dự án (RPF) đáp ứng các yêu cầu của JICA về Tái định cư không tự nguyện và những chính sách của Chính phủ Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất. RAP xác định số người BAH do việc xây dựng các công trình, và những tác động tiêu cực, đề xuất các biện pháp giảm thiểu những tác động, bồi thường và những hỗ trợ khác cho người BAH do những tác động không thể tránh khỏi.

RAP được chuẩn bị dựa trên những cơ sở sau:

- Những chính sách của chính phủ Việt Nam về TĐC và thu hồi đất;
- Hướng dẫn về xem xét môi trường và xã hội của JICA (tháng 4 năm 2010);
- Chính sách OP 4.12 về tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới;
- Các quyết định của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi đất, hỗ trợ và tái định cư;
- Khung chính sách TĐC của dự án;
- Thiết kế cơ sở, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án;
- Kết quả khảo sát của Tư vấn SANYU;
- Kết quả điều tra xã hội SES, kiểm đếm sơ bộ (IOL);
- Kết quả Tham vấn cộng đồng với người BAH và các bên liên quan;

Kế hoạch hành động TĐC sẽ được cập nhật sau khi thiết kế kỹ thuật chi tiết hoàn thành và kiểm đếm chi tiết DMS sẽ được tiến hành cụ thể nhằm xác định đúng phạm vi và mức độ ảnh hưởng của dự án, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức chi trả.

Để xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư, SES và IOL được tiến hành theo ba bước:

- Bước 1: Chập bản đồ giải thửa của địa phương và bình đồ bố trí công trình (phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án) để xác định những diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án.
- Bước 2: Lập danh sách các thửa đất bị ảnh hưởng và chủ sở hữu.
- Bước 3: Điều tra dân số và kiểm kê thiệt hại (IOL) cho 100% hộ bị ảnh hưởng.

Kết quả đánh giá được cập nhật vào tháng 6 năm 2016. Bảng câu hỏi phỏng vấn và mẫu kiểm kê thiệt hại được đưa vào trong Phụ lục 2.

1.5. Tác động tái định cư của dự án

a. Quy mô tác động

Kết quả kiểm tra cập nhật đến ngày 15,16/6/2016 của đoàn công tác giữa Tư vấn xã hội, Ban 9, HEC II tại thực địa 8 công (Phụ lục 3), và các kết quả khảo sát của Sanyu số hộ bị ảnh hưởng là 160 hộ. 89 hộ trong số này (55,99%) bị ảnh hưởng nhẹ với ít hơn 20% diện tích đất sẽ bị thu hồi. 71 hộ có tỷ lệ đất mất lớn hơn 20% được xác định là hộ bị ảnh hưởng nặng bởi dự án. Quy mô tác động được mô tả tại Bảng 3.

Bảng 3a - Quy mô tác động công trình kiến trúc (dự kiến)

STT	TÊN CÔNG	HUYỆN	XÃ	Số Hộ BAH di dời nhà ở	Mô tả hộ BAH
1	Vàm Thơm	Mỏ Cây Nam	Thành Thới B	2	3 CSSX - kinh doanh
		Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	2	8 hộ gia đình
2	Thủ Cửu	Giồng Trôm	Phước Long	1	3 hộ
			Thạnh Phú Đông	3	1 trang trại lợn (heo)
3	An Hóa	Châu Thành	Giao Hòa		4 hộ
		Bình Đại	Long Định	4	3 hộ
4	Bến Tre	TP Bến Tre	Phú Hưng	3	1 Cty SX xơ dừa
			Nhơn Thạnh		2 hộ
5	Cái Quao	Mỏ Cây Nam	Bình Khánh Đông	1	2 hộ
6	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Bắc	Tân Thành Bình	2	3 hộ
		Mỏ Cây Nam	Định Thủy	3	3 hộ
7	Tân Phú	Châu Thành	Tân Phú		Không có hộ AH nhà
8	Bến Rớ	Châu Thành	Tiên Long	1	1 hộ
			Tân Phú		Không có hộ ảnh hưởng nhà
Tổng cộng				22	

(Nguồn kiểm tra thực địa, IOL, 2016)

Bảng 3b-Danh sách các hộ BAH tái định cư

STT	Công	Huyện	Xã	Họ Tên Chủ hộ
1	Vàm Thơm	Mỏ Cây Nam	Thành Thới B	Lê Tiến Thuận (CSSX)
2	Vàm Thơm	Mỏ Cây Nam	Thành Thới B	Lữ Ngọc Thành(CSSX)
3	Vàm Thơm	Mỏ Cây Nam	Thành Thới B	Nguyễn Văn Phương (xăng dầu)
4	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Nguyễn Văn Tốt

5	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Ba Triệu, Sáu Tuyết
6	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Nguyễn Thị Kiều Oanh
7	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Nguyễn Văn Bé Ba
8	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Nguyễn T Kim Yến
9	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Trần Thị Mên
10	Vàm Thơm	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	Năm Thiện
11	Thủ Cừ	Giồng Trôm	Phước Long	Lê Văn Anh
12	Thủ Cừ	Giồng Trôm	Phước Long	Trần Văn Đạt (tiệm sửa ghe)
13	Thủ Cừ	Giồng Trôm	Phước Long	Nguyễn Văn Đước
14	Thủ Cừ	Giồng Trôm	Thạnh Phú Đông	Nguyễn Thành An
15	An Hóa	Châu Thành	Giao Hòa	Trịnh Thị Kim Loan
16	An Hóa	Châu Thành	Giao Hòa	Trương Thị Hai
17	An Hóa	Châu Thành	Giao Hòa	Trần Thanh Hùng
18	An Hóa	Châu Thành	Giao Hòa	Trần Thanh Bình
19	An Hóa	Bình Đại	Long Định	Lý Văn Đồng
20	An Hóa	Bình Đại	Long Định	Đặng Văn Nhái
21	An Hóa	Bình Đại	Long Định	Quách Thị Bạch Yến
22	Bến Tre	TP Bến Tre	Nhơn Thạnh	Cao Văn Khải
23	Bến Tre	TP Bến Tre	Nhơn Thạnh	Nguyễn Thị Thanh Hồng
24	Bến Tre	TP Bến Tre	Phú Hưng	Cty chi xơ dừa Bến Tre
25	Cái Quao	Mỏ Cây Nam	Bình Khánh Đông	Bùi Văn E
26	Cái Quao	Mỏ Cây Nam	Bình Khánh Đông	Lê Tấn Tông
27	Bến Rớ	Châu Thành	Tiên Long	Trần Văn Phúc
28	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Nam	Định Thủy	Phan Văn Hiếu
29	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Nam	Định Thủy	Lê Văn Sơn
30	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Nam	Định Thủy	Dương Minh Hòa
31	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Bắc	Tân Thành Bình	Nguyễn Hữu Nghĩa
32	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Bắc	Tân Thành Bình	Trần Văn Len
33	Vàm Nước Trong	Mỏ Cây Bắc	Tân Thành Bình	Trương Thị Bé

(Nguồn IOL, 2016)

b. Tác động lên đất

Sử dụng phương pháp chụp bản đồ từ bản đồ giải thửa của địa phương và bình đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể của 8 công đập dự kiến xây dựng, dự án có thể cần phải thu hồi 173,086 m² đất trong khu vực, trong đó 66.912 m² thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân 14 xã, và 106.174 m² thuộc về các hộ dân bị ảnh hưởng.

Diện tích đất thu hồi chủ yếu thuộc 4 loại: đất trồng cây lâu năm, đất ở, đất thương mại và các loại khác. Trong đó đất trồng cây lâu năm chiếm tỷ lệ lớn nhất (55,94%).

Bảng 4- Phạm vi thu hồi đất

TT	Tỉnh	Huyện	Xã	Số hộ BAH	Diện tích thu hồi đất (m ²)	
					Vĩnh viễn	Tạm thời
Công trình cống Bến Tre				15	19.163	2.543
	Bến Tre	TP Bến Tre	Nhon Thạnh	14	3.874	280
	Bến Tre	TP Bến Tre	Phú Hưng	1	15.009	2.543
Công trình cống An Hóa				31	41.100	2.662
	Bến Tre	Bình Đại	Long Định	12	25.600	2.662
	Bến Tre	Châu Thành	Giao Hòa	19	15.500	-
Công trình cống Bến Rớ				18	17544	120
	Bến Tre	Châu Thành	Tiên Long	14	12.609	120
	Bến Tre	Châu Thành	Tân Phú	4	4.935	-
Công trình cống Tân Phú				18	11.662	3654
	Bến Tre	Châu Thành	Tân Phú	7	10.431	-
	Bến Tre	Châu Thành	Phú Đức	11	1.231	3.654
Công trình cống Cái Quao				9	8.335	150
	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	Bình Khánh Đông	9	8.335	150
Công trình cống Thủ Cửu				12	8432	600
	Bến Tre	Giồng Trôm	Phước Long	5	4.194	200
	Bến Tre	Giồng Trôm	Thạnh Phú Đông	7	4.238	400
Công trình Cống Vàm Nước Trong				32	22.656	380
	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	Tân Thanh Bình	15	13.126	-
	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	Định Thủy	17	9.530	380
Công trình Cống Vàm Thơm				25	21.334	12.751
	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	Thành Thới B	17	14.205	1.740
	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	Khánh Thạnh Tân	8	7.129	11.011
Tổng				160	149.946,9	23.139,9

(Nguồn: IOL, 2016)

Mức độ ảnh hưởng đến đất đai phân theo từng loại

Bảng 5- Ảnh hưởng thu hồi đất

TT	Huyện/xã	Loại đất				Tổng (m ²)
		Đất trồng cây lâu năm (m ²)	Đất ở (m ²)	Đất thương mại (m ²)	Loại đất khác (m ²)	
	I. Tp. Bến Tre					
1	Nhon Thạnh	3.854,0	300,0	-	-	4.154,0
2	Phú Hưng	2.826,0	447,7	6.885,0	7.393,7	17.552,4
	II. Bình Đại					
3	Long Định	9.002,7	643,3	147,0	18.469,0	28.262,0
	III. Châu Thành					
4	Giao Hòa	7.656,5	-	-	7.843,5	15.500,0
5	Tiên Long	12.185,9	120,0	-	423,1	12.729,0
6	Tân Phú	9.918,9	-	-	5.447,1	15.366,0
7	Phú Đức	1.231,4	-	-	3.654,0	4.885,4
	IV. Giồng Trôm					
8	Phước Long	1.901,3	-	150,0	2.342,7	4.394,0
9	Thạnh Phú Đông	4.150,0	50,0	400,0	38,0	4.638,0
	V. Mỏ Cày Bắc					
10	Tân Thành Bình	9.971,1	-	-	3.154,9	13.126,0
11	Khánh Thạnh Tân	6.809,5	320,0	-	11.010,5	18.140,0
	VI. Mỏ Cày Nam					
12	Định Thủy	6.879,3	380,0	-	2.650,7	9.910,0
13	Thành Thới B	14.009,9	240,0	1.500,0	195,1	15.945,0
14	Bình Khánh Đông	6.426,8	120,0	-	1.938,2	8.485,0
	TỔNG	96.823,3	2.621,0	9.082,0	64.560,5	173.086,8
	Tỷ lệ (%)	55,94	1,51	5,25	37,30	100

(Nguồn: IOL, 2016)

Mức độ ảnh hưởng thu hồi đất của các hộ

Tổng cộng có 160 hộ có đất sản xuất bị ảnh hưởng. Trong đó 89 hộ sẽ bị ảnh hưởng nhẹ tức có ít hơn 20% diện tích đất sản xuất bị thu hồi.

Tổng số hộ bị thu hồi hơn 20% diện tích đất sản xuất là 71. Những hộ này được xác định là những hộ bị ảnh hưởng nặng bởi dự án (Bảng 6).

Bảng 6- Mức độ nghiêm trọng về thu hồi đất sản xuất

STT.	Huyện/Xã	Tổng số hộ BAH	Mức độ ảnh hưởng lên đất sản xuất				
			<20%	20% - 30%	Hơn 30%- 70%	Hơn 70%	100%
I. Tp. Bến Tre							
1	Nhon Thành	14	7	2	5	0	0
2	Phú Hưng	1	0	0	1	0	0
II. Bình Đại							
3	Long Định	12	3	5	3	1	0
III. Châu Thành							
4	Giao Hòa	19	9	1	9	0	0
5	Tiên Long	14	9	2	3	0	0
6	Tân Phú	11	6	2	3	0	0
7	Phú Đức	11	6	2	1	2	0
IV. Giồng Trôm							
8	Phước Long	5	5	0	0	0	0
9	Thạnh Phú Đông	7	4	3	0	0	0
V. Mô Cày Bắc							
10	Tân Thành Bình	15	8	0	7	0	0
11	Khánh Thạnh Tân	8	5	0	3	0	0
VI. Mô Cày Nam							
12	Định Thủy	17	9	3	3	2	0
13	Thành Thới B	17	11	3	3	0	0
14	Bình Khánh Đông	9	7	0	1	1	0
TỔNG		160	89	23	42	6	0
Tỷ lệ (%)		100	55.6	14.4	26.3	3.8	0

(Nguồn: Sanyu-IOL, 2016)

Hiện trạng sở hữu đất

100% các hộ được khảo sát đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (LURC) trên phần đất bị ảnh hưởng.

c. Tác động lên công trình kiến trúc

30 căn nhà sở hữu bởi 33 hộ trên 10 xã sẽ bị ảnh hưởng. 24/30 căn nhà là nhà cấp 4 với mái tôn hoặc ngói, tường gạch và nền xi măng. 06 căn khác là nhà gỗ tạm. Trong số này, 8 căn vẫn còn phần có thể sử dụng được, còn 22 căn nhà khác phải di dời hoàn toàn. Tổng diện tích các nhà bị ảnh hưởng là 3.525,7 m², có 2.321 m² đất thổ cư thu hồi vĩnh viễn.

Bảng 7- Tác động về nhà

STT	Xã	Số nhà bị ảnh hưởng			Số nhà có phần còn lại <u>sử dụng được</u>	Số nhà có phần còn lại <u>KHÔNG sử dụng được</u>	Tổng diện tích nhà bị ảnh hưởng (m ²)
		Tổng	Nhà cấp 4	Nhà tạm			
1	Phú Hưng	6	6	0	3	3	534.7
2	Long Định	4	4	0	0	4	545
3	Phước Long	1	0	1	0	1	120
4	Thạnh Phú Đông	3	1	2	0	3	280.0
5	Khánh Thạnh Tân	2	1	1	0	2	320.0
6	Thành Thới B	5	5	0	3	2	861.0
7	Bình Khánh Đông	1	0	1	0	1	120.0
8	Định Thủy	4	3	1	1	3	380.0
9	Tiên Long	1	1	0	0	1	120.0
10	Tân Thành Bình	3	3	0	1	2	245.0
	TOTAL	30	24	6	8	22	3,525.7

(Nguồn: Sanyu-IOL,2016)

Tác động lên vật kiến trúc khác

Ngoài nhà ở, một số hạng mục công trình kiến trúc khác như tường rào, giếng, bếp, sân, nhà xưởng cũng bị ảnh hưởng (Bảng 8).

Bảng 8- Số lượng các vật kiến trúc khác bị ảnh hưởng

Vật kiến trúc	Mái che (m ²)	Nhà kho (m ²)	Chuồng (lợn/bò/dê/gà) (m ²)	Giếng/ao (m ³)	Nhà tắm/nhà vệ sinh (m ²)	Sân đường (m ²)	Tường rào (m ²)	Cổng (m ²)
Số lượng	470	1022.35	394.5	19	23.5	2576.5	1235	21.5
Số hộ BAH	4	2	11	2	4	16	10	3

(Nguồn: IOL,2016)

d. Tác động lên cây trồng

Cây ăn trái chiếm phần lớn trên các diện tích đất bị ảnh hưởng, cho nên việc thu hồi đất cũng sẽ làm mất đi nhiều diện tích vườn cây ăn trái. Trong số này, dứa là loại phổ biến và bị mất nhiều nhất. Số lượng cây bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất của dự án được ước tính như sau (Bảng 9).

Bảng 9- Số lượng cây trồng và hoa màu bị ảnh hưởng

Loại cây (cây)	Dừa	Bưởi	Chôm chôm	Cây cảnh	Nhãn	Sầu riêng	Xoài	Chuối
Số lượng	1.750	400	320	120	214	410	200	760

(Nguồn: IOL,2016)

e. Tác động lên sản xuất - kinh doanh

Dự án có thể ảnh hưởng lên 4 cơ sở sản xuất chỉ xơ dừa (1 tại xã Phú Hưng và 3 tại xã Thành Thới B). Trong đó, xã Thành Thới B bị ảnh hưởng đến hai (02) cơ sở chỉ xơ dừa và cơ sở kinh doanh xăng dầu bị ảnh hưởng nhẹ. Hai cơ sở sản xuất chỉ xơ dừa ngoài ảnh hưởng thu hồi liên quan đến nhà xưởng, sân phơi, còn ảnh hưởng đến nguồn thu nhập, đời sống của trên 10 công nhân lao động thường xuyên tại cơ sở khi hai cơ sở này phải di dời, sắp xếp lại sản xuất.

f. Tác động lên công trình và cơ sở công cộng

Một trường mẫu giáo ở xã Phú Hưng có thể bị ảnh hưởng nhẹ, với khoảng 5.8% diện tích đất nằm trên phần sân chơi bị thu hồi. Điều này sẽ không gây tác động lớn lên hoạt động của trường.

g. Tác động mở mã, công trình văn hóa

Theo khảo sát có một số miếu, mộ mã dự kiến bị ảnh hưởng: trong đó là 34 ngôi mộ xây và mộ đất liên quan đến 13 hộ, và 02 miếu nhỏ, diện tích 20m² (Cổng Vàm Thơm).

h. Tác động lên các hộ dễ bị tổn thương

Trên cơ sở SES và IOL, dự án dự kiến ảnh hưởng đến 16 hộ (chiếm 10,00%/ 160 hộ BAH) thuộc nhóm dễ bị tổn thương tại 10 trong tổng số 14 xã bị ảnh hưởng tái định cư. Những hộ này bao gồm những hộ nghèo, hộ chính sách, hộ người già neo đơn, và hộ không có đất. Trong đó có 05 hộ nghèo, 04 hộ người già neo đơn và 06 hộ gia đình chính sách, 01 hộ không có đất. Các hộ này ngoài mức bồi thường cho đất đai, tài sản và cây cối bị mất, cũng có những mức hỗ trợ cho các đối tượng dễ bị tổn thương theo các quy định của nhà nước và của các tỉnh.

Bảng 10- Ước tính số lượng hộ dễ bị tổn thương có thể bị ảnh hưởng

STT	Xã/Huyện	Tổng số hộ	Hộ dễ bị tổn thương			
			Hộ nghèo	Hộ chính sách	Hộ người già neo đơn	Hộ không có đất
	I. Tp. Bến Tre					
1	Nhon Thạnh	4		2	2	
2	Phú Hưng	1	1			
	II. Bình Đại					
3	Long Định	2	1		1	
	III. Châu Thành					
4	Tân Phú	1	1			
5	Phú Đức	1			1	
	IV. Giồng Trôm					
6	Thạnh Phú Đông	1				1
	V. Mỏ Cày Bắc					
7	Tân Thành Bình	3		3		
8	Khánh Thạnh Tân	1	1			
	VI. Mỏ Cày Nam					

STT	Xã/Huyện	Tổng số hộ	Hộ dễ bị tổn thương			
			Hộ nghèo	Hộ chính sách	Hộ người già neo đơn	Hộ không có đất
9	Định Thủy	1		1		
10	Bình Khánh Đông	1	1			
Tổng cộng		16	5	6	4	1
Tỷ lệ (%)		100	31.25	37.50	25.00	6.25

(Nguồn: Sanyu- SES, 2016)

i. Yêu cầu di dời

Tổng số 22 hộ sẽ phải di dời nhà ở do việc thu hồi đất. Trong đó 7 hộ có diện tích đất còn lại đủ lớn để dựng lại nhà ngay tại đó, 15 hộ còn lại thì sẽ cần phải di dời đi nơi khác.

1.4. Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực

Nhìn chung dự án mang lại nhiều tác động tích cực cho người dân, nhưng cũng như các dự án phát triển khác, việc có những tác động tiêu cực gây mất đất và tác động xã hội, môi trường là không thể tránh khỏi. Dự án gây tác động mất đất thổ cư, đất kinh doanh của 33 hộ dân, với tổng diện tích 2,321 m², thu hồi vĩnh viễn gần 15 ha đất sản xuất và thu hồi tạm thời hơn 2,3 ha đất sản xuất của các hộ dân. Một số hộ sẽ phải di dời chỗ ở hoặc chuyển đổi nghề. Các biện pháp giảm thiểu được thực hiện ở cả hai mặt, công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực này.

- Về mặt công trình, việc xây dựng các hợp phần đã có tính đến việc hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng bất lợi đến các hộ gia đình khi lựa chọn tuyến hay vị trí công trình hợp lý, giảm thấp nhất ảnh hưởng mất đất của các hộ dân, tiến hành thi công đồng bộ các công trình và đưa ngay vào sử dụng, không làm dàn trải hay từng phần dẫn đến làm giảm hiệu quả của dự án. Bố trí các âu thuyền hỗn hợp 02 chiều, 01 chiều đáp ứng yêu cầu giao thông thủy trong thời gian có yêu cầu đóng cống. Bên cạnh đó, giải pháp thi công bằng công nghệ tiên tiến, thi công bằng thiết bị hiện đại hạn chế các tác động thu hồi đất và các phương án vận hành hợp lý được xây dựng phù hợp cho từng cống sẽ hạn chế các tác động tác động đến môi trường nước, giao thông thủy bộ.
- Về mặt phi công trình, các chính sách bồi thường, hỗ trợ phụ hồi sinh kế, hỗ trợ di dời được thực hiện đầy đủ theo những chính sách và quy định của Nhà nước, của các tỉnh và của tổ chức JICA về tái định cư không tự nguyện nhằm đạt mục tiêu cải thiện đời sống và sinh kế cho những hộ dân chịu ảnh hưởng, hoặc ít nhất giúp họ khôi phục lại sinh kế đạt mức trước khi có dự án.

2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐIỀU TRA THIẾT HẠI

2.1. Bối cảnh kinh tế xã hội của khu vực dự án

Tỉnh Bến Tre giáp với tỉnh Tiền Giang ở phía Bắc và tỉnh Vĩnh Long - Trà Vinh ở phía Tây Nam. Tổng dân số toàn tỉnh là 1,2 triệu người; trong đó Bắc Bến Tre chiếm 60% và còn lại 40% sinh sống ở Nam Bến Tre. Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 137.224 ha, và vùng hưởng lợi của dự án chiếm 80% diện tích đất nông nghiệp (110.442 ha). Số người được hưởng lợi từ dự án vào khoảng 207.275 hộ.

Tổng GDP của tỉnh Bến Tre trong năm 2014 là 90.095 tỷ VND (4.097 triệu USD) và GDP bình quân đầu người là 71 triệu đồng/người (3.246 USD/người) trong khi đó GDP bình quân đầu người của cả nước là 43 triệu đồng/người (1.974 USD/người). GDP bình quân đầu người của tỉnh Bến Tre cao hơn bình quân cả nước vào khoảng 1,6 lần và đứng thứ 9 tại ĐBSCL. Tăng trưởng GDP của sản xuất chế biến và viễn thông là gần 100% , trong khi đó Nông-Lâm-Ngư nghiệp và tổng mức bán buôn hàng hóa tăng trưởng ít hơn 20% (giai đoạn từ 2010 đến 2014 theo giá cố định năm 2010)

Dự án Quản lý nước tỉnh Bến Tre nằm trên địa bàn của 14 xã thuộc 5 huyện, 1 thành phố của tỉnh Bến Tre. Dự án bao gồm 08 hạng mục công trình cống - âu kiểm soát mặn. Khu vực hưởng lợi trực tiếp của dự án là người dân tại Khu vực bắc Bến Tre và Nam Bến Tre, đặc biệt là 14 xã có những hoạt động xây dựng sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án (Bảng 1).

2.2. Hiện trạng kinh tế xã hội các xã bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án

Về dân số và mật độ dân số: 14 xã khu vực ảnh hưởng trực tiếp của dự án có sự phân bố dân cư không đồng đều dân số các xã cũng có sự tập trung cao ở các xã có điều kiện phát triển kinh tế thuận lợi như Tân Phú (15,030), kể đến là Phú Hưng, Định Thủy và Tân Thành Bình. Hai xã Phú Hưng và Bình Khánh Đông có mật độ dân số cao nhất, với hơn 1,000 người/km², mật độ dân số giao động từ 583 hộ/km² (xã Thạnh Thời B) đến 1112 hộ/km² (xã Phú Hưng), Mật độ dân số các xã đều cao hơn bình quân toàn tỉnh Bến Tre là 535 người/km².

Về tỷ lệ Nam/Nữ: 3 xã Nhon Thạnh, Phú Hưng và Bình Khánh Đông có dân số nữ lớn hơn nam. Tân Thành Bình tỷ lệ giới tính (tức tỷ lệ nam trên nữ) vào khoảng 1.188, cao nhất trong 14 xã. Trong khi đó, tỷ lệ này ở xã Bình Khánh Đông chỉ khoảng 0.612, thấp nhất trong các xã bị ảnh hưởng.

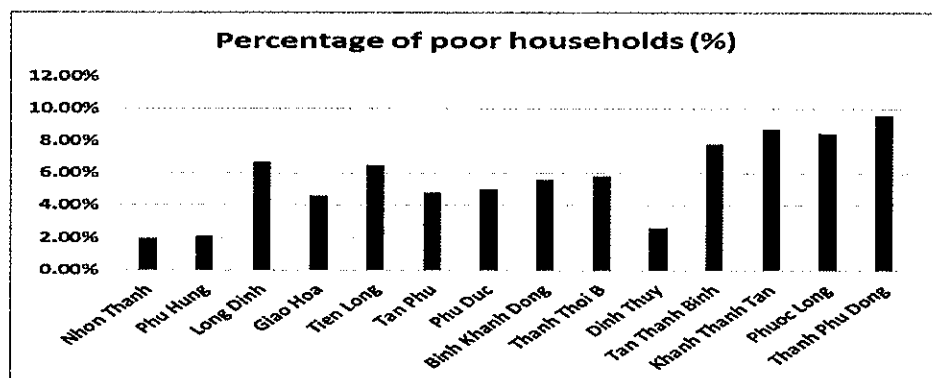
Về quy mô hộ gia đình: Quy mô hộ gia đình trung bình của 14 xã vào khoảng 4 người/hộ, với Phú Hưng có quy mô hộ trung bình cao nhất (4,51 người/hộ) và Bình Khánh Đông có quy mô hộ trung bình nhỏ nhất (3,20 người/hộ) (Bảng 11).

Bảng 11- Thông tin dân số và nhân khẩu của các xã BAH

TT	Xã	Diện tích (km ²)	Dân số	Mật độ dân số (người /km ²)	Tỷ lệ nam/nữ	Tổng số hộ	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2014	Số khẩu trung bình/hộ (khẩu/hộ)
1	Nhon Thạnh	9.26	7,355	794.28	0.869	2050	1,7	3.59
2	Phú Hưng	10.05	12,185	1212.44	0.939	3630	5,0	3.36
3	Long Định	7.7	6,494	843.38	1.041	1440	8,9	4.51
4	Giao Hòa	6.36	4,002	629.25	1.041	1088	4,6	3.68
5	Tiên Long	12.2	8,585	703.69	1.041	2107	6,2	4.07
6	Tân Phú	24.37	15,030	616.74	0.958	3624	6,7	4.15
7	Phú Đức	10.6	9,233	871.04	1.098	2169	6,1	4.26
8	Bình Khánh Đông	6,85	6.302	920,00	0.612	1.967	8,4	3.20
9	Thành Thới B	18.07	10,550	583.84	1.092	2530	6,6	4.17
10	Định Thủy	14.38	12,503	869.47	1.009	2961	3,4	4.22
11	Tân Thành Bình	17.14	12,516	730.22	1.188	3866	8,4	3.24
12	Khánh Thạnh Tân	12.26	11,460	934.75	1.014	3054	12,4	3.75
13	Phước Long	14.56	10,581	726.72	1.109	2682	9,8	3.95
14	Thành Phú Đông	11.93	10,977	920.12	1.129	2812	9,6	3.90

(Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội năm 2015 của các UBND xã)

Về tỷ lệ nghèo: Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo theo báo cáo Kinh tế xã hội của xã năm 2014: xã có tỷ lệ nghèo cao nhất là xã Khánh Thạnh Tân (12,4%), xã có tỷ lệ nghèo thấp nhất là xã Nhon Thạnh (2,7%), trung bình tỷ lệ hộ nghèo các xã là 7,63%. Tỷ lệ hộ nghèo của các xã bị ảnh hưởng dự kiến giảm trong năm 2015 trung bình vào khoảng 5.8%. Nhon Thạnh (2.13%), và Khánh Thạnh Tân (9,6%) (Hình 2).



Hình 2- Tỷ lệ hộ nghèo của các xã bị ảnh hưởng dự kiến năm 2015

Về cơ cấu kinh tế và thu nhập: Nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kinh tế của các xã. Loại cây trồng phổ biến và được trồng ở quy mô lớn ở tất cả các xã là dừa. Có một số xã có diện tích dừa chiếm gần như tuyệt đối, bao gồm Phú Đức, Phước Long, Thành Phú Đông, Thành Thới B và Định Thủy. Ngược lại,

các loại cây ăn trái (trừ dứa) chiếm phần lớn diện tích đất nông nghiệp ở một số xã như Tiên Long và Tân Phú. Những loại cây ăn trái phổ biến là bưởi, sầu riêng, chôm chôm, xoài và nhãn. Diện tích lúa đã giảm rất nhiều ở phần lớn các xã, ngoại trừ hai xã Long Định và Phú Hưng. Ở một số nơi, nông dân còn trồng một số loại cây xen vào trong vườn dứa, bao gồm ca cao, chuối và vài loại cây ăn trái khác. Nhìn chung, sự đa dạng giống cây trồng phản ánh mức độ ảnh hưởng của xâm nhập mặn lên nông nghiệp địa phương, do phần lớn các loại cây lấy quả đều không có khả năng chịu mặn, dẫn đến việc dứa (cây có độ chịu mặn tốt hơn) chiếm phần lớn diện tích cây trồng ở nhiều xã.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi cũng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương. Loại gia súc phổ biến nhất là heo có 141 trại nuôi heo, với hơn 124 ngàn cá thể. Tiếp đó là đàn dê và bò với kích thước đàn khác nhau theo từng xã, từ vài con đến vài ngàn con (như ở Khánh Thành Tân, Tiên Long, Phú Hưng và Tân Phú). Gia cầm cũng được nuôi rộng rãi với khoảng hơn 360 ngàn con gà, vịt và chim các loại. Thêm vào đó, các xã còn có một diện tích nhỏ dành cho nuôi trồng thủy sản, bao gồm cả thủy sản nước ngọt (cá và tôm càng xanh, nuôi ếch) lẫn nước mặn (tôm sú). Toàn tỉnh có 46.750 ha tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, riêng trong các xã vùng dự án, diện tích nuôi trồng thủy sản lớn nhất thuộc về xã Tân Phú (89 ha) và Thạnh Phú Đông (88 ha).

Bảng 12- Số liệu nông nghiệp của các xã BAH

TT	Xã	Diện tích nông nghiệp (ha)					Quy mô chăn nuôi (ngàn con)				Diện tích thủy sản (ha)
		Lúa	Cây hàng năm (trừ lúa)	Dứa	Ca cao (xen với dứa)	Cây ăn trái	Heo	Bò	Dê	Gia cầm	
1	Nhơn Thạnh			387,55		297.5	1.30	0.116	0	13.00	24.0
2	Phú Hưng	97.6	26.0	338.0		42.0	1.20	1.209	0	15.00	7.1
3	Long Định	158.6	21.5	96.8		333.9	2.12	0.206	0.237	18.63	2.2
4	Giao Hòa	22.4	9.2	194.4		145.4	0.97	0.075	0.286	4.59	13.1
5	Tiên Long			142.6		789.4	0.93	0.009	1.193	26.46	75.0
6	Tân Phú			90.9		1078.0	1.36	0.087	1.240	23.03	89.4
7	Phú Đức			110.1			1.12	0.020	1.250	5.43	75.0
8	Bình Kh Đông			676.9	31.0	28.0	19.52	0.237	0.411	20.03	
9	Thạnh Thới B			847.0	27.4		40.60	0.772	0	48.36	15.0
10	Định Thủy			1112.1	33.2	79.0	18.50	0.112	0	75.00	23.3
11	Tân Th Bình	26.1	32.5	1195.6		122.2	10.18	0.374	0.684	62.39	61.4
12	Khánh T Tân	20.0	83.4	679.3		135.6	18.60	2.350	0	22.50	27.8
13	Phước Long			1118.3		85.7	4.48	0.074	1.252	25.74	39.7
14	Thạnh Ph Đông			1058.0			4.00	0	1.582	0.67	88.7

(Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội năm 2015 của các UBND xã)

Ngoài thu nhập từ nông – lâm – ngư nghiệp (44%), theo báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Bến Tre năm 2015, thu nhập từ ngành nghề phi nông nghiệp chiếm 25%. Trong khu vực 14 xã dự án, khảo sát kinh tế xã hội cho thấy, các ngành kinh tế phi nông nghiệp bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong đó có hơn 1,149 cơ sở công nghiệp và thủ công mỹ nghệ quy mô nhỏ, tập trung vào các cơ sở này sản xuất các sản phẩm chế biến từ dừa. Những cơ sở sản xuất khác tập trung vào các ngành mộc, đan lát, may mặc và chế biến thực phẩm. Ngoài ra, có khoảng 31% (có hơn 4,900 hộ gia đình) tham gia vào lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ, góp phần quan trọng vào sự đa dạng hóa nền kinh tế địa phương, tập trung tại các xã thuộc địa bàn TP Bến Tre và các xã gần đường quốc lộ, tỉnh lộ.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng hiện đang được từng bước nâng cấp ở tất cả các xã. Hiện nay gần như toàn bộ hộ (> 99%) đã được tiếp cận với lưới điện quốc gia. Hệ thống cấp nước, tuy nhiên, vẫn còn kém phát triển, với phần lớn các hộ hiện vẫn còn sử dụng nước sông không qua xử lý làm nguồn nước sinh hoạt chính. Ở một vài xã, tỷ lệ hộ được sử dụng nước máy đạt hơn 50% bao gồm Nhơn Thạnh, Phú Hưng, Định Thủy, và Tân Thành Bình. Ngược lại, ở Bình Khánh Đông, Phước Long, và Giồng Trôm, có ít hơn 20% số hộ được tiếp cận với nước máy. Đường và cầu đang trong giai đoạn triển khai xây dựng, tuy vậy ở nhiều nơi, giao thông đường bộ vẫn hạn chế do sự thiếu vắng và bảo dưỡng kém hệ thống đường bê tông và đường nhựa. Về y tế, tất cả các xã đều có trạm y tế riêng, nằm gần Ủy ban nhân dân xã. Mỗi xã đều có ít nhất một trường tiểu học, và 10 xã có trường Trung học cơ sở, trong khi chỉ có 2 xã có trường Trung học Phổ thông (PTTH) là Tân Thành Bình và Bình Khánh Đông.

Bảng 13: Cơ sở y tế, giáo dục và tiện nghi sinh hoạt

Xã	Trạm y tế	Trường học		Điện	Nước sạch
		Cấp I và II	Cấp III		
Nhơn Thạnh	1	1	0	100%	Chủ yếu dùng nước sông, suối, hồ ao (50%), sau đến vòi nước máy (25%), nước mưa (17%). Ngoài ra còn dùng nước giếng khoan, đào,... với tỷ lệ không nhiều.
Phú Hưng	1	2	0	100%	
Long Định	1	1	0	100%	
Giao Hòa	1	2	0	100%	
Tiên Long	1	1	0	100%	
Tân Phú	1	2	0	100%	
Phú Đức	1	1	0	100%	
Bình Khánh Đông	1	2	0	100%	
Thành Thới B	1	2	0	100%	
Định Thủy	1	2	0	100%	
Tân Thành Bình	1	3	1	100%	
Khánh Thạnh Tân	1	2	0	100%	
Phước Long	1	2	0	100%	
Thạnh Phú Đông	1	2	1	100%	

Tổng	14	25	2		
-------------	-----------	-----------	----------	--	--

(Nguồn: SES; 2016).

Cả 14 xã đều đã có trạm y tế và các trường tiểu học cấp I, II. Có 2 xã có trường cấp III, là xã Tân Thành Bình và Thạnh Phú Đông, tỉnh Bến Tre. Người dân trong cả 14 xã đều đã được dùng điện lưới quốc gia. Ngoài ra nhiều hộ còn sử dụng nguồn điện từ biogas. Về nước sạch, hiện nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất khá đa dạng. Chủ yếu người dân sử dụng nguồn nước từ sông, suối, ao, hồ; nước giếng khoan, giếng đào. Số lượng sử dụng nước máy không nhiều, ngoài ra người dân còn sử dụng nước mưa từ các bể chứa để sử dụng trong sinh hoạt.

2.3. Kết quả điều tra các hộ bị ảnh hưởng di dời

Sau khi khảo sát thực địa tại 14 xã của dự án (tháng 9-10/2014), kết hợp với bản vẽ thiết kế sơ bộ, đơn vị tư vấn đã xác định được các hộ bị ảnh hưởng của dự án. 33 hộ bị ảnh hưởng di dời một phần hoặc toàn bộ. Ngoài ra, phần diện tích đất sản xuất bị mất thuộc quyền sử dụng của rất nhiều hộ của 14 xã, nhưng với diện tích đất sản xuất của mỗi hộ trung bình khoảng 3000-5000 m² đất sản xuất, thì phần diện tích các hộ bị mất là không đáng kể. Các số liệu dưới đây là kết quả điều tra khảo sát với 33 hộ bị ảnh hưởng đến đất thổ cư của dự án.

Dân số, dân tộc.

Có tổng số 33 hộ bị ảnh hưởng đất ở của dự án với tổng số thành viên là 120 người. Tất cả các hộ BAH đều là người Kinh. Tại địa bàn xây dựng của dự án, không có hộ gia đình bị ảnh hưởng nào là hộ gia đình dân tộc thiểu số.

Bảng 14- Số hộ bị ảnh hưởng

Huyện/Xã	Tổng số hộ điều tra KTXH	Tổng số người	Tổng số khẩu		Dân tộc	
			Nam	Nữ	Kinh	
					Hộ	Khẩu
TP Bến Tre	6	17			6	17
Xã Nhơn Thạnh	5	15	8	7	5	15
Xã Phú Hưng	1	2	1	1	1	2
Huyện Châu Thành	6	21			6	21
Xã Tiên Long	2	9	4	5	2	9
Xã Giao Hòa	4	12	5	7	4	12
Huyện Bình Đại	5	10			5	10
Xã Long Định	5	10	4	6	5	10
Huyện Mỏ Cày Nam	10	51			10	51
Xã Thành Thới B	4	18	8	10	4	18
Xã Bình Khánh Đông	3	18	7	11	3	18
Xã Định Thủy	3	15	6	9	3	15
Huyện Mỏ Cày Bắc	5	18			5	18

Xã Tân Thành Bình	3	10	4	6	3	10
Xã Khánh Thành Tân	2	8	5	3	2	8
Huyện Giồng Trôm	1	3			1	3
Xã Phước Long	1	3	2	1	1	3
Tổng	33	120	57	66	33	120

(Nguồn: SES, 2016).

Tuổi, giới tính và trình độ học vấn

Trong 33 hộ bị ảnh hưởng, số lượng nam và nữ trong các hộ gia đình có sự chênh lệch nhỏ. Trong tổng số 120 thành viên hộ gia đình, cơ cấu dân số nam chiếm tỷ lệ 46,6% và còn lại 53,4% là dân số nữ.

Trong tổng số 33 hộ gia đình bị ảnh hưởng có 27 chủ hộ là nam giới và 19 chủ hộ là nữ giới.

Bảng 15- Cơ cấu dân số theo độ tuổi

Huyện/thành phố	Các nhóm tuổi								Tổng (%)
	Dưới 6 tuổi		6-17 tuổi		18-60 tuổi		Trên 60 tuổi		
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	
TP Bến Tre	0	0.0	0	0.0	16	9.9	1	0.6	14,17
Huyện Bình Đại	0	0.0	2	1.2	5	3.1	3	1.9	8,33
Huyện Châu Thành	2	1.2	1	0.6	16	9.9	2	1.2	17,50
Huyện Mỏ Cày Bắc	1	0.6	5	3.1	12	7.5	0	0.0	15,00
Huyện Mỏ Cày Nam	4	2.5	8	5.0	31	19.3	8	5.0	42,50
Huyện Giồng Trôm	0	0.0	1	0.6	2	1.2	0	0.0	2,50
Tổng	7	5.83	17	14.17	82	68.33	14	11.67	100.0

(Nguồn: SES, 2014).

Trong tổng số 120 thành viên hộ gia đình bị ảnh hưởng, số lượng trẻ em từ 0-6 tuổi là 7 (chiếm tỷ lệ 5,83%), số lượng trẻ em trong độ tuổi đến trường (từ 6-17 tuổi) là 17 (tỷ lệ 14,17%) và số thành viên trong độ tuổi lao động (từ 18 đến 60 tuổi) là 82 thành viên (tỷ lệ 68,33% - một tỷ lệ khá cao những người trong độ tuổi lao động). Những người trên 60 tuổi của các hộ gia đình này là 14 thành viên, chiếm tỷ lệ 11,67%.

Bảng 16- Trình độ học vấn của người bị ảnh hưởng

Huyện/Thành phố	Mù chữ		Mẫu giáo		Cấp 1		Cấp 2		Cấp 3		CD-ĐH		Tổng g (%)
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	
Bình Đại	0	0.0	1	0.6	3	1.9	3	1.9	2	1.2	1	0.6	8,33
Châu Thành	3	1.9	1	0.6	8	5.0	2	1.2	7	4.3	0	0.0	17,5
Giồng Trôm	0	0.0	0	0.0	0	0.0	3	1.9	0	0.0	0	0.0	2,5
Mỏ Cày Bắc	1	0.6	0	0.0	10	6.2	5	3.1	1	0.6	1	0.6	15

Mô Cày Nam	4	2.5	2	1.2	9	5.6	19	11.8	7	4.3	10	6.2	42,5
TP Bến Tre	0	0.0	0	0.0	2	1.2	2	1.2	7	4.3	6	3.7	14,17
Tổng	8	6.67	4	3.33	32	26.67	34	28.33	24	20,00	18	15.0	100,0

(Nguồn: SES 2016).

Tỷ lệ thành viên hộ có trình độ đã hết cấp I và hết cấp II chiếm tỷ lệ lớn nhất trong số các thành viên hộ gia đình bị ảnh hưởng với tỷ lệ lần lượt là 26,67% và 28,33%, 20,00% học hết cấp III; 15% trình độ cao đẳng, đại học. Có 8 thành viên thuộc diện mù chữ, chiếm tỷ lệ 6,67%. Đây là các thành viên cao tuổi trên địa bàn các huyện của dự án.

Nghề nghiệp và thu nhập

Bảng 17- Cơ cấu nghề nghiệp của những người bị ảnh hưởng

Nghề nghiệp	Bình Đại		Châu Thành		Giồng Trôm		Mô Cày Bắc		Mô Cày Nam		TP Bến Tre		Tổng	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
Trồng trọt	1	0,8	4	3,3			6	5,0	16	13,3	8	6,7	35	29,17
Chăn nuôi							2	1,7					2	1,67
Kinh doanh	1	0,8	1	0,8	2	1,7			2	1,7	2	1,7	8	6,67
Công nhân	1	0,8	6	5,0					2	1,7	1	0,8	10	8,33
Nhân viên nhà nước									1	0,8	1	0,8	2	1,67
Nhân viên công ty tư nhân									4	3,3	4	3,3	8	6,67
Lái xe									1	0,8			1	0,83
Nội trợ			1	0,8					3	2,5			4	3,33
Hưu trí									1	0,8			1	0,83
Học sinh, sinh viên	2	1,7	1	0,8	1	0,8	5	4,2	12	10,0			21	17,50
Làm mướn	3	2,5	2	1,7			4	3,3	3	2,5	1	0,8	13	10,83
Khác	2	1,7	6	5,0			1	0,8	6	5,0			15	12,50
Tổng	10	8,33	21	17,50	3	2,50	18	15,00	51	42,50	17	14,17	120	100,0

Những thành viên của các hộ gia đình bị ảnh hưởng có nhiều nghề nghiệp khác nhau. Trong đó có tổng cộng 37 người tham gia trong các lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi) chiếm tỷ lệ 30,84% số lượng thành viên hộ gia đình. Học sinh, sinh viên chiếm tỷ lệ 17,5% với 21 người. Các ngành nghề khác có số lượng thành viên làm nhiều là làm mướn (13 người 10,83%). Còn lại là tham gia trong các ngành nghề khác, hoặc chưa đi làm, hoặc đã hưu trí.

Bảng 18-Thu nhập bình quân tháng của các hộ bị ảnh hưởng

Huyện/ Thành phố	Dưới 2 triệu		Từ 2 đến dưới 3 triệu		Từ 3 đến 5 triệu		Trên 5 triệu	
	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%
Huyện Bình Đại	2	6,06	3	9,09				
Huyện Châu Thành			3	9,09	3	9,09		
Huyện Giồng Trôm							1	3,03
Huyện Mỏ Cày Bắc	2	6,06	2	6,06	1	3,03		
Huyện Mỏ Cày Nam	2	6,06	5	15,15	1	3,03	2	6,06
TP Bến Tre	2	6,06	2	6,06	2	6,06		
Tổng	8	24,24	15	45,45	7	21,21	3	9,09

(Nguồn SES, 2016)

Tim hiểu về mức thu nhập của các hộ cho thấy chủ yếu các hộ BAH có thu nhập dưới 2 triệu/hộ/tháng với 08 hộ, chiếm 24,24%. Mức thu nhập này là xấp xỉ với ngưỡng nghèo do MOLISA ban hành (tính theo quy mô 4,14 người/hộ). Có 15 hộ có thu nhập trung bình từ 2 đến 3 triệu đồng/hộ/tháng, chiếm tỷ lệ 45,45%, là các hộ có mức thu nhập ở mức cận nghèo. Có 7 hộ thu nhập từ 3-5 triệu/hộ/tháng và chỉ có 3 hộ có mức thu nhập cao trên 5 triệu/hộ/tháng, chiếm tỷ lệ 9,09%.

Các số liệu trên cho thấy mức độ nghèo và cận nghèo của nhóm hộ gia đình bị ảnh hưởng là cao hơn so với tỷ lệ chung của các xã BAH.

Sử dụng nước sạch và năng lượng

Về sử dụng nước sạch cho sinh hoạt, phần lớn các hộ BAH sử dụng nước ao, hồ, sông suối, qua lọc và lắng phèn để sử dụng, số hộ sử dụng nguồn nước này là 19/33 hộ BAH. Tiếp đến là các hộ sử dụng nước mưa với 8/33 hộ. Có 6/33 hộ có vòi nước máy trong nhà, tập trung chủ yếu ở các xã thuộc TP. Bến Tre.

3. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG

3.1. Khung pháp lý

Khung pháp lý về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được dựa trên Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật Đất đai (2013) và các Luật, quy định liên quan của Việt Nam và Hướng dẫn về xem xét môi trường và xã hội của JICA (Hướng dẫn JICA, tháng 4 năm 2010). Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chính sách của Việt Nam và Hướng dẫn JICA thì Hướng dẫn JICA sẽ được ưu tiên. Điều này được quy định trong Nghị định 16/2016/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: "*Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong thực hiện chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.*" (Điều 51 mục 01).

3.2. Quy định của Việt Nam về thu hồi đất và tái định cư

Các tài liệu pháp lý về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Chính phủ Việt Nam được áp dụng bao gồm:

- Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2013;
- Luật Đất đai 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, thay thế Luật Đất đai 2003;
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Đất đai 2013;
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu nhà nước thu hồi đất, thay thế Nghị định 197/2004/ND-CP và Nghị định 69/2009/ND-CP;
- Nghị định 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài ;
- Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;
- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;
- Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo;
- Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp

3.3. Các quyết định của tỉnh Bến Tre về thu hồi đất và tái định cư

Bên cạnh các quy định quốc gia, UBND các tỉnh cũng ban hành các quyết định về thu hồi đất và tái định cư vì họ được giao trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai ở trong tỉnh. Ở tỉnh Bến Tre, các quy định có liên quan bao gồm:

- Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh Bến Tre ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015 – 2019;
- Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của UBND Tỉnh Bến Tre ban hành Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND Tỉnh Bến Tre ban hành Bảng giá các loại cây trồng để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3.4. Chính sách tái định cư không tự nguyện của JICA/ WB (OP. 4.12)

“*Hướng dẫn về Xem xét Môi trường và Xã hội của JICA*” được công bố tháng 4 năm 2010. Hướng dẫn có khẳng định: “JICA xác nhận rằng các dự án không được sai lệch đáng kể so với các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế

giới,...” (Điều 2.6, Mục 3). Vì vậy, các tài liệu pháp lý chính liên quan đến thu hồi đất và tái định cư của dự án là:

- Hướng dẫn về xem xét tác động môi trường và xã hội của JICA (tháng 4 năm 2010).
- Chính sách an sinh xã hội của Ngân hàng Thế giới (WB OP 4.12 và các Phụ lục).
- Sách nguồn về Tái định cư không tự nguyện (Ngân hàng Thế giới).

Chính sách cơ bản về tái định cư không tự nguyện của JICA như sau:

- (i) Chính phủ nước nhận vốn sẽ sử dụng Chính sách Tái định cư của Dự án (Chính sách Dự án) cho một dự án JICA riêng biệt vì các luật lệ và quy định quốc gia hiện tại đã không được thiết kế để giải quyết tái định cư không tự nguyện theo thông lệ quốc tế, bao gồm chính sách của JICA. Chính sách Dự án nhằm mục đích giải quyết bất kỳ khoảng trống của pháp luật và các quy định địa phương không thể cung cấp để giúp đảm bảo rằng người bị ảnh hưởng có thể tự phục hồi được ít nhất đến tình trạng trước khi có dự án. Phần này thảo luận về các nguyên tắc của Chính sách Dự án và các quyền lợi của người BAH dựa vào hình thức và mức độ thiệt hại của họ. Trường hợp có những khoảng trống giữa các khuôn khổ pháp lý của nước nhận vốn cho tái định cư và chính sách về tái định cư không tự nguyện của JICA, phương pháp tiếp cận chung tốt nhất khả thi sẽ được thiết kế phù hợp với việc thực hiện của Chính phủ và chính sách của JICA.
- (ii) Việc thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện sẽ được tránh nếu có thể, hoặc giảm thiểu, bằng cách xác định thiết kế dự án thay thế có thể gây tác động ít bất lợi nhất trên các cộng đồng trong vùng dự án.
- (iii) Trường hợp di dời các hộ gia đình là không thể tránh khỏi, tất cả các người BAH (bao gồm các cộng đồng) mất tài sản, sinh kế và nguồn lực sẽ được bồi thường đầy đủ và hỗ trợ để họ có thể cải thiện, hoặc ít nhất khôi phục, điều kiện kinh tế và xã hội trước đây của họ.
- (iv) Bồi thường và hỗ trợ phục hồi sẽ được cung cấp cho bất kỳ người BAH nào, có nghĩa là, bất kỳ người nào hoặc hộ gia đình hoặc kinh doanh đối với việc thực hiện dự án sẽ:
- (v) Mức sống bị ảnh hưởng bất lợi;
- (vi) Quyền, chứng nhận hoặc lợi ích trong bất kỳ ngôi nhà, lợi ích, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ đất (bao gồm cơ sở, đất nông nghiệp và chăn thả gia súc, tài sản thương mại, hợp đồng thuê nhà, hoặc quyền trồng hoa màu hàng năm hay lâu năm và cây cối hoặc bất kỳ tài sản cố định hoặc di chuyển khác được mua hoặc sở hữu, tạm thời hoặc vĩnh viễn);

- (vii) Cơ hội kiếm thu nhập, kinh doanh, nghề nghiệp, làm việc hoặc nơi cư trú bị ảnh hưởng bất lợi tạm thời hoặc vĩnh viễn; hoặc là
- (viii) Các hoạt động văn hoá xã hội và các mối quan hệ bị ảnh hưởng hay bất kỳ thiệt hại khác có thể sẽ được xác định trong quá trình lập kế hoạch tái định cư.
- (ix) Tất cả những người bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường và hỗ trợ phục hồi, bất kể tình trạng sở hữu, vị trí xã hội hoặc kinh tế và bất kỳ yếu tố nào có thể gây ra sự phân biệt đối xử chống lại việc đạt được các mục tiêu nêu trên. Việc thiếu các quyền hợp pháp đối với tài sản bị mất hay tình trạng sở hữu bị ảnh hưởng bất lợi và vị trí xã hội hoặc kinh tế sẽ không cản trở người bị ảnh hưởng được hưởng quyền lợi bồi thường và các biện pháp phục hồi hoặc mục tiêu tái định cư. Tất cả người BAH cư trú, làm việc, kinh doanh và/hoặc canh tác trong vùng dự án bị ảnh hưởng kể từ ngày kiểm kê dân số mới nhất và kiểm kê thiệt hại (IOL), được bồi thường đối với tài sản của họ bị mất (đất và/hoặc tài sản ngoài đất), bằng chi phí thay thế, nếu có sẵn và phục hồi thu nhập và kinh doanh, và sẽ được cung cấp các biện pháp khôi phục đủ để giúp họ cải thiện hoặc ít nhất duy trì các tiêu chuẩn sống của họ trước dự án và khả năng tạo thu nhập và trình độ sản xuất.
- (x) Người bị ảnh hưởng mà chỉ mất một phần của tài sản vật chất của họ sẽ không bị bỏ rơi với phần còn lại không đủ để duy trì tiêu chuẩn hiện sống của họ. Kích thước tối thiểu của mảnh đất và cấu trúc còn lại sẽ được thỏa thuận trong quá trình lập kế hoạch tái định cư.
- (xi) Người tạm thời bị ảnh hưởng sẽ được coi là người bị ảnh hưởng và các kế hoạch tái định cư giải quyết vấn đề thu hồi tạm thời.
- (xii) Trường hợp một cộng đồng chủ nhà bị ảnh hưởng bởi sự phát triển của một khu tái định cư trong cộng đồng đó, cộng đồng sở tại được tham gia vào bất kỳ kế hoạch tái định cư và ra quyết định. Tất cả những nỗ lực sẽ được thực hiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực lên các cộng đồng sở tại.
- (xiii) Các kế hoạch tái định cư sẽ được thiết kế phù hợp với chính sách tái định cư không tự nguyện của nước nhận vốn và Chính sách tái định cư không tự nguyện của JICA.
- (xiv) Kế hoạch tái định cư sẽ được dịch sang ngôn ngữ địa phương và phổ biến cho người bị ảnh hưởng tham khảo cũng như các nhóm quan tâm khác.
- (xv) Chi trả cho tài sản đất và/hoặc ngoài đất sẽ được dựa trên các nguyên tắc chi phí thay thế.
- (xvi) Bồi thường cho người bị ảnh hưởng phụ thuộc vào các hoạt động nông nghiệp sẽ dựa vào đất bất cứ nơi nào có thể. Chiến lược dựa vào đất có thể bao gồm việc cung cấp đất thay thế, bảo đảm an ninh lớn hơn về quyền sở

hữu, và tăng cường sinh kế của những người không có quyền sử dụng đất hợp pháp. Nếu đất thay thế không có sẵn, các chiến lược khác có thể được xây dựng xung quanh cơ hội để tái đào tạo, phát triển kỹ năng, làm công ăn lương, hoặc tự tạo việc làm, bao gồm tiếp cận tín dụng. Chi bồi thường bằng tiền mặt sẽ được tránh như một lựa chọn nếu có thể, vì điều này có thể không giải quyết những tổn thất không dễ dàng định lượng, chẳng hạn như tiếp cận các dịch vụ và quyền truyền thống, và cuối cùng có thể dẫn đến khiến cho những cộng đồng bị xáo trộn đi so với khi không có dự án.

- (xvii) Đất thay thế, nếu được tùy chọn bởi người BAH, nên ở lân cận của vùng đất bị ảnh hưởng nếu có thể và có khả năng so sánh sản xuất và tiềm năng. Một lựa chọn thứ hai, các vị trí cần được xác định để giảm thiểu sự gián đoạn xã hội của những người bị ảnh hưởng; vùng đất như vậy cũng cần phải có sự tiếp cận các dịch vụ và các cơ sở tương tự như trong các vùng đất bị ảnh hưởng.
- (xviii) Hỗ trợ tái định cư sẽ được cung cấp không chỉ cho mất mát tức thời, mà còn cho một giai đoạn chuyển tiếp cần thiết để khôi phục sinh kế và mức sống của người bị ảnh hưởng. Sự hỗ trợ đó có thể mang hình thức của công việc ngắn hạn, hỗ trợ sinh hoạt phí, duy trì lương, hoặc thỏa thuận tương tự.
- (xix) Kế hoạch tái định cư phải xem xét nhu cầu của những người dễ bị tổn thương nhất trước những tác động bất lợi của tái định cư (bao gồm người nghèo, những người không có quyền hợp pháp về đất đai, dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người già và người tàn tật) và đảm bảo họ được xem xét trong việc lập kế hoạch tái định cư và các biện pháp giảm thiểu được xác định. Trợ giúp cần được cung cấp để giúp họ cải thiện tình trạng kinh tế-xã hội của họ.
- (xx) Người BAH sẽ được tham gia vào quá trình phát triển và thực hiện kế hoạch tái định cư.
- (xxi) Người bị ảnh hưởng và cộng đồng của họ sẽ được tư vấn về dự án, các quyền và lựa chọn có sẵn cho họ, và đề xuất biện pháp giảm thiểu các tác động bất lợi, và đến mức có thể được tham gia vào các quyết định được thực hiện liên quan đến tái định cư của họ.
- (xxii) Hỗ trợ đầy đủ ngân sách sẽ được cam kết đầy đủ và sẵn sàng để trang trải chi phí cho việc thu hồi đất (bao gồm các biện pháp bồi thường và phục hồi thu nhập) trong thời gian thực hiện thỏa thuận. Kinh phí cho tất cả các hoạt động tái định cư sẽ đến từ Chính phủ.
- (xxiii) Việc di dời không xảy ra trước khi cung cấp bồi thường và hỗ trợ khác cần thiết cho tái định cư. Cơ sở hạ tầng dân sự thích đáng phải được cung cấp trong khu tái định cư trước khi di dời. Thu hồi tài sản, chi trả bồi thường và tái định cư và bắt đầu các hoạt động phục hồi sinh kế của người bị ảnh

hường, sẽ được hoàn thành trước bất kỳ hoạt động xây dựng nào, trừ khi pháp luật tòa án quyết định cưỡng chế. (Biện pháp phục hồi sinh kế cũng phải được đặt ra nhưng không nhất thiết phải hoàn thành trước các hoạt động xây dựng, vì chúng có thể được hoạt động liên tục.)

- (xxiv) Bố trí tổ chức và quản trị cho việc chuẩn bị hiệu quả và thực hiện kế hoạch tái định cư sẽ được xác định và đặt ra trước khi bắt đầu của quá trình; điều này sẽ bao gồm việc cung cấp nguồn nhân lực đầy đủ để giám sát, tư vấn, giám sát và giám sát thu hồi đất và các hoạt động phục hồi.
- (xxv) Báo cáo phù hợp (bao gồm cả kiểm toán và các giải quyết khiếu nại), giám sát và cơ chế đánh giá, sẽ được xác định và đặt ra như thành phần của hệ thống quản lý tái định cư. Một nhóm giám sát độc lập sẽ được thuê bởi dự án và sẽ đánh giá quá trình tái định cư và kết quả cuối cùng. Nhóm này có thể bao gồm các tổ chức phi chính phủ đủ điều kiện, các Viện nghiên cứu hoặc trường đại học.

3.5. Các điểm khác biệt chính và biện pháp giải quyết giữa Chính phủ Việt Nam và chính sách của JICA/WB về tái định cư không tự nguyện

Việc so sánh giữa Hướng dẫn của JICA/ Chính sách của WB và hệ thống pháp luật của Việt Nam cho thấy rằng cách tiếp cận nhìn chung là phù hợp với nhau. Tuy nhiên, cũng có một số điểm khác biệt đáng chú ý. Chi tiết của những điểm khác biệt quan trọng và làm thế nào để giải quyết chúng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 19- Phân tích những khác biệt chính giữa hướng dẫn của JICA/ Chính sách của WB và hệ thống pháp luật Việt Nam

Nội dung	(A) Hướng dẫn của JICA/ Chính sách của WB	(B) Hệ thống pháp luật Việt Nam	Khác biệt giữa (A) và (B)	Biện pháp giải quyết
1. Mục tiêu chính sách	Tái định cư không tự nguyện và mất phương tiện sinh kế được tránh khi có thể bằng cách nghiên cứu tất cả các lựa chọn thay thế khả thi.	Không thấy đề cập	Nội dung này không được đáp ứng hoàn toàn bởi hệ thống pháp luật Việt Nam	Việc thu hồi đất và tái định cư sẽ được tránh/giảm thiểu trong quá trình quyết định tuyến, quy hoạch kiến trúc, và bất kỳ cuộc thảo luận khác liên quan đến tác động tái định cư
2. Mục tiêu chính sách	Người BAH phải được bồi thường đầy đủ và hỗ trợ cải thiện sinh kế và mức sống của họ hoặc ít nhất khôi phục lại được, trong thực tế, ở mức độ trước dự án hoặc đến mức trước khi bắt đầu thực hiện dự án, tùy theo cái nào là cao hơn	UBND tỉnh bảo đảm người BAH có nơi để ở, để ổn định cuộc sống và sản xuất (NĐ 47/2014/ND-CP, Điều 25). Trong trường hợp số tiền bồi thường/hỗ trợ không đủ cho người bị di dời mua một lô đất tái định cư/căn hộ tối thiểu, họ sẽ được hỗ trợ tài chính để có thể mua một lô đất tái định cư/căn hộ tối thiểu (Luật Đất đai 2013, Điều 86.4, và NĐ 47/2014/ND-CP, Điều 27)	Hệ thống pháp luật Chính phủ không quy định hoặc đặt điều kiện rõ ràng người BAH có thể cải thiện hoặc ít nhất khôi phục mức sống của họ, cơ hội thu nhập và trình độ sản xuất đến mức độ trước dự án.	RAP bảo đảm "cải thiện hoặc ít nhất khôi phục mức sống của họ, cơ hội thu nhập và trình độ sản xuất đến mức độ trước khi có dự án"
3. Đơn giá bồi thường	Bồi thường phải được dựa trên chi phí thay thế đầy đủ càng nhiều càng tốt	- Đất đai: Thẩm định viên giá đất được thuê để xác định mức bồi thường (Luật Đất đai, Điều 114 và NĐ 44/2014, Điều 17). - Kiến trúc: "Số tiền bồi thường tương đương với giá trị của công trình xây dựng mới với các tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành" (Luật Đất đai, Điều 89)	- Đất đai: không được thể hiện rõ ràng rằng giá bồi thường phải theo giá thay thế đầy đủ. - Kiến trúc: không rõ ràng "tương đương với giá trị xây dựng mới ..." có cùng một ý nghĩa của "chi phí thay thế" theo hướng dẫn của JICA.	Khảo sát giá thay thế (RCS) phải được tiến hành bởi Thẩm định viên độc lập. Kết quả sẽ được tư vấn và phê duyệt của UBND tỉnh để đảm bảo chi phí thay thế đầy đủ.
4. Bồi thường thiệt hại về nguồn thu nhập hoặc phương tiện sinh kế	Mất nguồn thu nhập nên được bồi thường (dù người bị ảnh hưởng có hoặc không phải di chuyển đến một vị trí khác)	Hỗ trợ những tổn thất thu nhập cho kinh doanh (Điều 88, Luật Đất đai năm 2013). Các biện pháp hỗ trợ để khôi phục lại nguồn thu nhập được cung cấp (Điều 19, 20 và 21, Nghị định 47/2014).	Hướng dẫn JICA quy định bồi thường và hỗ trợ cho bất kỳ mất các nguồn thu nhập, bất kể người bị ảnh hưởng có hoặc không phải di chuyển đến một vị trí khác.	Tất cả các tổn thất thu nhập sẽ được bồi thường và khi cần thiết để đạt được các mục tiêu của chính sách, hỗ trợ phát triển ngoài việc bồi thường sẽ được cung cấp.
5. Hỗ trợ cho các hộ BAH không	Hỗ trợ tài chính cho tất cả người BAH để đạt được các mục tiêu	Đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/07/2004 là đủ điều kiện để được bồi thường	Hướng dẫn JICA quy định rằng hỗ trợ nên được cung cấp	Hỗ trợ tài chính một khoản thống nhất sẽ được trao cho tất cả

Nội dung	(A) Hướng dẫn của JICA/ Chính sách của WB	(B) Hệ thống pháp luật Việt Nam	Khác biệt giữa (A) và (B)	Biện pháp giải quyết
được công nhận quyền hợp pháp hoặc yêu sách đất đai mà họ đang chiếm giữ	chính sách	(Khoản 2 Điều 77, Luật Đất đai). Các trường hợp khác được xem xét hỗ trợ bởi UBND tỉnh theo quy định của Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24 và 25, Nghị định 47/2014.	cho tất cả các hộ BAH bất cứ khi nào cần thiết, bất kể tình trạng pháp lý của họ	người BAH, bất kể tình trạng pháp lý của họ, cho đến sinh kế và mức sống của họ khôi phục trong thực tế, ít nhất, đến mức độ trước dự án.
6. Thời gian chi trả	Bồi thường và các hỗ trợ khác phải được cung cấp trước khi di dời.	"Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải được thực hiện một cách dân chủ, công bằng, bình đẳng, công khai, kịp thời, đúng pháp luật" (Luật Đất đai, Điều 74).	Từ "kịp thời" không rõ ràng chỉ rõ thời gian trước/sau khi bồi thường.	Bồi thường, hỗ trợ và khu tái định cư phải được thực hiện và chuẩn bị trước khi di dời.
7. Chuẩn bị Kế hoạch Hành động Tái định cư	Đối với các dự án đòi hỏi tái định cư quy mô lớn, kế hoạch hành động tái định cư phải được chuẩn bị và sẵn sàng cho công chúng.	Kế hoạch thu hồi đất được chuẩn bị dựa trên Luật Đất đai và các nghị định có liên quan khác và các thông tư sau khi có quyết định thu hồi đất.	Nội dung này không được định rõ đầy đủ bởi hệ thống quốc gia Việt Nam.	RAP được phát triển với sự tuân thủ đầy đủ các hướng dẫn của JICA.
8. Tham vấn và phổ biến	Sự tham gia tích cực của người BAH phải được thúc đẩy trong việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các kế hoạch hành động tái định cư.	Tham vấn với người BAH về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và kế hoạch đào tạo, thay đổi nghề nghiệp và tạo điều kiện tìm việc làm.	Nội dung này không được định rõ đầy đủ bởi hệ thống quốc gia Việt Nam trong giai đoạn giám sát	Người BAH được tham vấn và tham gia tích cực vào quá trình thiết kế và thực hiện RAP, cùng với việc chia sẻ thông tin với các bên liên quan
9. Cơ chế giải quyết khiếu nại	Cơ chế khiếu nại phù hợp và dễ tiếp cận phải được thiết lập cho người dân và cộng đồng BAH.	Người khiếu nại có thể ra tòa tại bất kỳ bước nào như họ muốn. (Điều 28, 32, 33 của Luật Khiếu nại số 02/2011 / QH13 ngày 11 tháng 11 2011.	Nội dung này không được định rõ đầy đủ bởi hệ thống quốc gia Việt Nam	Cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả hơn sẽ được thành lập, được xây dựng trên hệ thống chính quyền hiện tại, với sự giám sát độc lập.
10. Hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương	Chú ý đặc biệt đến nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương trong số những người di dời, đặc biệt là những người sống dưới mức nghèo, không có đất, người già, phụ nữ và trẻ em, người dân tộc thiểu số, vv.	Điều 27 của Luật Đất đai liên quan đến tiền sử dụng đất và giao đất có đề cập về các nhóm xã hội dễ bị tổn thương, nhưng không rõ ràng lắm.	Nội dung này không được định rõ đầy đủ bởi hệ thống quốc gia Việt Nam	Lưu ý đặc biệt cho các nhóm dễ bị tổn thương sẽ được thảo luận và phản ánh trong RAP.
11. Giám sát và Đánh giá	Hệ thống giám sát nội bộ và bên ngoài phải được thiết lập và thực hiện đúng cách	Công dân có quyền giám sát và báo cáo về các vi phạm trong sử dụng và quản lý đất đai cho chính họ (hoặc thông qua các tổ chức đại diện), bao gồm cả	Nội dung này không được định rõ đầy đủ bởi hệ thống quốc gia Việt Nam	Một khung giám sát được tạo bởi giám sát nội bộ, giám sát bên ngoài và đánh giá được thành lập trong RAP.

Nội dung	(A) Hướng dẫn của JICA/ Chính sách của WB	(B) Hệ thống pháp luật Việt Nam	Khác biệt giữa (A) và (B)	Biện pháp giải quyết
		thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Điều 199, Điều 200, Luật Đất đai 2013).		

4 CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BỒI THƯỜNG

4.1. Nguyên tắc chung

Những nguyên tắc của chính sách bồi thường và tái định cư trong dự án được áp dụng như sau:

- (i) Phía Việt Nam sẽ sử dụng Khung chính sách Tái định cư (Resettlement Policy Framework) của Dự án Quản lý nước Bến Tre nhằm mục đích bổ sung vào khung pháp lý tái định cư của Việt Nam, để đảm bảo rằng người bị ảnh hưởng có thể phục hồi cuộc sống ít nhất là bằng tình trạng trước khi có dự án. Trường hợp có điểm khác biệt giữa khung pháp lý tái định cư của Việt Nam và chính sách tái định cư không tự nguyện của JICA thì hai bên (phía Việt Nam và JICA) sẽ bàn thảo và lấy ý kiến thống nhất với nhau về cách giải quyết khả thi, phù hợp với thông lệ của Việt Nam và chính sách của JICA.
- (ii) Nếu có thể, qua những phương án thiết kế khả thi, dự án sẽ tìm cách tránh né việc thu hồi đất, hoặc giảm thiểu qui mô thu hồi đất, tái định cư, giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi đối với các cộng đồng trong vùng dự án.
- (iii) Trường hợp bị bắt buộc phải di dời các hộ dân, thì tất cả người bị ảnh hưởng (bao gồm cả cộng đồng dân cư) bị mất tài sản, sinh kế hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên, v.v. sẽ được bồi thường và hỗ trợ đầy đủ để họ có thể cải thiện, hoặc ít nhất khôi phục lại điều kiện kinh tế và xã hội trước đây của họ.
- (iv) Tất cả người, hoặc hộ gia đình, hoặc đơn vị kinh doanh bị ảnh hưởng vì dự án như sau, đều có quyền nhận bồi thường và hỗ trợ phục hồi sinh kế:
 - Mức sống bị ảnh hưởng xấu;
 - Có quyền lợi, chủ quyền, hoặc lợi ích, hoặc quyền sử dụng bất kỳ khu đất (bao gồm công trình nhà cửa, đất nông nghiệp hoặc đất chăn thả gia súc, cơ sở buôn bán, hợp đồng thuê nhà, hoặc quyền lợi có thể có được từ thu hoạch, cây hàng năm, cây lâu năm, hoặc bất kỳ tài sản cố định hoặc di động khác, do chính mình mua hoặc thừa hưởng, tạm thời hoặc vĩnh viễn);

- Cơ hội kiếm thu nhập, kinh doanh, nghề nghiệp, nơi làm việc hoặc nơi cư trú hay môi trường sống bị ảnh hưởng bất lợi tạm thời hoặc vĩnh viễn;
 - Các hoạt động văn hoá xã hội và các mối quan hệ bị ảnh hưởng hay bất kỳ thiệt hại khác có thể xác định được trong quá trình lập kế hoạch tái định cư.
- (v) Tất cả những người bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường và hỗ trợ phục hồi sinh kế, bất kể tình trạng sở hữu, địa vị xã hội hoặc kinh tế, và bất kỳ yếu tố nào có thể làm phát sinh phân biệt đối xử trong việc đạt được các mục tiêu nêu trên. Dù không có giấy tờ chứng minh quyền hợp pháp đối với tài sản bị mất, tình trạng sở hữu, địa vị xã hội hoặc kinh tế, v.v. bị thiệt hại, - sẽ không khiến người bị ảnh hưởng mất đi quyền bồi thường và quyền nhận các hỗ trợ để phục hồi sinh kế, tái định cư. Tất cả người bị ảnh hưởng đang cư trú, làm việc, kinh doanh và/ hoặc canh tác trong vùng bị ảnh hưởng bởi dự án, kể từ ngày điều tra dân số và kiểm kê thiệt hại (IOL) gần nhất, được quyền nhận bồi thường đối với tài sản bị mất (đất và/hoặc tài sản), bằng chi phí thay thế (replacement cost) nếu có thể, và quyền nhận hỗ trợ để phục hồi thu nhập và phương tiện kinh doanh, đồng thời sẽ được cung cấp các phương tiện đầy đủ để giúp họ cải thiện (hoặc ít nhất là khôi phục được) mức sống, khả năng tạo thu nhập và trình độ sản xuất như đã có trước khi thực hiện dự án.
- (vi) Người bị ảnh hưởng mà chỉ mất một phần của tài sản vật chất đang có sẽ không bị bắt buộc phải giữ phần tài sản còn lại, nếu phần đó không đủ để duy trì mức sống hiện tại. Qui mô tối thiểu của đất và công trình còn lại sẽ được thỏa thuận trong quá trình lập kế hoạch tái định cư.
- (vii) Người bị ảnh hưởng tạm thời cũng sẽ được coi là người bị ảnh hưởng bởi dự án, và kế hoạch tái định cư sẽ phải có phần đề cập đến vấn đề thu hồi đất tạm thời.
- (viii) Trường hợp một cộng đồng bị ảnh hưởng vì dự án lập khu tái định cư trong cộng đồng đó, thì cộng đồng này sẽ có quyền tham gia vào việc lập kế hoạch tái định cư và ra quyết định liên quan đến tái định cư này. Các bên liên quan sẽ phải nỗ lực để giảm thiểu các tác động tiêu cực của việc tái định cư tới cộng đồng nơi dự định lập khu tái định cư.
- (ix) Kế hoạch tái định cư sẽ phải được thiết kế phù hợp với Chính sách Tái định cư Không tự nguyện của nước tiếp nhận, và Chính sách Tái định cư Không tự nguyện của JICA.
- (x) Kế hoạch tái định cư sẽ phải được dịch ra tiếng bản địa và công bố để người bị ảnh hưởng và các nhóm quan tâm có thể tham khảo.

- (xi) Chi trả bồi thường cho đất và/hoặc tài sản khác sẽ được dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế (replacement cost).
- (xii) Nếu có thể, thì việc bồi thường cho người bị ảnh hưởng đang có sinh kế dựa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp sẽ dựa trên nguyên tắc đất-đổi-đất. Nguyên tắc này có thể bao gồm việc cấp đất thay thế, bảo đảm quyền sở hữu đất nhiều hơn, và cải thiện sinh kế của những người không có quyền sử dụng đất hợp pháp. Nếu đất thay thế không có sẵn, thì cần phải suy xét đến các phương cách khác như: tạo cơ hội để đào tạo nghề nghiệp, phát triển kỹ năng, làm công ăn lương, hoặc tự sản xuất/kinh doanh, bao gồm cả cách vay mượn vốn từ ngân hàng, v.v. Nếu có thể, cần phải tránh phương cách bồi thường chỉ bằng tiền mặt, vì phương cách này không đền bù được những tổn thất khó định lượng, như việc tiếp cận các dịch vụ và quyền truyền thống, và kết quả có thể làm cho cộng đồng dân cư này trở nên khó khăn nhiều hơn so với trường hợp không thực hiện dự án.
- (xiii) Đất thay thế, nếu là sự lựa chọn của người bị ảnh hưởng, nên nằm trong vùng lân cận của các vùng đất bị ảnh hưởng bất cứ nơi nào có thể và tương đồng về khả năng sản xuất và tiềm năng. Như một lựa chọn thứ hai, các địa điểm cần được xác định để giảm thiểu sự gián đoạn xã hội của người bị ảnh hưởng; vùng đất như vậy cũng cần phải tiếp cận được với các dịch vụ và các cơ sở tương tự như các vùng đất bị ảnh hưởng.
- (xiv) Hỗ trợ tái định cư sẽ được cung cấp không chỉ cho những thiệt hại trước mắt, mà còn cho một giai đoạn chuyển tiếp cần thiết để phục hồi sinh kế và mức sống của người bị ảnh hưởng. Sự hỗ trợ đó có thể mang hình thức của công việc ngắn hạn, hỗ trợ sinh hoạt phí, duy trì lương, hoặc các thỏa thuận tương tự.
- (xv) Kế hoạch tái định cư phải xem xét nhu cầu của những người dễ bị tổn thương trước những tác động bất lợi của tái định cư (kể cả người nghèo, những người không có quyền hợp pháp về đất đai, dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người già và người tàn tật) và đảm bảo họ được xem xét trong việc lập phương án tái định cư và biện pháp giảm thiểu. Trợ giúp cần được cung cấp để giúp họ cải thiện tình trạng kinh tế - xã hội của họ
- (xvi) Người bị ảnh hưởng sẽ được tham gia vào quá trình phát triển và thực hiện kế hoạch tái định cư.
- (xvii) Người bị ảnh hưởng và cộng đồng của họ sẽ được tư vấn về dự án, các quyền và lựa chọn có sẵn cho họ, và đề xuất biện pháp giảm thiểu các tác động bất lợi, và

lớn hơn là có thể được tham gia vào các quyết định liên quan đến tái định cư của họ.

- (xviii) Việc hỗ trợ đầy đủ ngân sách sẽ được cam kết đầy đủ và sẵn sàng để trang trải chi phí cho việc thu hồi đất (bao gồm cả các biện pháp bồi thường và phục hồi thu nhập) trong thời gian thực hiện thỏa thuận. Kinh phí cho tất cả các hoạt động tái định cư sẽ do Chính phủ cung cấp.
- (xix) Di dời không thực hiện trước khi cung cấp bồi thường và hỗ trợ khác cần thiết cho tái định cư. Cơ sở hạ tầng công cộng phải được cung cấp đầy đủ trong khu tái định cư trước khi di dời. Thu hồi tài sản, bồi thường và tái định cư và bắt đầu các hoạt động phục hồi sinh kế của người bị ảnh hưởng, sẽ được hoàn thành trước khi bắt kỳ hoạt động xây dựng nào, trừ khi một tòa án ra lệnh trong các trường hợp trung dụng. (Biện pháp khôi phục sinh kế cũng phải được triển khai đúng lúc, nhưng không nhất thiết phải hoàn thành trước khi hoạt động xây dựng, vì các biện pháp này có thể được triển khai liên tục.)
- (xx) Tổ chức và thủ tục hành chính cho việc chuẩn bị và thực hiện hiệu quả kế hoạch tái định cư sẽ được xác định và ở giai đoạn trước của quá trình; bao gồm việc cung cấp nguồn nhân lực đầy đủ để giám sát, tư vấn, theo dõi việc thu hồi đất và các hoạt động phục hồi sinh kế.
- (xxi) Báo cáo thích hợp (bao gồm cả chức năng kiểm toán và đền bù), giám sát và cơ chế đánh giá, sẽ được xác định và đặt ở vị trí như là một phần của hệ thống quản lý tái định cư. Một nhóm giám sát độc lập sẽ được thuê bởi dự án và sẽ đánh giá quá trình tái định cư và kết quả cuối cùng. Nhóm này có thể bao gồm các tổ chức phi chính phủ đủ điều kiện, các viện nghiên cứu hoặc trường đại học.

Nguyên tắc chi phí thay thế

Tất cả bồi thường đất và tài sản ngoài thuộc sở hữu của chủ hộ/chủ cửa hàng, những người đáp ứng ngày khóa sổ sẽ được dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế. Chi phí thay thế là số tiền cần thiết để thay thế tài sản bị ảnh hưởng trước khi di dời, không tính khấu hao và không được khấu trừ thuế và/hoặc chi phí giao dịch, cụ thể như sau:

Ví dụ:

- a. *Đất sản xuất (nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm vườn và lâm nghiệp) dựa trên giá thị trường hiện tại thực tế phản ánh mua bán đất gần đây ở khu vực này, và trong trường hợp không có giá bán gần đây, dựa trên giá bán gần đây tại các địa điểm có thể so sánh với các thuộc tính so sánh, lệ phí và các khoản thuế hoặc trong trường hợp không có giao dịch, dựa trên giá trị sản xuất;*

- b. Đất ở theo giá thị trường hiện tại thực tế phản ánh giao dịch mua bán đất gần đây, và trong trường hợp không như bán đất gần đây, dựa trên giá bán gần đây tại các địa điểm có thể so sánh với các thuộc tính so sánh; lệ phí và thuế.
- c. Các quy định của chính quyền địa phương để tính toán bồi thường cho nhà cửa, cây trồng và cây sẽ được sử dụng.
- d. Nhà cửa và các công trình liên quan khác trên cơ sở giá thị trường hiện tại thực tế của vật liệu bị ảnh hưởng;
- e. Cây hàng năm tương đương với giá trị thị trường hiện tại của cây trồng tại thời điểm bồi thường;
- f. Đối với cây lâu năm, bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế mà phải phù hợp với quy định của chính quyền địa phương, nếu có, tương đương với giá trị thị trường hiện tại tùy theo loại và độ tuổi tại thời điểm bồi thường.
- g. Đối với cây lấy gỗ, bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế mà phải phù hợp với quy định của chính quyền địa phương, nếu có, sẽ tương đương với giá trị thị trường hiện tại cho mỗi loại, tuổi và giá trị sản xuất có liên quan tại thời điểm bồi thường dựa trên đường kính ngang ngực mỗi cây.

4.2. Tiêu chí hợp pháp và quyền lợi

Các điều kiện để đạt được quyền lợi bồi thường thực hiện theo các nguyên tắc dưới đây:

- (i) Những người có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận (bao gồm cả các quyền sử dụng đất theo truyền thống và tập quán được luật pháp nhà nước công nhận. Khi xem xét các trường hợp này, giấy tờ xác minh thời gian sử dụng đất hoặc các tài sản gắn với đất của người BAH sẽ được sử dụng);
- (ii) Những người không có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận tại thời điểm bắt đầu thống kê nhưng có yêu cầu bồi thường về đất hoặc các tài sản – miễn là các yêu cầu đó được pháp luật nhà nước công nhận hoặc được công nhận thông qua quá trình được xác định trong kế hoạch hành động tái định cư;
- (iii) Những người không có quyền lợi hợp pháp được chính thức công nhận hoặc yêu cầu bồi thường được công nhận đối với đất đai mà họ đang chiếm giữ.
- (iv) Người lấn chiếm đất sau ngày thông báo thu hồi đất trong RAP của dự án không được hưởng bất kỳ khoản bồi thường hoặc hỗ trợ từ dự án.

4.3. Ngày khóa sổ kiểm kê

Trong dự án này, ngày khóa sổ kiểm kê được xác định là ngày UBND tỉnh Bến Tre ra “*thông báo thu hồi đất*”, theo “*quyết định đầu tư dự án*” của UBND tỉnh Bến Tre. Người chiếm dụng khu vực dự án sau ngày khóa sổ kiểm kê sẽ không đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

4.4. Ma trận quyền lợi

Ma trận quyền lợi, được trình bày trong bảng dưới đây, bao gồm những tác động đã xác định trong quá trình chuẩn bị dự án. Ngoài ra những tác động có thể xuất hiện trong quá trình xây dựng cũng được đưa vào trong ma trận này.

Bảng 20- Ma trận quyền lợi

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
<p>1. Đất sản xuất (điện tích nông nghiệp, vườn, ao...) nằm trong hoặc ngoài diện tích đất ở.</p>	<p><u>Những người có quyền sử dụng đất hợp pháp, đôi hạn và được công nhận</u> 1.1. Ảnh hưởng nhẹ (<20% diện tích đất sở hữu hoặc <10% đối với hộ dễ bị tổn thương) <i>Phần diện tích còn lại vẫn còn hiệu quả kinh tế cho việc sử dụng hoặc đáp ứng được năng suất như mong đợi</i> 1.2. Mất >20% hoặc >10% đối với nhóm dễ bị tổn thương</p>	<p>Bồi thường bằng tiền mặt với giá thay thế đầy đủ (miễn thuế và chi phí giao dịch) đối với phần đất BAH</p>	<p>Những hộ BAH sẽ được Dự án thông báo ít nhất 90 ngày trước khi thu hồi đất. Chủ sở hữu đất sẽ bàn giao đất trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận bồi thường.</p>
	<p>Những người BAH sẽ được bồi thường bằng đất khác với mục đích sử dụng đất tương tự (nếu vẫn còn đủ quỹ đất địa phương) hoặc sẽ nhận tiền mặt với giá thay thế đầy đủ cho diện tích BAH. Những người BAH sẽ được cung cấp các biện pháp phục hồi để khôi phục lại nguồn thu nhập bị mất do dự án. - Nếu diện tích đất còn lại không đủ để tiếp tục sản xuất, toàn bộ diện tích đất sẽ được thu hồi và bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người BAH.</p>		<p>Những hộ BAH sẽ được Dự án thông báo ít nhất 90 ngày trước khi thu hồi đất. Chủ sở hữu đất sẽ bàn giao đất trong vòng 20 ngày kể từ ngày Ban Bồi thường và Giải phóng mặt bằng huyện đã chỉ trả bồi thường và các khoản hỗ trợ khác đầy đủ. Với những hộ nghèo, dễ bị tổn thương và BAH nặng, bao gồm cả hộ không có đất, sẽ được cấp đất canh tác bằng nhau trên đầu người ở trong xã, hoặc nếu quỹ đất không có đủ cho việc cấp đất, thì dựa trên sự lựa chọn của hộ BAH, hộ đó sẽ được nhận hỗ trợ từ chương trình đảo tạo/phục hồi mà sẽ giúp cải thiện, hoặc khôi phục, thu nhập và mức sống của hộ gia đình.</p>
<p>Người có quyền sử dụng đất tạm thời, hoặc thuê đất</p>		<p>Bồi thường bằng tiền mặt tương ứng với mức đầu tư còn lại trên phần đất đó.</p>	

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
	<p>Người sử dụng đất không có quyền sử dụng đất hợp pháp được công nhận</p>	<p>Đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 1 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường 100% dựa theo Điều 77.2 của Luật Đất đai. Bên cạnh đó, hỗ trợ phục hồi/đào tạo nghề cũng được cung cấp. Những trường hợp khác sẽ được xem xét bởi UBND tỉnh nhằm đảm bảo quyền lợi của người BAH.</p> <p>Trong trường hợp người BAH sử dụng đất công mà đã có thỏa thuận trước đó về trả lại đất cho Chính phủ khi được yêu cầu, họ sẽ không được nhận bồi thường cho phần đất công bị thu hồi nhưng sẽ được bồi thường cho các kiến trúc, cây trồng và các tài sản khác trên phần đất đó với 100% giá thay thế.</p>	
<p>2.1. Ảnh hưởng nhẹ (đất vẫn đủ để sử dụng và không cần phải di dời)</p>		<p>Bồi thường thiệt hại bằng tiền mặt ở (i) giá thay thế đối với người sử dụng đất hợp pháp và có <i>khả năng hợp pháp</i>; (ii) hỗ trợ tài chính một khoản nhất định theo thỏa thuận đối với người sử dụng đất không có quyền sử dụng đất được ghi nhận.</p> <p>Nếu người BAH phải xây dựng lại nhà, họ có quyền nhận hỗ trợ tài chính cho việc tháo dỡ, di dời và lắp đặt lại nhà ở, và cũng nhận được một khoản tiền hỗ trợ thuê nhà trong 6 tháng cần thiết để xây dựng lại nhà mới.</p>	<p>Hộ BAH sẽ được dự án thông báo ít nhất 180 ngày trước khi thu hồi đất. Chủ sở hữu đất sẽ bàn giao đất trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ tiền bồi thường.</p>
<p>2. Đất ở</p>	<p>2.2. Người bị di dời</p>	<p><i>i) Chủ sở hữu đất hợp pháp hoặc có thể hợp pháp:</i></p> <p>Một lô đất trong khu tái định cư hoặc một căn hộ sẽ được cung cấp cho những người sử dụng bị thu hồi không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã phường, thị trấn nơi có đất ở bị thu hồi, sau khi tham vấn ý kiến của họ. Họ sẽ có đầy đủ quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu căn hộ đầy đủ mà không cần thêm bất cứ chi phí nào. Hoặc, theo yêu cầu của người BAH sau khi tham vấn, họ sẽ được nhận bồi thường bằng tiền mặt với giá thay thế đầy đủ. Trong trường hợp hộ dân mong muốn được tự di dời, số tiền hỗ trợ sẽ tăng lên một khoản tương ứng với giá trị của các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng tính trung bình cho mỗi hộ trong khu tái định cư. Nếu khoản bồi thường nhỏ hơn giá trị của lô đất tối thiểu/căn hộ trong khu vực tái định cư, người BAH sẽ được nhận thêm một khoản hỗ trợ để họ có thể mua</p>	<p>Hộ BAH sẽ được dự án thông báo ít nhất 180 ngày trước khi thu hồi đất. Quá trình bồi thường căn hộ/lô đất đối với người có quyền sử dụng đất hợp pháp/có thể hợp pháp ở khu tái định cư như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu giá bán tối thiểu của thửa đất/căn hộ tại khu vực mới lớn hơn giá trị của diện tích đất ở BAH, người BAH sẽ được nhận lô đất/căn hộ đó mà không phải trả thêm chi phí nào. - Nếu lô đất/căn hộ tại khu vực mới bằng giá trị với diện tích đất ở BAH, người BAH sẽ được nhận lô đất/căn hộ mới.

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
<p>3. Nhà ở và vật kiến trúc</p>	<p>3.1. Tác động một phần: Phần không bị tác động của căn nhà vẫn còn có thể sử dụng và có thể được duy trì dưới góc độ kỹ thuật, do đó người</p>	<p>được lô đất/cán hộ (hoặc hộ trợ tiền mặt tương ứng với chênh lệch này cho những hộ tự đi dời).</p> <p>(ii) Những người BAH mà không có quyền hợp pháp đối với phần đất BAH:</p> <p>Một khoản hỗ trợ theo thỏa thuận sẽ được cung cấp. Nếu người BAH không có nơi nào để chuyển tới, một căn hộ trong khu tái định cư sẽ được cung cấp và người BAH có thể trả góp để mua hoặc thuê căn hộ để sinh sống.</p> <p>Trong trường hợp người bị đi dời thuộc hộ nghèo hoặc dễ tổn thương, dự án sẽ hỗ trợ để đảm bảo rằng hộ BAH có thể tự đi dời và tái thiết lại nơi ở mới.</p>	<p>- Nếu lô đất/cán hộ tại khu vực mới nhỏ hơn giá trị của diện tích đất BAH, người BAH sẽ được nhận lô đất/cán hộ và số tiền chênh lệch.</p> <p>Quy hoạch và thiết kế chi tiết khu tái định cư sẽ được thực hiện bởi tư vấn của DCSCC/LFDC với sự tham vấn các bên liên quan và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh.</p> <p>Quy định chi tiết về phân phối lô đất/cán hộ sẽ được DCSCC/LFDC phát triển thông qua sự tham vấn cộng đồng và những người BAH, và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh. Với những hộ đi dời, họ sẽ được nhận hỗ trợ dưới dạng đất đối đất với đặc điểm tương tự mà không cần chi phí nào thêm. Diện tích đất thay thế không được ít hơn 50 m², hoặc bồi thường bằng tiền mặt với giá ngang bằng nếu người BAH muốn tự đi dời.</p> <p>Diện tích và số lô đất/cán hộ tại khu tái định cư sẽ được quyết định dựa trên sự tham vấn với người BAH. Với những người BAH nghèo và dễ bị tổn thương, những người không có đất ở tại xã BAH của họ, dự án sẽ cung cấp một căn hộ và người BAH có thể mua trả góp hoặc thuê để sinh sống.</p>
		<p>Người BAH sẽ được hỗ trợ chi phí sửa chữa, bên cạnh tiền bồi thường chi phần BAH với giá thay thế, cho phép người BAH có thể khôi phục hoặc cải thiện tình trạng nhà/kiến trúc. Các kiến trúc/tài sản cố định khác sẽ được bồi thường ở giá thay thế đầy đủ bằng tiền mặt.</p>	<p>Việc tính toán chi phí sẽ dựa trên diện tích BAH thực tế thay vì diện tích sử dụng được.</p>

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
	<p>BAH không cần đi dời.</p> <p>3.2. Tác động toàn phần (ví dụ, căn nhà bị thu hồi một phần nhưng phần còn lại không đủ để tiếp tục sử dụng hoặc toàn bộ công trình bị thu hồi).</p>	<p>Bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ công trình BAH với 100% giá thay thế đầy đủ, bất kể họ có quyền sử dụng đất hay có giấy phép xây dựng công trình hay không. Số tiền sẽ đủ để tái xây dựng kiến trúc khác giống như công trình cũ với giá thị trường hiện tại. Sẽ không khấu trừ đối với khấu hao hoặc vật liệu còn dùng được. Các công trình/tài sản cố định khác sẽ được bồi thường bằng tiền mặt với giá thay thế đầy đủ. Những người đang thuê nhà công vụ của nhà nước hoặc tổ chức sẽ: (i) có quyền thuê hoặc mua một căn hộ mới ở khu vực với giá trị ít nhất bằng căn nhà BAH; hoặc (ii) được cung cấp tiền hỗ trợ tương đương 60% giá thay thế của căn nhà và đất BAH. Bất cứ đầu tư thêm nào như kiến trúc, cây trồng... trên phần đất đó sẽ được bồi thường với giá thay thế đầy đủ. Người đang thuê nhà của tư nhân sẽ được hỗ trợ chi phí di chuyển đồ đạc. Họ cũng sẽ được trợ giúp tìm kiếm chỗ ở thay thế.</p>	<p>Việc tính toán chi phí sẽ dựa trên diện tích BAH thực tế thay vì diện tích sử dụng được.</p>
<p>4. Cây trồng và hoa màu, thủy sản</p>	<p>Người sở hữu bất kể tình trạng sở hữu đất</p>	<p>Đối với cây trồng hàng năm hoặc lâu năm, sản phẩm nuôi trồng thủy sản bất kể tình trạng pháp lý của đất, việc bồi thường bằng tiền mặt sẽ được thực hiện đối với những người BAH, người canh tác trên phần đất đó, với giá thay thế đầy đủ trên thị trường địa phương nhằm đảm bảo số tiền bồi thường đủ để thay thế cho số cây cối hoa màu, sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa thu hoạch bị mất.</p>	<p>Người BAH sẽ được nhận thông báo vài tháng trước khi thu hồi. Những cây cối hoa màu trồng sau thời hạn trên sẽ không được bồi thường.</p>
<p>5. Công trình công cộng</p>	<p>Mất hoặc thiệt hại tài sản</p>	<p>Hoặc (i) bồi thường bằng tiền mặt để trang trải chi phí khôi phục lại trang thiết bị, hoặc (ii) bồi thường bằng hiện vật dựa trên sự thương thảo giữa Ban Bồi thường và Giải phóng Mặt bằng huyện và chủ sở hữu tài sản.</p>	<p>Việc đi dời sẽ được tiến hành bởi chủ sở hữu trước khi dự án khởi công.</p>
<p>6. Tài sản thuộc sở hữu của xã, tài sản tập thể</p>	<p>Mất mát hoặc thiệt hại tài sản của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn, huyện, tỉnh</p>	<p>Hoặc (i) bồi thường bằng tiền mặt để trang trải chi phí khôi phục lại trang thiết bị, hoặc (ii) bồi thường bằng hiện vật dựa trên sự thương thảo giữa Ban Bồi thường và Giải phóng Mặt bằng huyện và chủ sở hữu tài sản.</p>	<p>Đối với tài sản thuộc sở hữu của xã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và hoạt động sản xuất của cộng đồng, việc phục hồi phải được thực hiện trước khi bắt đầu công trình.</p>
<p>7. Mộ</p>	<p>Di chuyển lăng, mộ</p>	<p>Tất cả chi phí đào, di dời và cải táng sẽ hoàn trả bằng tiền mặt với gia đình BAH. Mộ sẽ được khai quật và di dời theo cách phù hợp với văn hóa.</p>	

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
<p>8. Mất thu nhập/ sinh kế do mất đất sản xuất</p>	<p>Tác động do mất vĩnh viễn 20% tổng diện tích đất sản xuất trở lên, hoặc ít hơn 20% nhưng phần diện tích còn lại không đủ cho sản xuất (người sử dụng đất hợp pháp, có thể hợp pháp và người có thỏa thuận thuê đất BAH)</p>	<p>Hỗ trợ thiết lại sinh kế: (a) Hộ BAH mất từ 20% đến 70% diện tích đất nông nghiệp sẽ được hỗ trợ trong 6 tháng nếu diện tích đất còn lại vẫn đủ để tiếp tục sử dụng, và trong 12 tháng trong trường hợp diện tích đất còn lại được xác nhận là không đủ sử dụng và toàn bộ phần đất sẽ bị thu hồi bởi dự án. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở một số vùng cực kỳ khó khăn, hỗ trợ có thể lên tới 24 tháng. (b) Hộ BAH mất hơn 70% diện tích đất nông nghiệp sẽ được hỗ trợ trong vòng 12 tháng nếu diện tích còn lại đủ để sử dụng tiếp, và trong 24 tháng nếu diện tích còn lại được xác nhận là không đủ để sử dụng và toàn bộ diện tích được dự án thu hồi. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở một số vùng cực kỳ khó khăn, hỗ trợ có thể lên tới 36 tháng. Bên cạnh đó, những người BAH này còn được hỗ trợ trong chương trình phục hồi sinh kế; (c) Hộ BAH mất ít hơn 20% diện tích đất và diện tích còn lại được xác nhận là không đủ để tiếp tục sử dụng, người BAH sẽ được nhận hỗ trợ trong 12 tháng; Hỗ trợ đổi với đất vườn, nông nghiệp và ao bên cạnh đất ở, nhưng không được công nhận là đất ở: bằng tiền mặt tương ứng với 40% giá bồi thường đối với lô đất ở liền kề. Trong trường hợp đất đối đất, người BAH sẽ được hỗ trợ về cây giống, chăn nuôi, chương trình mở rộng nông-lâm... Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: mỗi người BAH do mất đất sản xuất, bất kể mức độ ảnh hưởng, sẽ được nhận hỗ trợ thêm tương đương với 2 lần giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh quy định. Hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm: ít nhất một thành viên của hộ BAH do mất đất sản xuất sẽ được nhận hỗ trợ đào tạo nghề để có việc làm trong tỉnh. Người BAH tham gia vào những chương trình này sẽ không phải trả chi phí học do phí này sẽ được trực tiếp chi trả cho trung tâm đào tạo. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, họ sẽ được ưu tiên tuyển dụng bởi cơ sở sản xuất ở địa phương.</p>	

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
<p>9. Mất thu nhập/sinh kế do di dời kinh doanh</p>	<p>Ảnh hưởng nhẹ <i>Chủ cơ sở kinh doanh bị tác động và nhân viên</i></p>	<p>Đối với người BAH mất thu nhập và cơ sở sản xuất kinh doanh BAH do thu hồi đất, cơ chế bồi thường như sau: (i) Hỗ trợ thiết hại kinh doanh: tất cả hộ sản xuất kinh doanh mà thu nhập BAH sẽ được nhận bồi thường hoặc hỗ trợ lên tới 30% thu nhập thực tế hàng năm của họ (a) Với hoạt động kinh doanh được cấp phép, việc bồi thường sẽ dựa trên thu nhập trung bình hàng năm đã khai với cơ quan thuế trong ba năm gần nhất; (b) Với hoạt động kinh doanh chưa đăng ký nhưng đã thực hiện nghĩa vụ thuế, sẽ được hỗ trợ 30% thu nhập. (ii) Những người làm công BAH do thu hồi đất ở/kinh doanh, đất công hoặc đất của xí nghiệp: hỗ trợ tiền tương đương với mức lương tối thiểu theo quy định của tỉnh trong thời gian chuyển tiếp tối đa 6 tháng, và sẽ được trợ giúp tìm kiếm công việc thay thế.</p>	
	<p><i>Chủ cơ sở buôn bán phải di dời, bất kể tình trạng sở hữu đất</i></p>	<p>Nếu hoạt động kinh doanh buôn bán phải di dời, dự án sẽ cung cấp địa điểm thay thế với lợi thế địa phương và đặc điểm vật lý tương tự như phần đất đã mất, để tiếp cận với khách hàng, và thỏa đáng cho người BAH. Hoặc bồi thường bằng tiền mặt đối với đất và các kiến trúc BAH ở giá thay thế, cộng thêm trợ cấp phí vận chuyển đối với các tài sản có thể di dời.</p>	<p>Người BAH sẽ được ưu tiên chọn vị trí kinh doanh thuận tiện giúp tối đa hóa lợi ích từ các cơ hội kinh doanh. Khi bồi thường, số tiền trợ cấp sẽ được điều chỉnh dựa theo lạm phát.</p>
<p>10. Hỗ trợ cho những hộ bị dễ tổn thương</p>	<p>Mất đất và các tài sản ngoài đất Các nhóm dễ bị tổn thương BAH bất kể tình trạng sở hữu đất</p>	<p>Sự hỗ trợ đặc biệt cho các nhóm dễ bị tổn thương thực hiện như sau: Hộ bị mất đất sẽ được cấp một căn hộ mà người BAH có thể mua trả góp hoặc thuê để sinh sống. Hộ gia đình chính sách: (i) Những hộ gia đình chính sách phải di dời bao gồm mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, cựu chiến binh, anh hùng lao động, thương bệnh binh, liệt sĩ... sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt theo quy định của UBND tỉnh từ 2 đến 7 triệu đồng mỗi hộ; (ii) Hộ phải di dời hoặc hộ nghèo mà có nhiều 20% diện tích đất sản xuất BAH hoặc ít hơn 20% nhưng phần đất còn lại không đủ sử dụng: 3 triệu VND mỗi hộ (cần xác nhận của</p>	<p>Hỗ trợ cho các hộ dựa theo quy định của chính phủ (hộ gia đình chính sách, mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh liệt sĩ...). Nếu hộ đủ điều kiện được nhiều khoản hỗ trợ cho người bị tổn thương, thì chỉ nhận được một khoản có giá trị cao nhất.</p>

Tác động	Áp dụng	Quyền lợi	Tổ chức thực hiện
		<p>chính quyền địa phương) Các nhóm dễ tổn thương khác BAH bởi dự án, bất kể phải đi đời hay không, bao gồm hộ đơn thân có chủ hộ là nữ, hộ có người khuyết tật, hộ người già neo đơn, người khuyết tật mà không có bất kỳ hỗ trợ, hộ dân tộc thiểu số, sẽ nhận một khoản ngang với những hộ nghèo dựa theo quy định của tỉnh nhưng không được ít hơn 3 triệu mỗi hộ. Các hộ này đều có quyền tham gia vào Chương trình Phục hồi Thu nhập.</p>	
11. Các khoản hỗ trợ khác	Mất đất hoặc tài sản ngoài đất	Thường khuyến khích: tất cả người BAH mà đơn khởi đất BAH ngay sau khi nhận được bồi thường và hỗ trợ sẽ nhận được một số tiền thường khích lệ dựa theo quyết định của UBND tỉnh để phù hợp với điều kiện địa phương. Những hộ phải đi đời với con em đang đi học sẽ được hỗ trợ 1 năm học phí theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo. Dựa theo tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ ban hành những khoản hỗ trợ khác để đảm bảo chỗ ở và phục hồi thu nhập của người BAH.	
12. Tác động tạm thời	Mất đất và tài sản tạm thời	Bồi thường cho tất cả các thiệt hại về tài sản, cây trồng ở giá thay thế đầy đủ. Số tiền mặt để thuê đất thu hồi tạm thời sẽ không ít hơn thu nhập ròng mà có thể có từ những tài sản BAH trong thời gian gián đoạn. Phục hồi đất trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng xong; các nhà thầu sẽ dự kiến trả lại đất về hiện trạng ban đầu trong vòng 3 tháng kể từ khi chấm dứt thi công.	Nếu chất lượng đất bị thay đổi đáng kể khi được trao trả lại người BAH, khiến người BAH buộc phải thay đổi mục đích sử dụng đất, người BAH nên được bồi thường cho tất cả chi phí tồn thất dự kiến.
13. Bất kỳ tác động nào khác mà được phát hiện trong quá trình thực hiện	Cá nhân, tổ chức trong vùng BAH	Những người BAH có quyền nhận bồi thường và các khoản hỗ trợ tương ứng với chính sách bồi thường. Những tác động thứ cấp lên sản xuất và kinh doanh hoặc nếu người BAH bị cô lập tạm thời khỏi sự tiếp cận các nguồn lực, sẽ phải được bồi thường và hỗ trợ theo RAP.	Trong trường hợp tác động lên sinh kế của người BAH, nhà thầu, đơn vị thi công phải thỏa thuận với hộ gia đình cho việc chi trả hoạt động kinh doanh bị gián đoạn.

5. PHỤC HỒI VÀ CẢI THIỆN THU NHẬP

5.1. Mục tiêu, chính sách của phục hồi và cải thiện thu nhập

5.1.1. Mục tiêu

Các mục tiêu của phục hồi và cải thiện thu nhập của dự án là để (a) gia tăng hiệu quả tối đa việc sử dụng các mảnh đất còn lại cho việc sản xuất thực phẩm; (b) tạo cơ hội nghề nghiệp thông qua các khoá tập huấn khuyến công và đào tạo nghề; (c) cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ gia đình có nhu cầu chuyển sang hoạt động kinh doanh. Sự can thiệp nhằm xây dựng năng lực về quản lý và triển khai chương trình cho các cán bộ địa phương và các tổ chức đoàn thể cũng là một mục tiêu cần đạt được.

5.1.2. Chính sách

Theo khung chính sách bồi thường và tái định cư của dự án, các hộ gia đình sau (bảng 21) có thể bị mất 20% hoặc nhiều hơn (từ 10% cho các hộ gia đình dễ bị tổn thương) sở hữu đất đai sản xuất sẽ được quyền tham gia vào chương trình phục hồi thu nhập (IRP) của dự án. IRP được thiết kế và thực hiện với sự tham vấn những người bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện dự án.

Bảng 21- Số người bị ảnh hưởng được tham gia chương trình phục hồi thu nhập

Hộ BAH	Hộ BAH di dời nhà ở	Hộ mất $\geq 20\%$ đất sản xuất	Hộ dễ bị tổn thương	Tổng cộng
Số lượng	22	71	16	109

5.2. Chương trình phục hồi thu nhập

5.2.1. Đánh giá nhu cầu phục hồi và cải thiện thu nhập

Trong các cuộc khảo sát kinh tế - xã hội và họp nhóm tập trung, những người BAH đã được hỏi ý kiến của họ về nhu cầu phục hồi thu nhập (PHTN), kết quả khảo sát của Sanyu năm 2016 (Bảng 22) trình bày kết quả đánh giá nhu cầu của những người BAH.

Bảng 22- Đánh giá nhu cầu phục hồi thu nhập của những người BAH

Người BAH	Tác động	Giải pháp đề xuất	Nhu cầu
Nông dân	Mất thu nhập từ vườn và chăn nuôi vì diện tích đất sản xuất bị thu hẹp	Gia tăng lợi nhuận sản xuất trên mảnh đất còn lại	- Vốn ưu đãi để đầu tư mới - Đào tạo kỹ thuật
	Diện tích đất còn lại không đủ rộng hoặc không đủ khả năng để tiếp tục canh tác	Mua đất sản xuất thay thế	Bồi thường theo giá thay thế đầy đủ
	Đất sản xuất bị chia cắt phân thành các mảnh nhỏ	Thu hồi các mảnh nhỏ còn lại theo giá thị	Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm

Người BAH	Tác động	Giải pháp đề xuất	Nhu cầu
		trường đầy đủ	
Các hộ kinh doanh bị di dời	Mất nguồn khách hàng quen thuộc sau khi tái định cư	Vị trí kinh doanh thuận lợi ở nơi tái định cư	Tái định cư gần chỗ đang ở
Cơ sở sản xuất nhỏ và công nhân	Diện tích đất còn lại không đủ rộng hoặc không đủ khả năng để tiếp tục sản xuất	Chỉnh sửa thiết kế của công đập để tránh hoặc giảm thiểu thu hồi đất của các cơ sở sản xuất	

5.2.2. Các hoạt động phục hồi thu nhập dự kiến

Chương trình PHTN tập trung vào các hoạt động chủ yếu bao gồm (i) cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ gia đình BAHN & DBTT vẫn còn đất canh tác nhằm triển khai các mô hình sinh kế có hiệu quả; (ii) tổ chức các khoá học nghề phù hợp với khả năng của các thành viên hộ gia đình BAHN & DBTT, cung cấp các khóa đào tạo bổ sung, tư vấn và hỗ trợ người học trong và sau khi học nghề để tìm việc làm phù hợp; và (iii) cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật, mô hình thí điểm kinh doanh nhỏ cũng như các chương trình tham quan học hỏi mô hình tiên tiến.

a. Các hoạt động nông nghiệp

Để có thể sử dụng hết các tiềm năng của quỹ đất hiện có, việc phổ biến các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, giới thiệu giống mới để tăng năng suất và cải thiện thu nhập cho người nông dân là những nhân tố quan trọng. Ngoài ra, đa dạng hóa các hoạt động nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương, phát triển các ngành phụ trợ, đặc biệt là công nghiệp chế biến cần được ưu tiên trong quá trình chuyển đổi nông nghiệp truyền thống và kinh tế nông thôn sang mô hình hiện đại.

Các nguồn tài nguyên nông nghiệp trong tỉnh khá phong phú, đặc biệt là cây ăn trái (dừa, bưởi, sầu riêng,...) và thủy sản. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp về cơ bản vẫn theo phương pháp truyền thống mà chủ yếu dựa vào lực lượng lao động phổ thông với công nghệ khoa học thấp, do đó giá trị sản lượng nông nghiệp bị hạn chế.

Để cải thiện hoạt động sản xuất nông nghiệp, cần phải tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến vào đào tạo nghề để nâng cao kỹ năng sản xuất của lực lượng lao động. Một yếu tố quan trọng trong việc phát triển các mô hình nông nghiệp là cách tiếp cận của công nghệ chế biến để nâng cao tỷ lệ thương mại hóa các sản phẩm này. Công nghệ tiên tiến được sử dụng cùng với sản xuất nông nghiệp theo hướng thị trường nên được hướng dẫn và giới thiệu cho nông dân bị ảnh hưởng để họ có thể chuyển các sản phẩm nông nghiệp cho các hàng hóa thương mại để nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm này.

Trong các cuộc tham vấn cộng đồng và thảo luận nhóm tập trung, những người BAH và chính quyền địa phương đã được hỏi về các mô hình và hỗ trợ thích hợp để phục hồi và phát triển thu nhập ở khu vực. Kết quả thống kê cho thấy nuôi heo, nuôi trồng thủy

sản nước ngọt, và vườn cây ăn trái (đặc biệt là bưởi da xanh và dứa) là thích hợp nhất trong khu vực dự án vì chúng chiếm ưu thế và những người BAH cũng đã có nhiều kinh nghiệm.

b. Các hoạt động phi nông nghiệp

Kết quả khảo sát kinh tế - xã hội cho thấy nguồn lao động trong các ngành phi nông nghiệp có trình độ cao hơn so với những người làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, do đó các chương trình đào tạo trung và cao cấp cho người bị ảnh hưởng trong độ tuổi lao động nên được xem xét đưa vào. Việc đào tạo cần có định hướng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của người bị ảnh hưởng và các yêu cầu từ công ty tuyển dụng. "Đào tạo bằng thực hành" nên được khuyến khích. Đây là hình thức đào tạo trong đó các công ty tuyển dụng được trả tiền để nhận người lao động của dự án, đào tạo họ theo yêu cầu của công ty và sau đó thuê họ như công nhân hưởng lương thường xuyên.

Theo các cuộc họp nhóm tập trung, các ngành nghề phi nông nghiệp được lựa chọn bởi những người BAH bao gồm: đan lát, sản xuất chỉ dứa, thủ công mỹ nghệ từ dứa, dịch vụ du lịch sinh thái, sửa chữa điện máy – điện tử, và may mặc tại nhà.

Liên quan đến đào tạo nghề, theo các chương trình của Nhà nước và của tỉnh, mỗi người BAH trong độ tuổi lao động sẽ nhận được khóa đào tạo miễn phí và chương trình PHTN của dự án chỉ hỗ trợ những người bị ảnh hưởng trong việc tư vấn chọn công việc phù hợp với ngành nghề đã học được từ các trung tâm dạy nghề. Trong một số trường hợp, khi những người BAH không thể đạt được đầy đủ các kỹ năng từ các trung tâm đào tạo hoặc họ có mong muốn tiếp tục được đào tạo nghề nâng cao thì dự án cần xem xét hỗ trợ

c. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của chương trình PHTN có thể được sử dụng như là một quỹ cho vay (không lãi) trong đó các hộ BAHN & DBTT sẽ không được nhận tiền mặt mà được đầu tư các trang thiết bị, công cụ (cho mô hình kinh doanh/ dịch vụ nhỏ); vật nuôi, cây giống (đối với các mô hình nông nghiệp), được cung cấp các khóa đào tạo nghề miễn phí (đối với những người trong độ tuổi lao động chưa có nghề) và các hỗ trợ kỹ thuật khác để thực hiện các mô hình. Mỗi giai đoạn của chương trình PHTN thường diễn ra trong một chu kỳ 2 năm và sau khi được đầu tư trực tiếp, (đối với con giống, cây trồng hoặc thiết bị, công cụ sản xuất khác), người hưởng lợi sẽ hoàn trả cho Ban quản lý chương trình PHTN cấp huyện để tái đầu tư cho các hộ khác của dự án. Các điều kiện cụ thể về việc bồi hoàn vốn sẽ được ghi nhớ trong bản thỏa thuận giữa người hưởng lợi và Ban Quản lý chương trình PHTN. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, nếu những người BAHN & DBTT nhận được khoản hỗ trợ ưu đãi của chương trình nhưng không thể phục hồi thu nhập được của họ, các khoản ưu đãi này có thể được kéo dài hoặc họ sẽ được yêu cầu trả tiền thành nhiều giai đoạn. Ban quản lý chương trình PHTN sẽ xem xét tất cả các trường hợp vào cuối mỗi chu kỳ của chương trình để đưa ra quyết định cụ thể.

d. Kế hoạch thực hiện

Để đảm bảo sự thành công của chương trình PHTN theo định hướng của tỉnh và phù hợp với nhu cầu của những người BAH, các bước khác nhau từ khâu chuẩn bị đến khâu thực hiện chương trình nên được tính toán trước. Các bước có thể là:

- (1) Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn các đối tượng sẽ tham gia chương trình PHTN dựa trên mức độ bị ảnh hưởng, tình trạng kinh tế - xã hội (ví dụ như các hộ gia đình nghèo), và nhu cầu tham gia chương trình.
- (2) Đánh giá bước đầu nhu cầu của người BAH: bước này cần được tiến hành song song hoặc ngay sau khi thực hiện Kiểm đếm chi tiết nhằm bước đầu xác định nhu cầu (xác định những hoạt động sinh kế mong đợi của hộ) trong việc khôi phục đời sống cho mỗi hộ gia đình.
- (3) Chuẩn bị đề cương chương trình PHTN. Trong đề cương này, dự toán ngân sách phải được chuẩn bị dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu của người BAH, có tham khảo giá thị trường và các chuyên gia tư vấn.
- (4) Tổ chức các cuộc họp với UBND tỉnh và huyện để công bố chương trình PHTN, lựa chọn Ban Quản lý Chương trình PHTN huyện.
- (5) Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho Ban Quản lý Chương trình PHTN. Trong các khóa đào tạo này, kiến thức về quản lý và thực hiện nội dung của chương trình cũng như các thủ tục tài chính, cơ chế báo cáo, vv, sẽ được hướng dẫn theo yêu cầu từ JICA.
- (6) Thực hiện giai đoạn thí điểm chương trình PHTN (Giai đoạn 1): trong giai đoạn này, một số hộ gia đình BAHN & DBTT sẽ được lựa chọn đầu tiên để thực hiện chương trình. Những hộ gia đình được lựa chọn thí điểm nên là những người có kinh nghiệm, kỹ năng và sẵn sàng tham gia. Các hộ này sẽ được yêu cầu để chia sẻ kinh nghiệm từ sự thành công/ thất bại của họ trong giai đoạn 1 cho các hộ khác thuộc Dự án.
- (7) Tổ chức đánh giá lại nhu cầu: kinh nghiệm cho thấy sau giai đoạn thí điểm, những người thực hiện chương trình PHTN nên tái đánh giá nhu cầu của các hộ BAHN & DBTT trên địa bàn để tổng kết lại số lượng các hộ không thể khôi phục lại nguồn thu nhập của họ so với số lượng các hộ đã tự phục hồi sinh kế sau khi BAH bởi dự án.
- (8) Tiến hành chương trình PHTN mở rộng (Giai đoạn 2): trong giai đoạn này, tất cả các BAHN & DBTT không thể phục hồi sinh kế của mình được mời tham gia giai đoạn 2 của chương trình PHTN.
- (9) Giám sát và đánh giá chương trình PHTN: Chương trình sẽ được thực hiện dưới sự giám sát nội bộ và giám sát độc lập của các tư vấn hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn giám

sát. Ban Quản lý Chương trình PHTN sẽ gửi báo cáo tháng và báo cáo quý cho tư vấn sinh kế và nhà tài trợ. Hội thảo đánh giá giữa kỳ và hội thảo tổng kết sẽ được tổ chức bởi Ban Quản lý chương trình cấp huyện với sự tham gia của tất cả các bên liên quan.

6. BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

6.1. Quyền lợi cho việc di dời

Mức độ ảnh hưởng của dự án lên đất ở và nhà có thể thuộc một trong hai trường hợp sau: (i) diện tích đất còn lại chưa bị ảnh hưởng đủ để hộ bị tác động xây dựng lại nhà ngay tại đó; hoặc (ii) toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi hoặc phần đất còn lại không đủ để hộ gia đình xây dựng lại nhà, và do đó phải di chuyển đến nơi ở mới thông qua sự sắp xếp của Ban Bồi thường và Giải phóng mặt bằng của huyện hoặc tự di dời.

6.2. Tham vấn các hộ về lựa chọn di dời

Trong quá trình thực hiện khảo sát kinh tế xã hội và kiểm kê thiệt hại, mỗi hộ phải di dời đã được tham vấn về mong muốn của họ với việc di dời. Trong số 33 hộ bị ảnh hưởng đến nhà ở, 11 hộ đã bày tỏ dự định tái định cư ngay trên phần đất còn lại, và 8 hộ khác có dự định được nhận bồi thường và hỗ trợ hợp lý để tự di dời với sự hỗ trợ pháp lý từ chính quyền. Các hộ khác (03 hộ) có phần đất còn lại đủ để xây dựng nhà nhưng có thể khó duy trì sản xuất nông nghiệp thì vẫn chưa bày tỏ dự định. Những hộ này nói rằng họ sẽ chờ đợi thêm thông tin từ thiết kế chi tiết của công án và sẽ quyết định sau đó.

Bảng 23- Ý muốn di dời của các hộ

TT	Tỉnh	Huyện	Xã	Số hộ bị di dời nhà ở	Lựa chọn di dời		
					Di dời tại chỗ	Tự di dời	Chưa quyết định
Công trình công Bến Tre				3	1	1	1
	Bến Tre	TP Bến Tre	Nhon Thạnh		0	0	0
	Bến Tre	TP Bến Tre	Phú Hưng	3	1	1	1
Công trình công An Hóa				4	1	3	0
	Bến Tre	Bình Đại	Long Định	4	1	3	0
	Bến Tre	Châu Thành	Giao Hòa	0	0	0	0
Công trình công Bến Rớ				1	1	0	0
	Bến Tre	Châu Thành	Tiên Long	1	1	0	0
	Bến Tre	Châu Thành	Tân Phú		0	0	0
Công trình công Tân Phú							
	Bến Tre	Châu Thành	Tân Phú				
	Bến Tre	Châu Thành	Phú Đức				
Công trình công Cái Quao				1	0	1	0
	Bến Tre	Mỏ Cây Nam	Bình Khánh Đông	1	0	1	0

Công trình cống Thủ Cửu				4	2	1	1
	Bến Tre	Giồng Trôm	Phước Long	1	1	0	0
	Bến Tre	Giồng Trôm	Thanh Phú Đông	3	1	1	1
Công trình Cống Vàm Nước Trong				5	3	1	1
	Bến Tre	Mỏ Cây Bắc	Tân Thanh Bình	2	0	1	1
	Bến Tre	Mỏ Cây Nam	Định Thủy	3	3	0	0
Công trình Cống Vàm Thơm				4	3	1	0
	Bến Tre	Mỏ Cây Nam	Thành Thới B	2	1	1	0
	Bến Tre	Mỏ Cây Bắc	Khánh Thạnh Tân	2	2	0	0
Tổng				22	11	8	3

Phần lớn các hộ di dời nói rằng họ đã sống ở khu vực này trong một thời gian dài. Do đó họ không muốn di chuyển ra khỏi xã họ đang sống vì điều này sẽ ảnh hưởng đến tình trạng kinh tế xã hội và các mối quan hệ của họ.

Kết quả xem xét nguyện vọng của các hộ về lựa chọn di dời, đặc biệt với số lượng ít hộ có phần đất còn lại không đủ để xây dựng nhà, cho thấy rằng việc quy hoạch khu tái định cư mới là không cần thiết trong dự án.

7. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (GRM)

Nhằm đảm bảo tất cả mọi thắc mắc khiếu nại của người bị ảnh hưởng về bất cứ mặt nào của quá trình thu hồi đất, bồi thường và tái định cư được giải quyết một cách kịp thời và thỏa đáng, và rằng người bị ảnh hưởng có thể tiếp cận bằng tất cả mọi cách để thông tin về khiếu nại của mình, một cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) cần được thành lập và xác định cụ thể. Tất cả người bị ảnh hưởng (bao gồm cả người sử dụng đường thủy) có thể gửi bất cứ câu hỏi nào tới cơ quan thi hành về quyền lợi của họ liên quan tới quyền bồi thường, chính sách bồi thường, mức bồi thường, thu hồi đất và giải quyết khiếu nại. Người bị ảnh hưởng không phải chi trả bất cứ chi phí nào trong quá trình giải quyết khiếu nại bao gồm cả khi việc xử lý đòi hỏi hành động pháp lý phải được thực hiện trước tòa án. Chi phí này được bao gồm trong ngân sách thực thi RAP. Cơ chế giải quyết thắc mắc khiếu nại gồm các cấp như sau:

➤ Cấp một: Ủy ban nhân dân cấp xã (CPC)

Người BAH có khiếu nại có thể đưa khiếu nại lên bộ phận “một cửa” của UBND xã, thông qua đơn thư hoặc trình bày bằng miệng. Thành viên của UBND xã tại bộ phận “một cửa” có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã biết về khiếu nại này để giải quyết. Chủ tịch UBND xã sẽ làm việc với người khiếu nại và sẽ có 30 ngày sau ngày nhận khiếu nại để giải quyết khiếu nại. Thư ký UBND xã có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đã được UBND xã xử lý.

➤ Cấp hai: Ủy ban nhân dân cấp huyện (DPC)

Nếu sau 30 ngày người BAH có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND xã, hoặc nếu người khiếu nại không thấy thỏa đáng với quyết định xử lý khiếu nại của họ, người BAH có thể trình khiếu nại, bằng đơn thư hoặc miệng, lên UBND cấp huyện. UBND huyện sau đó sẽ có 30 ngày kể từ ngày nhận khiếu nại để giải quyết. UBND huyện có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu giữ toàn bộ các khiếu nại mà ủy ban đã xử lý và phải thông báo cho Ban Bồi thường và Giải phóng mặt bằng huyện về bất cứ quyết định nào đã được thực hiện. Người bị ảnh hưởng có thể đưa trường hợp của mình ra tòa án nếu muốn.

➤ **Cấp ba, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (PPC)**

Nếu sau 30 ngày người BAH có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND huyện, hoặc nếu người khiếu nại không thấy thỏa đáng với quyết định xử lý khiếu nại của họ, người BAH có thể đưa khiếu nại, bằng đơn thư hoặc miệng, lên UBND cấp tỉnh để xử lý. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại sao cho thỏa đáng đối với tất cả các bên liên quan. Thư ký của UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ các khiếu nại đã giải quyết. Người bị ảnh hưởng có thể đưa trường hợp của mình ra tòa nếu muốn.

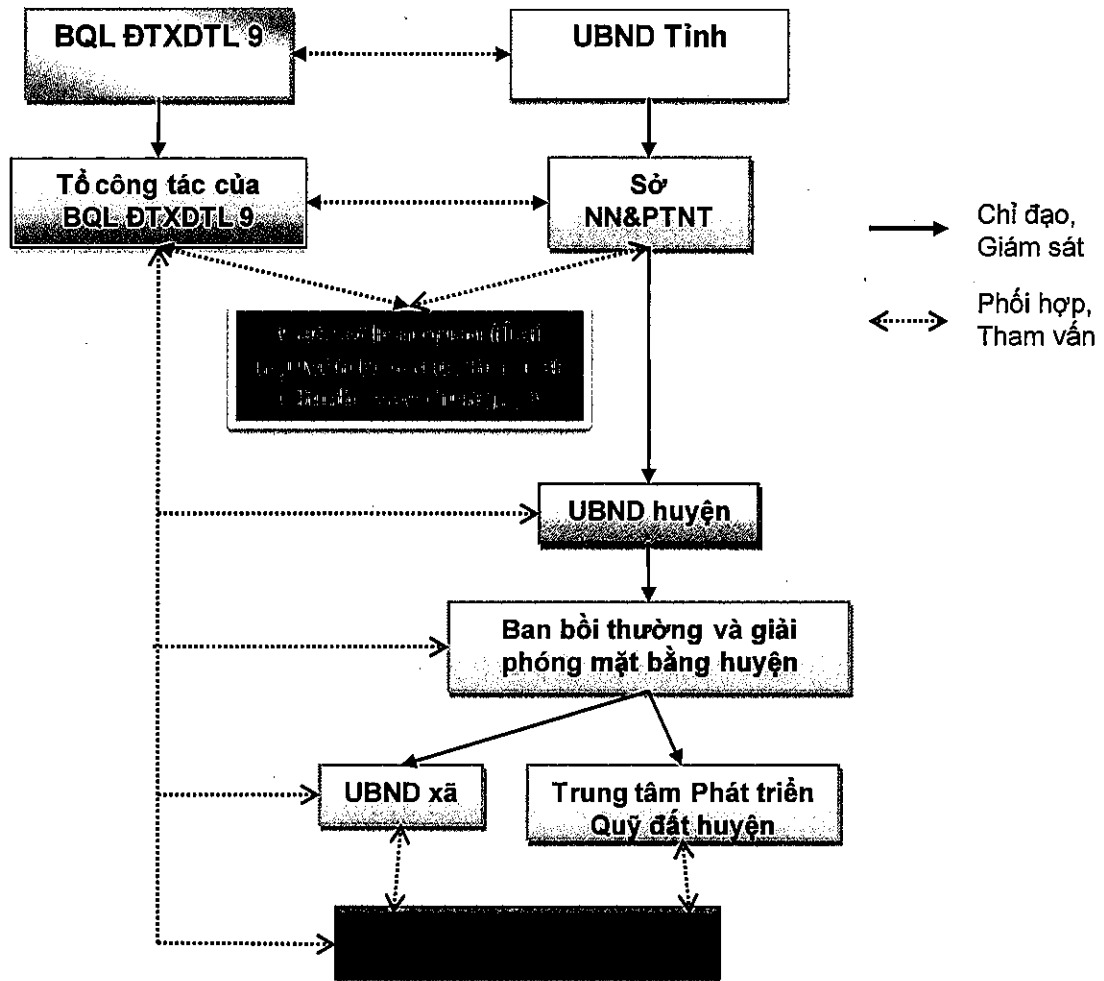
➤ **Cấp cuối, Tòa án**

Sau 45 ngày kể từ lúc UBND tỉnh nhận khiếu nại, nếu người BAH không nhận được phản hồi từ UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định xử lý khiếu nại của họ, thì có thể đưa trường hợp này ra tòa án để xét xử. Quyết định của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

Quyết định này sau đó phải được gửi tới người BAH có khiếu nại và các bên liên quan, và phải được niêm yết tại trụ sở UBND nơi khiếu nại được giải quyết. Sau ba ngày, quyết định/kết quả khiếu nại về giải quyết khiếu nại phải có ở cấp xã/phường, và sau 7 ngày phải đưa lên cấp huyện hoặc tỉnh.

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sơ đồ sau mô tả vai trò và mối quan hệ giữa các đơn vị và tổ chức thực hiện Kế hoạch Hành động Tái định cư của dự án.



Hình 3: Sơ đồ tổ chức thực hiện (Nguồn Sanyu, 2016)

❖ Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 9 (Ban 9)

Ban 9, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), là Chủ dự án. Ban 9 có trách nhiệm trực tiếp và quản lý hàng ngày trong việc thực hiện tất cả các khía cạnh của dự án, bao gồm lên kế hoạch, lập chương trình, giải ngân, thiết kế, thực hiện, giám sát, đánh giá, đảm bảo sự liên kết của toàn bộ dự án và giám sát các hoạt động tái định cư và phối hợp/liên lạc với nhà tài trợ. Ban 9 có những trách nhiệm chính sau:

- Cập nhật thông tin DMS, phối hợp với UBND các cấp và chuẩn bị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng xã;

- Đảm bảo ngân sách cho công tác triển khai RAP, đảm bảo ngân sách cho tái định cư (vd: bồi thường và tất cả những quyền lợi khác) phải kịp thời và đầy đủ;
- Hỗ trợ chính quyền địa phương, các ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện trong việc giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của các hộ bị ảnh hưởng.
- Hợp đồng với những chuyên gia thẩm định giá để thực hiện khảo sát giá thay thế để thiết lập giá cả thị trường phổ biến cho các loại tài sản bị ảnh hưởng khác nhau và nếu như mức giá được lập cao hơn giá được lập do chính quyền tỉnh, gửi những phát hiện của khảo sát giá thay thế đến tỉnh cho việc chỉnh sửa các mức giá để đảm bảo tất cả bồi thường được trả ở mức giá thay thế.
- Hướng dẫn tổng thể và phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành liên quan và chính quyền địa phương trong các hoạt động liên quan đến xã hội và TĐC của dự án.
- Cung cấp các bản kiểm kê chi tiết chuẩn hóa và hướng dẫn việc thiết lập hệ thống quản lý số liệu ở từng huyện. Phối hợp với chính quyền huyện và xã để cập nhật thường xuyên thông tin về việc thực hiện tái định cư.
- Trợ giúp định hướng nếu cần thiết cho UBND tỉnh, huyện, xã, Ban bồi thường và GPMB huyện và các nhóm liên quan đến dự án và chính sách tái định cư của Dự án và trợ giúp các nội dung công việc cụ thể liên quan đến công tác chuẩn bị, cập nhật và triển khai thực hiện RAP;
- Phối hợp với UBND Tỉnh để đốc thúc các Ban bồi thường và GPMB huyện.
- Cùng với Ban bồi thường và GPMB cấp huyện, triển khai các hoạt động liên quan đến công tác chuẩn bị, cập nhật và triển khai thực hiện RAP, như công bố thông tin của dự án và tham vấn các hộ bị ảnh hưởng và các bên có liên quan khác;
- Phối hợp với các văn phòng quản lý sử dụng đất Thành phố/ Huyện trong công tác phân lô đất thay thế cho các hộ bị ảnh hưởng đủ điều kiện ;
- Giám sát và kiểm soát công tác chuẩn bị, cập nhật và triển khai thực hiện RAP.
- Đảm bảo rằng các nhà thầu, theo hợp đồng chi tiết, được yêu cầu phải vô cùng cẩn thận để tránh phá hoại tài sản và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong hoạt động thi công xây dựng của dự án. Trường hợp thiệt hại xảy ra, nhà thầu sẽ được yêu cầu bồi thường ngay lập tức cho các gia đình, nhóm, cộng đồng, hoặc cơ quan nhà nước bị ảnh hưởng dựa trên các chính sách bồi thường quy định tại bản RAP này. Ngoài ra, tài sản bị hư hỏng sẽ được khôi phục ngay tình trạng ban đầu của nó.
- Hợp đồng với các cơ quan giám sát có kinh nghiệm để thực hiện giám sát độc lập việc thực hiện tái định cư và đánh giá sau khi hoàn thiện dự án.
- Chuẩn bị các báo cáo tiến độ thực hiện RAP hàng quý và trình cho nhà tài trợ và các cơ quan liên quan.
- Khi hoàn thiện việc thực hiện tái định cư, BQL ĐTXDTL 9 sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo hoàn thiện tái định cư để trình lên nhà tài trợ.

❖ **UBND tỉnh Bến Tre và các sở ban ngành có liên quan**

Là một cơ quan chủ quản, UBND Tỉnh là đơn vị chịu trách nhiệm tổng thể thực hiện các hoạt động tái định cư theo thẩm quyền hành chính. Các trách nhiệm chính của UBND Tỉnh bao gồm:

- Trước khi thẩm định dự án, phải kiện toàn tổ chức các Ban bồi thường và GPMB huyện (DCSCC);
- Xem xét và phê duyệt giá thay thế và điều chỉnh các mức giá, khi cần thiết, cho các tài sản riêng và công cộng bị ảnh hưởng bởi dự án để đảm bảo phản ánh giá thay thế;
- Chấp thuận thu hồi đất cho dự án và phương án bồi thường cho từng hộ dân.
- Hướng dẫn công tác cập nhật và triển khai thực hiện RAP.
- Hướng dẫn giải quyết các nội dung vướng mắc trong giai đoạn thực thi RAP.

Dưới UBND Tỉnh, một số sở cũng có trách nhiệm như sau:

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD)** được UBND Tỉnh phân công làm đơn vị điều phối dự án cho tỉnh. DARD làm việc trực tiếp hàng ngày với Đoàn khảo sát JICA.
- **Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE)** xem xét hồ sơ thu hồi đất và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- **Sở Xây dựng (DOC), Sở Tài chính (DOF) và DONRE** chịu trách nhiệm xem xét các kế hoạch bồi thường và tái định cư cho mỗi hộ gia đình và sau đó đệ trình UBND tỉnh phê duyệt.

❖ **UBND Huyện (DPC) và Ban Bồi thường và Giải phóng Mặt bằng huyện (DCSCCs)**

UBND huyện sẽ có những trách nhiệm sau:

- Thiết lập Ban Bồi thường và Giải phóng Mặt bằng huyện để thực hiện các hoạt động bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cũng như khắc phục khiếu nại của dự án.
- Chỉ đạo, tổ chức, phổ biến, vận động mọi tổ chức, cá nhân về bồi thường, hỗ trợ và chính sách tái định cư và thực hiện thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Chỉ đạo DCSCC lập kế hoạch chung và chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; phê duyệt phương án theo sự phân cấp của UBND tỉnh;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan, các tổ chức và các nhà đầu tư dự án trong việc thực hiện đầu tư dự án xây dựng khu tái định cư và kế hoạch tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo sự phân công của UBND tỉnh;
- Chỉ đạo bộ phận liên quan trực tiếp để hoàn thành các văn bản để phát hành quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận cho các hộ di dời theo pháp luật hiện hành;
- Giải quyết khiếu nại từ người bị ảnh hưởng liên quan đến bồi thường và tái định cư theo thẩm quyền được giao; ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế các

trường hợp thuộc thẩm quyền của mình; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức cưỡng chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra việc thanh toán bồi thường, hỗ trợ và thực hiện tại các xã;
- Chỉ đạo cho xây dựng lại ngôi nhà trên phần đất còn lại không bị ảnh hưởng bởi dự án;
- Chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội xác định những người lao động bị gián đoạn công việc do dự án và hỗ trợ tính trợ cấp thôi việc người lao động.

Các DCSCCs có trách nhiệm giúp UBND huyện thực hiện và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và phương án bố trí tái định cư. DCSCC cũng có trách nhiệm như Ủy ban giải quyết khiếu nại của tất cả các khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án. Mặt khác, các DCSCC, với sự hỗ trợ của Trung tâm Phát triển quỹ đất (LFDC), chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai và tài sản đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ trong việc bồi thường, hỗ trợ và kế hoạch tái định cư.

UBND xã có trách nhiệm:

- Tuyên truyền vận động cộng đồng thực hiện và tuân thủ Khung chính sách đã được phê duyệt;
- Cung cấp bản đồ giải thửa cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cử cán bộ tham gia vào tổ kiểm đếm tài sản BAH của các hộ, giám sát kết quả kiểm kê tài sản nhằm hạn chế phát sinh tái định cư khi Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt và thực hiện;
- Phối hợp với Hội đồng bồi thường huyện tổ chức phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng;
- Giải quyết những thắc mắc của người BAH liên quan đến kiểm kê tài sản của họ;
- Tạo điều kiện và giúp đỡ các hộ BAH trong việc khôi phục sinh kế, thu nhập và ổn định cuộc sống.

❖ Tư vấn giám sát độc lập

Tư vấn sẽ được huy động ngay sau khi hiệp định vay vốn giữa JICA và Chính phủ Việt Nam được ký kết. Cơ quan thẩm định giá độc lập về giá trị của đất đai và tài sản bị ảnh hưởng khác cũng sẽ được tuyển dụng để cập nhật các khảo sát giá thay thế (RCS), đệ trình chính quyền tỉnh xem xét và chấp thuận. Nhiệm vụ này sẽ được thực hiện song song với DMS. Cơ quan giám sát độc lập sẽ được lựa chọn trước khi bắt đầu các hoạt động DMS. Các hoạt động giám sát độc lập sẽ bắt đầu ngay sau khi DMS và quyền lợi được hoàn thành dựa trên giá thành lập bởi RCS và UBND tỉnh phê duyệt. Các Điều khoản tham chiếu (TOR) cho RCS và giám sát độc lập sẽ được chuẩn bị. Tư vấn cho các dịch vụ này không phải bởi bất kỳ công ty hoặc cơ quan được thành lập hay dưới sự quản lý của các cơ quan Chính phủ.

9. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI VÀ LỊCH TRÌNH

RAP sẽ được cập nhật theo thiết kế chi tiết. Tất cả các hoạt động tái định cư sẽ được phối hợp với kế hoạch xây dựng dân dụng. Việc thu hồi đất và tái định cư của các hộ BAH không thể bắt đầu cho đến khi RAP cập nhật đã được xem xét và chấp thuận của Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ. Các hoạt động xây dựng tại địa điểm cụ thể sẽ không được phép cho đến khi tất cả các hoạt động tái định cư được hoàn thành một cách hài lòng, các hỗ trợ phục hồi được thống nhất đặt ra, và khu vực không còn bất kỳ trở ngại gì.

9.1. Các bước triển khai

Bước 1: Giới thiệu địa điểm và thông báo thu hồi đất

Việc xác định và thông báo thu hồi đất được căn cứ theo văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt và ban hành thông báo thu hồi đất (bao gồm lý do thu hồi đất, diện tích và vị trí khu đất thu hồi trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện/ thành phố công bố thông báo thu hồi đất, chỉ đạo Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện/thành phố thực hiện nhiệm vụ kiểm kê, lập phương án bồi thường). UBND huyện/thành phố có trách nhiệm chỉ đạo phổ biến rộng rãi chủ trương thu hồi đất, các quy định về thu hồi đất, về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế.

UBND các xã có trách nhiệm niêm yết công khai chủ trương thu hồi đất tại trụ sở UBND xã và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi, thông báo rộng rãi trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã (ở những nơi có hệ thống truyền thanh).

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ địa chính cho khu đất bị thu hồi

Căn cứ vào văn bản về việc thu hồi đất của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cùng cấp thực hiện việc chuẩn bị hồ sơ địa chính.

Chỉnh lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng và làm trích lục bản đồ địa chính đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy hoặc trích đo địa chính đối với nơi chưa có bản đồ địa chính chính quy;

Hoàn chỉnh và trích sao hồ sơ địa chính (sổ địa chính) để gửi cho các DRC;

Lập danh sách các thửa đất bị thu hồi với các nội dung: số hiệu tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, tên người sử dụng đất, diện tích của phần thửa đất có cùng mục đích sử dụng, mục đích sử dụng đất

Bước 3: Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là phương án tổng thể) trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát tại hiện trường, tài liệu hiện có do cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp, được thẩm định

và phê duyệt cùng với phê duyệt dự án đầu tư. Phương án tổng thể có các nội dung chính sau:

- a. Các căn cứ để lập phương án;
- b. Số liệu tổng hợp về diện tích các loại đất, hạng đất đối với đất nông nghiệp, số tờ bản đồ, số thửa; giá trị ước tính của tài sản hiện có trên đất;
- c. Số liệu tổng hợp về số hộ, số nhân khẩu, số lao động trong khu vực thu hồi đất, trong đó nêu rõ số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp, số hộ phải tái định cư;
- d. Dự kiến mức bồi thường, hỗ trợ và dự kiến địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, phương thức tái định cư;
- e. Dự kiến biện pháp trợ giúp giải quyết việc làm và kế hoạch đào tạo chuyển đổi ngành nghề;
- f. Danh mục các công trình và quy mô các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư phải di dời và dự kiến địa điểm để di dời;
- g. Số lượng mồ mả phải di dời và dự kiến địa điểm để di dời;
- h. Dự toán kinh phí thực hiện phương án;
- i. Nguồn kinh phí thực hiện phương án;
- j. Tiến độ thực hiện phương án.

Bước 4: Cắm mốc chỉ giới giải phóng mặt bằng.

Sau khi dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư căn cứ vào thiết kế cơ sở để tiến hành cắm mốc chỉ giới GPMB, bàn giao cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường quản lý và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của công tác GPMB. Trong giai đoạn lập, duyệt thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) nếu có sự điều chỉnh về phạm vi GPMB, Chủ đầu tư dự án phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường kịp thời chuẩn xác lại và thông báo ngay cho địa phương về các nội dung đã điều chỉnh.

Bước 5: Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1. Kiểm tra, kiểm đếm tại hiện trường.

Căn cứ thông báo thu hồi đất, chỉ giới GPMB của dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc lập biên bản kiểm kê chi tiết của từng trường hợp bị thu hồi đất (gọi tắt là biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường), trong biên bản phải thể hiện cụ thể những nội dung sau: Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay của người bị thu hồi đất; số nhân khẩu, số lao động, đối tượng thuộc diện chính sách xã hội (nếu có); diện tích, vị trí thửa đất thu hồi; số lượng cây trồng, vật nuôi; hình dạng, kích thước, khối lượng, kết cấu, những đặc điểm cơ bản của tài sản trên đất, các công trình nổi và ngầm gắn liền với đất bị thu hồi.

2. Xác định nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất, UBND cấp xã căn cứ các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất, hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính và các loại sổ mục kê, sổ địa chính, sổ đăng ký thống kê, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ bộ thuế của thửa đất bị thu hồi xác định

nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi; xác định chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất.

3. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường, nguồn gốc đất đai của từng thửa đất bị thu hồi, đơn giá và các chính sách bồi thường theo quy định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ với các nội dung sau:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi.
- Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất.
- Dự kiến số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Dự kiến địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, phương thức tái định cư.
- Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Dự kiến tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Dự kiến thời gian và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án.

4. Lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi để người bị thu hồi đất và những người có liên quan tham gia ý kiến;

- Việc niêm yết phải được lập thành văn bản có xác nhận của đại diện UBND cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã, đại diện những người có đất bị thu hồi;

- Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là hai mươi ngày (20), kể từ ngày đưa ra niêm yết.

5. Hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Hết thời hạn niêm yết và tiếp nhận ý kiến, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, nêu rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hoàn chỉnh và gửi phương án đã hoàn chỉnh kèm theo bản tổng hợp ý kiến đóng góp đến cơ quan tài nguyên và môi trường để thẩm định.

- Trường hợp còn nhiều ý kiến không tán thành phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB cần giải thích rõ hoặc xem xét, điều chỉnh trước khi chuyển cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định.

Bước 6: Thẩm định và trình duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng có liên quan cấp huyện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định; trình UBND cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Bước 7: Quyết định thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất

- Căn cứ vào thông báo thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cơ quan có thẩm quyền lập và thẩm định, bản trích lục hoặc bản trích đo địa chính

thửa đất. UBND huyện/thành phố quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư BAH.

- Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, nếu có thắc mắc khiếu nại từ phía người dân thì UBND xã thực hiện dự án sẽ tập hợp ý kiến và đơn thư khiếu nại của người dân gửi lên cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng thực hiện quyết định thu hồi đất; cơ quan nhà nước đã ban hành quyết định thu hồi đất phải có quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có). Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là đúng pháp luật thì người có đất bị thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

Bước 8: Phê duyệt và công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- UBND huyện/thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định theo quy định.

- Trong thời hạn không quá ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, trong đó nêu rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, về bố trí đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã bị thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Bước 9: Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện chi trả tiền sau khi có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Bước 10: Bàn giao và cưỡng chế thu hồi đất

- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB.

- Trong trường hợp người có đất bị thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất thì UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế. Việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 70,71 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

9.2. Cập nhật RAP

Tại thời điểm này chưa có số liệu DMS. Sau khi tiến hành DMS, các số liệu kiểm kê chi tiết sẽ được cập nhật vào RAP. Địa phương sẽ dựa trên RAP lập bản Kế hoạch bồi

thường để cập nhật giá bồi thường đất đai, tài sản và các khoản hỗ trợ. Bản này phải được gửi lên chủ đầu tư và JICA và phải được phê duyệt trước khi tiến hành chi trả bồi thường.

Công bố bản RAP dự thảo và bản RAP cuối cùng theo chính sách của JICA về công bố công khai tài liệu dự án tới các cộng đồng bị ảnh hưởng và tại Trung tâm thông tin của JICA. Dự thảo RAP sẽ được công bố cho người BAH trước khi trình JICA phê duyệt. Bản RAP cuối cùng sẽ được công bố sau khi đã phê duyệt.

9.3. Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện cho các hoạt động tái định cư của dự án sẽ được theo bảng dưới đây bao gồm: (i) Các hoạt động tham vấn; (ii) các hoạt động đã được hoàn thành để chuẩn bị thực hiện RAP; (iii) và các hoạt động giám sát bên ngoài.

Việc thực hiện sẽ bao gồm các hoạt động sau đây (Bảng 24):

Bảng 24- Kế hoạch thực hiện

TT	Hoạt động	Trách nhiệm	Thời gian
I	Chuẩn bị RAP, RPF		
1	Chuẩn bị Khung Chính sách Tái định cư (RPF) và Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)	UBND tỉnh /Sở NN&PTNT, Ban 9 và Tư vấn Tái định cư	Tháng 6,7,8 năm 2016
2	Trình Chính phủ và JICA xem xét, phê duyệt RPF	Ban 9, Bộ NN&PTNT	15/9/2016
2.1	Phê duyệt RPF	Chính phủ	12/12/2016
2.2	Phê duyệt RAP	UBND tỉnh Bến Tre	14/12/2016
3	Công bố Khung Chính sách Tái định cư và RAP trên trang web của UBND tỉnh và JICA	JICA, UBND tỉnh / Sở NN&PTNT	Tháng 12/2016
4	Đào tạo và tăng cường năng lực cho các cán bộ dự án và DCSCC	Ban 9, UBND tỉnh / Sở NN&PTNT và Tư vấn Tái định cư thực hiện công tác tái định cư (dùng nguồn vốn vay JICA)	Quý 3 năm 2017
5	Tuyển dụng tư vấn giám sát độc lập (EMC)	Ban 9	Quý 4 năm 2017

TT	Hoạt động	Đơn vị thực hiện	Tiến độ						Ghi chú
			Cống Tân Phú, Bến Ró, Thủ Cừ, Cái Quao			Cống An Hóa, Bến Tre, Vàm Nước Trong, Vàm Thơm			
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số (ngày)	Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số (ngày)	
I	Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chi tiết								
1	Ban hành thông báo thu hồi đất và Kế hoạch thu hồi đất	UBND Huyện	3/2017				3/2017	3/2017	
2	Ban 9 bàn giao bản vẽ, mốc ranh GPMB cho địa phương	Ban 9	01/10/2017	01/10/2017			01/6/2018		
3	Triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm	Hội đồng bồi thường, Ban 9, TT phát triển quỹ đất	02/10/2017	15/11/2017	40		02/8/2018	15/9/2018	40
II	Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư								
4	Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Hội đồng bồi thường, Ban 9, TT phát triển quỹ đất	16/11/2017	15/12/2017	30		16/9/2018	15/10/2018	30

5	Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và lấy ý kiến người dân	Hội đồng bồi thường, TT phát triển quỹ đất, UBND xã	16/12/2017	5/1/2018	20	16/10/2018	5/11/2018	20	Khoản 2 điều NBĐ 47/2014/NĐ-CP
6	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất	Hội đồng bồi thường huyện, Phòng TN-MT; Sở TN - MT	6/1/2018	15/2/2018	40	6/11/2018	5/12/2018	30	
III	Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư								
7	UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật đất đai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày	UBND huyện	16/2/2018	25/2/2018	10	6/12/2018	15/12/2018	10	
8	Niên yết công khai QĐ Thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Hội đồng bồi thường, UBND xã	26/2/2018	15/3/2018	20	16/12/2018	5/01/2019	20	
9	Chi trả đền bù và bàn giao mặt bằng	Trung tâm phát triển quỹ đất và các	16/3/2018	15/4/2018	30	6/01/2019	05/02/2019	30	

10. CHI PHÍ VÀ NGÂN SÁCH

10.1. Nguồn ngân sách

Tất cả các chi phí cho chiếm dụng đất, bồi thường và tái định cư cho phần bị ảnh hưởng về đất đai, tài sản trên đất của dự án được sử dụng từ nguồn ngân sách đối ứng của Trung ương và vốn vay (nếu có),

Chi phí tăng cường năng lực và thuê tuyến giám sát độc lập (EMC) sử dụng vốn vay của JICA.

10.2. Ước tính chi phí bồi thường và hỗ trợ

Giá bồi thường đã được thành lập trong mỗi xã của dự án với chi phí thay thế dựa trên giá thị trường tại thời điểm xây dựng RAP. Giá được thiết lập dựa trên khảo sát chi phí thay thế (Phụ lục 1) để cập nhật các chi phí thay thế và phương pháp để cập nhật tỷ lệ theo yêu cầu khi giá cả thị trường thay đổi. Tỷ lệ bồi thường sẽ được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho khảo sát dự án.

Cập nhật giá thay thế sẽ được thực hiện ngay lập tức sau khi kết quả của khảo sát đo đạc chi tiết được hoàn thành. Điều này nhằm mục đích cho phép có sự so sánh giữa mức giá bồi thường đề xuất (dựa trên quy định bồi thường nhân dân cấp tỉnh của Ủy ban) và chi phí thay thế (được xác định thông qua cuộc khảo sát). So sánh này nhằm mục đích để xác định sự khác biệt về giá bồi thường (giữa tỉnh và các kết quả khảo sát chi phí thay thế) và cho phép điều chỉnh (để phản ánh chi phí thay thế) và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham vấn và sự đồng thuận trong người dân bị ảnh hưởng. Giá sẽ được cập nhật để đưa vào việc tăng chi phí, đặc biệt nếu khi thực hiện tái định cư bị trì hoãn.

Hiện nay, các chính sách về đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho đất đai, cây cối, hoa màu cũng như vật kiến trúc... của UBND tỉnh Bến Tre được ban hành. Tư vấn đã tiến hành so sánh giá thị trường khảo sát được và đơn giá bồi thường đã được nêu trong các Quyết định, văn bản và các chính sách mới nhất của tỉnh. Giá được tính toán trước khi di dời những tài sản BAH, không trừ thuế, chi phí thực hiện theo các loại sau:

(i) Với đất sản xuất thì dựa vào giá thị trường tương ứng với giá bán đất gần đây, và nếu không có giá bán gần đây, thì dựa trên giá trị sản xuất;

(ii) Đất thổ cư thì dựa vào giá thị trường tương ứng với giá bán đất gần đây, và nếu không có giá bán gần đây thì dựa vào đặc điểm, vị trí cùng loại;

(iii) Nhà cửa và các công trình liên quan khác dựa vào giá thị trường về vật liệu và nhân công mà không tính đến khấu hao cũng như tận dụng vật liệu xây dựng cũ;

(iv) Cây hàng năm tương đương với sản lượng cao nhất trong 3 năm trước nhân với giá trị thị trường hiện tại ở thời điểm bồi thường;

(v) Cây lâu năm bồi thường tương đương với giá thị trường hiện tại tùy theo loại, tuổi và giá trị sản xuất tại thời điểm bồi thường.

(vi) Cây lấy gỗ, dựa vào đường kính, chiều cao, năm tuổi tương đương theo giá thị trường hiện tại.

Giá do UBND tỉnh ban hành để tính bồi thường cho đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối hoa màu theo các quyết định của các tỉnh. Việc đánh giá giá thay thế được thực hiện để so sánh đơn giá trong quyết định này với giá thị trường.

10.3. Dự kiến chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Để chuẩn bị tính toán các chi phí dự án, một dự toán vốn sơ bộ được chuẩn bị. Bảng dưới đây tóm tắt ngân sách tái định cư dự kiến của dự án.

Bảng 25- Tổng hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự kiến

TT	Mục	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
			(VNĐ/ đơn vị)		(VNĐ)	
I	CHI PHÍ TÁI ĐỊNH CƯ					
1	Đất	VNĐ			30,677,454,000	Bảng 25(a)
(a)	Chi phí (giá) thay thế cho đất thu hồi vĩnh viễn	VNĐ			29,058,732,000	
(b)	Hỗ trợ thu hồi đất tạm thời	VNĐ			1,618,722,000	
2	Hạ tầng chính (nhà / cửa hàng)	VNĐ			7,831,400,000	
	Nhà cấp 4 mái BTCT	m2	3,600,000	1,344	4,838,400,000	
	Nhà cấp 4 tường gạch, mái ngói, tôn	m2	1,500,000	1,782	2,673,000,000	
	Nhà tạm	m2	800,000	400	320,000,000	
3	Công trình phụ, vật kiến trúc	VNĐ			4,558,850,000	Bảng 25 (b)
4	Cây trồng, cây ăn quả và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản	VNĐ			6,013,080,000	Bảng 25(c)
II	HỖ TRỢ	VNĐ			33,853,019,000	Bảng 25(d)
A	TỔNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	VNĐ			82,933,803,000	
B	CHI PHÍ KHÁC	VNĐ			5,990,411,272	
1	Chi quản lý	VNĐ			1,658,676,060	2% của A
2	Tăng cường năng lực	VNĐ			331,735,212	0,4% của A
3	Giám sát độc lập	VNĐ			4,000,000,000	
	C: TỔNG CHI PHÍ C=A+B	VNĐ			88,924,214,272	
	D: Dự phòng D =10% của C	VNĐ			8,892,421,427	
	TỔNG CHI PHÍ TÁI ĐỊNH CƯ (C+D)	VNĐ			97,816,635,699	
	Tổng chi phí (làm tròn)	VNĐ			97,816,636,000	
	TỔNG CHI PHÍ TÁI ĐỊNH CƯ	USD			4,396,253	1USD=22,250VNĐ

Bảng 25 (a) – Chi phí bồi thường các loại đất

STT	Tỉnh/ Huyện/ Phường/ Xã	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)	Ghi chú
I	Tỉnh Bến Tre					
I.1	Thành phố Bến Tre					
1.1.1	Nhon Thạnh					
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	20.0	4,000,000	80,000,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	280.0	1,200,000	336,000,000	30% giá đất
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	3,854.0	220,000	847,880,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	75,000	-	30% giá đất
1.1.2.	Xã Phú Hưng					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	447.7	4,000,000	1,790,800,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	1,200,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	14,561.7	220,000	3,203,574,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	2,543.0	75,000	190,725,000	
I.2	Huyện Châu Thành					-
1.2.1.	xã Tiên Long					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	-	3,000,000	-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	120.0	1,000,000	120,000,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	12,609.0	140,000	1,765,260,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	45,000	-	
1.2.2	Xã Giao Hòa					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	-	3,500,000	-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	1,150,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	15,500.0	200,000	3,100,000,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	70,000	-	
1.2.3	Xã Tân Phú					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	-	3,200,000	-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	1,050,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	15,366.0	180,000	2,765,880,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	60,000	-	
1.2.4	Xã Phú Đức					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	-	3,300,000	-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	1,100,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	1,231.0	160,000	196,960,000	

	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	3,654.4	55,000	200,992,000	
1.3	Huyện Bình Đại				-	
1.3.1.	Xã Long Định				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	643.3	2,000,000	1,286,600,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	750,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	24,956.7	90,000	2,246,103,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	2,662.0	30,000	79,860,000	
1.4	Huyện Mô Cày Nam				-	
1.4.1	Bình Khánh Đông				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	120.0	2,400,000	288,000,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	800,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	8,215.0	150,000	1,232,250,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	150.0	50,000	7,500,000	
1.4.2	Định Thủy				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	380.0	2,500,000	950,000,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	850,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	9,150.0	150,000	1,372,500,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	380.0	50,000	19,000,000	
1.4.3	Thành Thới B				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	240.0	2,500,000	600,000,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	8,500,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	13,965.0	140,000	1,955,100,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	1,740.0	48,000	83,520,000	
1.5	Huyện Mô Cày Bắc				-	
1.5.1	Khánh Thạnh Tân				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	320.0	2,600,000	832,000,000	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	850,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	6,809.5	150,000	1,021,425,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	11,010.5	50,000	550,525,000	
1.5.2	Xã Tân Thành Bình				-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	-	2,800,000	-	
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m ²	-	950,000	-	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m ²	13,126.0	160,000	2,100,160,000	
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm	VNĐ/m ²	-		-	

	thời			53,000		
1.6	Huyện Giồng Trôm					-
1.6.1	Phước Long					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	-	2,500,000		-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	830,000		-
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	4,194.0	160,000		671,040,000
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	200.0	53,000		10,600,000
1.6.1	Thạnh Phú Đông					-
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	50.0	2,500,000		125,000,000
	Đất thổ cư bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	-	1,200,000		-
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng vĩnh viễn	VNĐ/m2	4,188.0	150,000		628,200,000
	Đất sản xuất bị ảnh hưởng tạm thời	VNĐ/m2	400.0	50,000		20,000,000
	Tổng		173,087			30,677,454,000

Bảng 25 (b) – Chi phí bồi thường các công trình kiến trúc

STT	Tỉnh/ Huyện/ Phường/ Xã	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng cộng
					(VNĐ)
I	Tỉnh Bến Tre				
I.1	Thành phố Bến Tre				
I.1.1	Nhon Thạnh				
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	30	1,000,000	30,000,000
I.1.2.	Xã Phú Hưng				-
	Đồng hồ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	2	1,500,000	3,000,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	20	1,600,000	32,000,000
	Sân gạch	VNĐ/m2	500	200,000	100,000,000
I.2	Huyện Châu Thành				-
I.2.1.	xã Tiên Long				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m2	40	2,000,000	80,000,000
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	10	1,000,000	10,000,000
	Đồng hồ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	1	1,500,000	1,500,000
	Hàng rào BAH	VNĐ/m2	50	650,000	32,500,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	12	1,600,000	19,200,000

1.2.2	Xã Giao Hòa				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m ²	20	3,000,000	60,000,000
	Đồng hộ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	5	1,500,000	7,500,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m ²	20	1,600,000	32,000,000
	Mộ xây	VNĐ/mộ	11	15,000,000	165,000,000
1.3	Huyện Bình Đại				-
1.3.1.	Xã Long Định				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m ²	40	3,000,000	120,000,000
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m ²	20	1,000,000	20,000,000
	Đồng hộ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	7	1,500,000	10,500,000
	Hàng rào BAH	VNĐ/m ²	12	650,000	7,800,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m ²	20	1,600,000	32,000,000
	Bể nước BAH	VNĐ/m ³	4	1,000,000	4,000,000
	Sân gạch	VNĐ/m ²	20	200,000	4,000,000
1.4	Huyện Mô Cày Nam				-
1.4.1	Bình Khánh Đông				-
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m ²	47	1,000,000	47,000,000
	Đồng hộ điện	VNĐ/Cái	3	1,500,000	4,500,000
	Nhà vệ sinh, nhà tắm bị ảnh hưởng	VNĐ/m ²	2	1,600,000	3,200,000
	Mộ xây	VNĐ/mộ	23	21,000,000	483,000,000
	Giếng BAH	VNĐ/m	50	97,000	4,850,000
	Bể nước BAH	VNĐ/m ³	65	1,000,000	65,000,000
	Sân gạch/XM	VNĐ/m ²	54	200,000	10,800,000
	Ao nuôi cá	VNĐ/m ³	300	1,500,000	450,000,000
1.4.2	Định Thủy				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m ²	240	3,000,000	720,000,000
	Bể nước BAH	VNĐ/m ³	6	1,000,000	6,000,000
1.4.3	Thành Thới B				-

	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m2	80	1,200,000	96,000,000
	Đồng hộ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	5	1,500,000	7,500,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	40	1,600,000	64,000,000
1.5	Huyện Mô Cày Bắc				-
1.5.1	Khánh Thạnh Tân				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m2	40	3,000,000	120,000,000
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	150	1,000,000	150,000,000
	Đồng hộ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	2	1,500,000	3,000,000
	Bể nước BAH	VNĐ/m3	28	1,000,000	28,000,000
	Sân gạch/XM	VNĐ/m2	100	200,000	20,000,000
	Ao nuôi cá	VNĐ/m3	780	1,500,000	1,170,000,000
1.5.2	Xã Tân Thành Bình				-
	Nhà bếp BAH ngoài nhà chính	VNĐ/m2	30	3,000,000	90,000,000
	Chuồng bò/lợn/gà bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	200	1,000,000	200,000,000
	Đồng hộ điện bị ảnh hưởng	VNĐ/Cái	2	1,500,000	3,000,000
	Nhà vệ sinh bị ảnh hưởng	VNĐ/m2	20	1,600,000	32,000,000
1.6	Huyện Giồng Trôm				-
1.6.1	Phước Long				-
	Bể nước BAH	VNĐ/m3	10	1,000,000	10,000,000
Tổng					4,558,850,000

Bảng 25 (c) – Chi phí bồi thường cây trồng, mùa vụ

STT	Tỉnh/Huyện/Xã	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng cộng (VNĐ)	Ghi chú
I	Tỉnh Bến Tre					
I.1	Thành phố Bến Tre					
I.1.1	Xã Nhơn Thạnh				500,300,000	
	Bưởi da xanh	Cây	170	2,000,000	340,000,000	
	Dừa	Cây	100	1,500,000	150,000,000	
	Chuối	Bụi	100	70,000	7,000,000	
	Quế	Cây	30	70,000	2,100,000	
	Mai	Cây	30	40,000	1,200,000	
I.1.2.	Xã Phú Hưng	Xã Phú Hưng không có cây cối bị ảnh hưởng vì khu vực này chỉ dùng để làm bãi dựng VLXD và sân phơi xơ dừa				
I.2	Mỏ Cây Nam					
I.2.1	Xã Bình Khánh Đông				378,980,000	
	Dừa	Cây	250	1,500,000	375,000,000	
	Chuối	Bụi	20	70,000	1,400,000	
	Mai	Cây	30	40,000	1,200,000	
	Kiêng	Cây	30	40,000	1,200,000	
	Ca cao	Cây	300	600	180,000	
I.2.2	Xã Định Thủy				575,000,000	
	Dừa	Cây	250	1,500,000	375,000,000	
	Bưởi da xanh	Cây	100	2,000,000	200,000,000	
I.2.3	Thành Thới B				334,000,000	
	Dừa	cây	180	1,500,000	270,000,000	
	Chuối	cây	200	70,000	14,000,000	
	Nhãn	cây	50	1,000,000	50,000,000	
I.3	Mỏ Cây Bắc					
I.3.1	Xã Khánh Thạnh Tân				850,000,000	

	Xoài	Cây	200	1,000,000	200,000,000	
	Bưởi da xanh	Cây	50	2,000,000	100,000,000	
	Dừa	Cây	100	1,500,000	150,000,000	
	Ca cao	Cây	200	1,600,000	320,000,000	
	Măng cụt	Cây	20	4,000,000	80,000,000	
1.3.2.	Xã Tân Thành Bình				535,500,000	
	Dừa	Cây	350	1,500,000	525,000,000	
	Nhãn	Cây		1,000,000	-	
	Chuối	Cây	150	70,000	10,500,000	
I.4	Châu Thành					
I.4.1.	Xã Tân Phú				320,000,000	
	Chôm chôm	Cây	100	2,000,000	200,000,000	
	Nhãn	Cây	30	1,000,000	30,000,000	
	Sầu riêng	Cây	30	3,000,000	90,000,000	
I.4.2.	Xã Phú Đức				340,000,000	
	Chôm chôm	Cây	70	2,000,000	140,000,000	
	Nhãn	Cây	50	1,000,000	50,000,000	
	Sầu riêng	Cây	50	3,000,000	150,000,000	
1.4.3	Xã Tiên Long				1,144,000,000	
	Sầu riêng	cây	200	3,000,000	600,000,000	
	Chôm chôm	cây	150	2,000,000	300,000,000	
	Dừa	cây	70	1,500,000	105,000,000	
	Mít	cây	30	1,300,000	39,000,000	
	Nhãn	cây	100	1,000,000	100,000,000	
1.4.4.	Xã Giao Hòa				499,000,000	
	Dừa	cây	150	1,500,000	225,000,000	
	Nhãn	cây	100	1,000,000	100,000,000	
	Bưởi	cây	80	2,000,000	160,000,000	
	Chuối	cây	200	70,000	14,000,000	
I.5	Giồng Trôm					
I.5.1	Xã Phước Long				60,000,000	
	Dừa	Cây	40	1,500,000	60,000,000	
I.5.2	Xã Thạnh Phú Đông				90,000,000	

	Dừa	Cây	60	1,500,000	90,000,000	
I.6	Huyện Bình Đại					
I.6.1	Xã Long Định				386,300,000	
	Dừa	cây	200	1,500,000	300,000,000	
	Nhãn	cây	80	1,000,000	80,000,000	
	Chuối	cây	90	70,000	6,300,000	
Tổng					6,013,080,000	

Bảng 25 (d) – Chi phí hỗ trợ

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					(VNĐ)	
1.1	Hỗ trợ di chuyển trong tỉnh	VNĐ/Hộ	7	4,500,000	31,500,000	
1.2	Hỗ trợ thuê nhà	VNĐ/Hộ	15	5,000,000	75,000,000	
1.3	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất					
1.3.1	Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất ở và từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Khẩu				
a	Không phải di chuyển chỗ ở			2,160,000	-	30 kg gạo trong 6 tháng
b	Phải di chuyển chỗ ở		33	4,320,000	142,560,000	
1.3.2	Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Khẩu				
a	Không phải di chuyển chỗ ở		23	4,320,000	99,360,000	
b	Phải di chuyển chỗ ở			8,640,000	-	
1.4	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	VNĐ/m ²	56,823.0	450,000	25,570,350,000	Ba lần giá đất nông nghiệp
1.5	Hỗ trợ đất vườn, ao không được công nhận là đất ở	VNĐ/m ²	64,560.0	90,000	5,810,400,000	50% giá đất
1.6	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư	VNĐ/m ²	9,082.0	90,000	817,380,000	
1.7	Hỗ trợ tự lo tái định cư	Hộ/suất	9	30,000,000	270,000,000	
1.8	Hỗ trợ xã hội	VNĐ/chủ sd	16	2,000,000	32,000,000	
1.9	Thưởng tiền độ					
	Di chuyển nhà	VNĐ/ hộ	14	5,000,000	70,000,000	
	Đất thổ cư	VNĐ/hộ	22	2,000,000	44,000,000	
	Đất sản xuất	VNĐ/m ²	96,823.0	3,000	290,469,000	
1.10	Hỗ trợ ngừng sản xuất kinh doanh (Ước tính doanh thu)	Hộ	4	150,000,000	600,000,000	30% giá trị tài sản
	Cộng				33,853,019,000	

11. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

11.1. Giám sát nội bộ

Ban Bồi thường và Giải phóng mặt bằng Huyện (DCSCC) sẽ đóng vai trò làm đơn vị giám sát nội bộ. DCSCC sẽ duy trì một hồ sơ gồm tất cả các dữ liệu đã thu thập ở hiện trường, bao gồm cả dữ liệu về những hộ BAH. Họ sẽ nộp báo cáo giám sát định kỳ hàng quý lên UBND tỉnh, bắt đầu với sự cập nhật RAP, cùng lúc với việc thực hiện DMS và các hoạt động cập nhật RAP khác. UBND tỉnh sau đó sẽ đưa những cập nhật về tái định cư lên báo cáo tiến độ định kỳ lên MARD và JICA.

Giám sát nội bộ bao gồm những mục tiêu sau:

- a. Bồi thường và các quyền lợi khác phải được tính toán theo định mức và thủ tục đã được đưa ra ở RAP đã phê duyệt, không có sự phân biệt đối xử theo giới tính, tính dễ bị tổn thương, và các nhân tố khác;
- b. Hộ BAH sẽ được chi trả bồi thường và các quyền lợi khác như theo RAP cập nhật đã được phê duyệt, đảm bảo rằng tất cả quyền lợi của người BAH được thực hiện như trong kế hoạch và phê duyệt, bao gồm bồi thường bằng tiền mặt hoặc hiện vật, tiền hỗ trợ, đất thay thế, khu tái định cư được xây dựng và những người BAH được di dời đến đó;
- c. Chương trình phục hồi thu nhập được thiết kế và chuyển giao, bao gồm cả khi những chương trình này được sửa đổi, cung cấp bổ sung thêm tiền mặt và hiện vật hỗ trợ cho hộ BAH nếu cần thiết.
- d. Công bố thông tin, tham vấn cộng đồng và quy trình giải quyết khiếu nại tuân thủ như theo mô tả trong RAP được phê duyệt;
- e. Khả năng của người BAH trong việc khôi phục/tái lập sinh kế và điều kiện sống. Những hộ dễ bị tổn thương và bị tác động nặng sẽ được đặc biệt chú ý. Dự án cũng quan tâm nhiều cho mục tiêu cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của những hộ dễ bị tổn thương.
- f. Những tiện ích công cộng và cơ sở hạ tầng được khôi phục nhanh chóng; và
- g. Sự chuyển tiếp giữa tái định cư và khởi công diễn ra thuận lợi và những địa điểm xây dựng sẽ không được bàn giao nếu hộ BAH không được bồi thường và tái định cư thỏa đáng.

11.2. Giám sát độc lập

Mục đích chính của giám sát độc lập là đưa ra sự thẩm định và đánh giá định kỳ độc lập của (i) thành quả của các mục tiêu tái định cư; (ii) những thay đổi về mức sống và sinh kế; (iii) sự phục hồi nền tảng kinh tế và xã hội của người BAH; (iv) tính hiệu quả và

bền vững trong các quyền lợi được cấp cho người BAH; và (iv) sự cần thiết bổ sung thêm các biện pháp giảm thiểu.

Bài học chiến lược cho việc xây dựng chính sách và lập kế hoạch sẽ được rút ra từ việc giám sát và đánh giá quá trình tái định cư. Nó được thực hiện thông qua một Nghiên cứu Đánh giá thực thi hậu tái định cư được thực hiện trong vòng 6-12 tháng kể từ lúc hoàn thành tất cả các hoạt động tái định cư.

Một cơ quan giám sát độc lập (EMC) sẽ được thuê trước khi thi hành RAP. Liên quan đến giám sát sự tuân thủ trong quá trình thi hành tái định cư, hoạt động chính của EMC sẽ bao gồm như sau:

- a. Xem xét năng lực thực hiện của Ban Bồi thường và thu thập thông tin kinh tế xã hội bổ sung, nếu cần thiết, trên những hộ bị ảnh hưởng mẫu
- b. Giám sát sự cập nhật và thực hiện RAP
- c. Xác định bất kỳ sai lệch nào giữa quy định chính sách và việc thực hiện tái định cư
- d. Theo dõi việc giải quyết thắc mắc khiếu nại
- e. Đưa ra những kiến nghị nhằm cải thiện quá trình cập nhật và thực hiện tái định cư
- f. Chứng nhận rằng mỗi hộ di dời đã được chi trả số tiền đúng với quyền lợi được quy định trong RAP
- g. Thực hiện việc kiểm toán tái định cư và bồi thường

Về cụ thể đối với các hoạt động cập nhật và thực hiện tái định cư, EMC sẽ giám sát và đánh giá những vấn đề cụ thể như sau:

- Tham vấn và nhận thức cộng đồng đối với chính sách tái định cư và các quyền lợi;
- Điều phối các hoạt động tái định cư với lịch trình thi công;
- Quy trình thu hồi và chuyển giao đất;
- Việc xây dựng nhà và kiến trúc thay thế;
- Độ hài lòng của những người di dời đối với sự bồi thường, hỗ trợ và việc thực hiện RAP;
- Cơ chế giải quyết khiếu nại (hồ sơ, quy trình, giải pháp);
- Giám sát loại hình và mức độ hỗ trợ được bên phụ trách dự án đưa ra cho những hộ di dời mà muốn mua đất nông nghiệp tư thay thế;
- Tính hiệu quả, mức ảnh hưởng và tính bền vững của những quyền lợi và những chương trình phục hồi thu nhập, cũng như sự cần thiết của các biện pháp giảm

thiếu thiệt hại và cải thiện thu nhập nếu những mục đích của dự án không được thực hiện hoàn toàn. EMC cũng phải xác định những hộ di dời mà không thể khôi phục lại thu nhập và cần sự hỗ trợ thêm;

- Khả năng của hộ phải di dời trong việc phục hồi lại mức sống và sinh kế. Những người di dời dễ bị tổn thương và những người bị mất đất sản xuất sẽ được chú ý nhiều hơn;
- Tác động của tái định cư trong các hoạt động thi công;
- Sự tham gia của hộ di dời trong quá trình cập nhật và thực hiện RAP.

11.3. Phương pháp giám sát độc lập

Những phương pháp được EMC sử dụng để giám sát được tóm tắt như sau:

- a. Rà soát văn bản DMS để có thể thiết lập một cơ sở cho việc giám sát và đánh giá lợi ích của dự án. EMC sẽ kiểm tra ngẫu nhiên quá trình DMS với những hộ phải di dời được xác định dựa trên kết quả DMS. Trong quá trình thực hiện DMS, EMC cũng sẽ giám sát quy trình DMS để xác định và đánh giá xem nếu các hoạt động DMS đang được tiến hành một cách minh bạch và có sự tham gia của các bên.
- b. Đánh giá Khảo sát Kinh tế - Xã hội (SES) cơ sở. Nếu sự thu hồi đất không diễn ra trong ít nhất 2 năm, EMC sẽ thực hiện một khảo sát khác. Một khảo sát sau khi tái định cư cũng sẽ được thực hiện trong 1 năm kể từ khi hoàn thành các hoạt động tái định cư. Lấy mẫu sẽ bao gồm 20% những hộ di dời bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất, và ít nhất 10% tất cả các hộ di dời khác. Những hộ di dời đã được phỏng vấn trong quá trình cập nhật RAP sẽ được phỏng vấn tiếp. EMC cũng sẽ quan tâm đặc biệt đến phụ nữ, người nghèo, người không có đất và những nhóm dễ tổn thương khác với những câu hỏi đặt riêng cho họ; và dữ liệu cũng sẽ phân tách thông tin theo giới tính, dân tộc và tính dễ bị tổn thương.
- c. Đánh giá nhanh có sự tham gia (PRA), bao gồm việc thu thập thông tin, xác định những vấn đề còn tồn tại hoặc có thể xảy ra, và tìm ra những giải pháp có hạn định cụ thể thông qua những công cụ hỗ trợ: a) phỏng vấn người cung cấp thông tin chủ yếu, b) thảo luận nhóm tập trung về những vấn đề như chi trả bồi thường, phục hồi thu nhập và di dời; c) họp cộng đồng để thảo luận về thiệt hại của cộng đồng, sự hòa nhập của những hộ tái định cư ở cộng đồng sở, hoặc công việc thi công; d) quan sát thực địa trực tiếp; e) phỏng vấn chính thức hoặc không chính thức các hộ BAH, phụ nữ, và các nhóm dễ bị tổn thương khác để giám sát và đánh giá tiến độ mà những người di dời đang thực hiện để hồi phục mức sống của họ; và f) nghiên cứu trường hợp chuyên sâu những vấn đề được xác định từ việc giám sát nội bộ và độc lập và những nỗ lực cần có để giải quyết. PRA sẽ tập trung vào những thực hành tốt.

- d. Kiểm toán tái định cư cũng sẽ được tiến hành trong quá trình giám sát. EMC sẽ có mặt tại thời điểm giải ngân các khoản chi trả cho hộ di dời trong quá trình giám sát. Báo cáo EMC sẽ bao gồm cả kiểm toán tái định cư cho mỗi giai đoạn giám sát.
- e. Điều khoản tham chiếu cho giám sát độc lập sẽ nhận được sự đồng ý của JICA trước khi mời giám sát độc lập cho RAP.
- f. EMC sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát sau mỗi ba (3) tháng theo quy trình khi hộ di dời đã nhận bồi thường/hỗ trợ và di chuyển khỏi phần đất thu hồi. EMC sẽ thực hiện đánh giá hậu tái định cư trong mười hai (12) tháng sau khi việc bồi thường và di dời được hoàn thành.

11.4. Đánh giá

Trong 6 đến 12 tháng sau khi hoàn thành tái định cư, EMC cũng sẽ thực hiện một nghiên cứu đánh giá các hộ bị ảnh hưởng nặng để xác định xem những mục tiêu của tái định cư có được hoàn thành hay không. Phương pháp đánh giá sẽ dựa chủ yếu trên sự so sánh tình trạng kinh tế xã hội của các hộ BAH nặng trước và sau tái định cư. Với mục đích này, một khảo sát kinh tế - xã hội cũng sẽ được tiến hành để xác định mức sống của những hộ bị ảnh hưởng nặng, và phục hồi lại sinh kế của họ lên đến mức trước khi có dự án.

PHỤ LỤC 1: KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ

1. Mục tiêu của cuộc khảo sát

Mục tiêu của cuộc khảo sát này về giá thay thế là xác định giá bồi thường cho tất cả các loại đất, tài sản, cây và cây trồng của hộ gia đình bị ảnh hưởng của tiểu dự án. Giá thay thế là tương tự giá phổ biến trên thị trường để đảm bảo rằng không có hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ có tình hình tồi tệ hơn trước khi tiểu dự án. Ngược lại, ít nhất là tất cả các hộ bị ảnh hưởng sẽ duy trì hoặc cải thiện mức sống so với trước khi có tiểu dự án.

2. Phương pháp

2.1. Phương pháp tiếp cận

Phương pháp đánh giá nhanh sẽ được dùng để nghiên cứu giá thay thế. Thông tin dùng để thành lập giá bồi thường được thu thập từ các tài liệu và phỏng vấn trực tiếp người dân trong vùng bị ảnh hưởng, bao gồm cả người bị ảnh hưởng và người không bị ảnh hưởng.

Mục đích của công việc này là chi phí thay thế một cách hợp lý các loại tài sản bị ảnh hưởng, mà yếu tố quan trọng nhất chi phí theo giá cả thị trường. Phỏng vấn trực tiếp những hộ bị ảnh hưởng cũng như không bị ảnh hưởng nằm trong vùng tiểu dự án để đưa ra con số đáng tin cậy nhất.

Việc này được thực hiện nhằm mục đích đưa ra chi phí thay thế một cách hợp lý cho các loại tài sản bị ảnh hưởng, giá thị trường là yếu tố cơ bản để xây dựng nên giá thay thế. Ngoài ra việc phỏng vấn trực tiếp người dân trong khu vực ảnh hưởng, những người có tài sản bị ảnh hưởng và cả những người không có tài sản bị ảnh hưởng cũng là cơ sở đáng tin cậy cho việc thành lập giá thay thế.

Nhóm nghiên cứu bao gồm các chuyên gia giàu kinh nghiệm về tái định cư, kinh tế và các nhà hoạch định kế hoạch của tư vấn và địa phương thực hiện.

2.2. Phương pháp

a. Chi phí thay thế giá đất đai

Phương pháp hiệu quả nhất đem lại những chi phí thay thế giá đất đai một cách thực tế, thị trường giá đất đai là thị trường thu thập các dữ liệu vừa mới diễn ra. Tuy nhiên, việc chuyển giao quyền sử dụng đất không phải luôn luôn đi cùng với doanh số bán hàng. Vì vậy, để hỗ trợ cho việc buôn bán cần thu thập các bằng chứng về giá cả. Ngoài ra, cơ sở của các thông tin cần thu thập sẽ được phỏng vấn trực tiếp từ chủ sở hữu đất đai trên dọc tuyến công trình. Cuộc phỏng vấn bao gồm:

- Đất được chuyển quyền sở hữu gần đây nhất nằm trong khu vực tiểu dự án;
- Giá đất mà chủ sở hữu (người bị ảnh hưởng hoặc không bị ảnh hưởng) sẵn sàng bán.

Ngoài chi phí về giá đất, thì các chi phí có liên quan như chi phí vận hành, thuế, đăng ký cũng sẽ được xác định. Các chi phí thay thế đối với từng loại tài sản cùng với phí giao dịch được định rõ ràng.

b. Giá thay thế cho vật kiến trúc

Mục tiêu của việc thành lập này là để xác định liệu giá của tình đưa ra có đủ để cho các hộ bị ảnh hưởng xây dựng lại các công trình bị ảnh hưởng của họ. Việc thành lập ban bồi thường cho các công trình bị ảnh hưởng dựa trên chi phí thay thế. Các thông tin cơ bản được thu thập từ các cuộc phỏng vấn trực tiếp với chủ sở hữu của các công trình, các nhà thầu xây dựng nằm trong khu vực tiểu dự án. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành theo tài liệu hướng dẫn phỏng vấn, trong đó sẽ bao gồm các vấn đề sau:

b.1 Phỏng vấn chủ sở hữu các công trình

a) Nguyên vật liệu xây dựng

- Các nguyên vật liệu chính mà họ sử dụng để xây dựng các công trình hiện tại.
- Cửa hàng đã mua nguyên vật liệu xây dựng đó.
- Quãng đường vận chuyển
- Nguồn gốc của vật liệu (ở địa phương hay từ nước ngoài)
- Chi phí các nguyên vật liệu khác

b.2 Phỏng vấn các nhà thầu xây dựng:

Nguyên vật liệu chính được sử dụng nhiều nhất để xây dựng công trình;

- Chi phí cho những nguyên vật liệu chính;
- Chi phí nhân công;
- Chi phí trung bình (chi phí cho mỗi tầng/m) cho từng loại nhà ở theo hạng mục khác nhau;
- Xác nhận của tỉnh về giá xây dựng (theo hạng mục mỗi tầng/m²).

Các công trình này sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) sau:

- Nhà ở
- Bếp (trong trường hợp tách riêng với nhà ở)
- Phòng tắm, phòng vệ sinh (trong trường hợp tách riêng với nhà ở)

- Các công trình khác liên quan đến nhà ở: đối với tài sản công cộng như cột điện, hệ thống cấp nước, tương tự như trong trường hợp chi phí để xây dựng các cơ sở được xem xét xem liệu việc bồi thường này là có thể xây dựng lại được chúng hay không. Thông tin đánh giá cơ bản sẽ được thực hiện cùng với các cơ quan phụ trách xây dựng các cơ sở đó để xác định chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công.

c. Giá thị trường cho các loại cây cối

a) Nguồn phụ:

- Các ấn phẩm của văn phòng thống kê Quốc gia
- Các ấn phẩm của hội đồng giá cả

b) Các nguồn chính:

- Tại địa phương phỏng vấn những hộ có cùng loại cây cối. Các cuộc phỏng vấn sẽ bàn về giá cả từng loại cây mà chủ muốn bán. Giá cho cây lâu năm phân biệt theo độ tuổi của cây.
- Nhóm nghiên cứu sẽ khảo sát giá bán ra của loại cây khác nhau trên thị trường

Chi phí thay thế = Giá trị thị trường hiện tại + Chi phí giao dịch

Ngoài việc xác định giá đất và các tài sản nêu trên. Nhóm nghiên cứu sẽ xác định chi phí giao dịch liên quan như chi phí hành chính, thuế, đăng ký và giấy phép xây dựng. Các chi phí thay thế cho đất và các tài sản sẽ được phổ biến chi tiết tới xã.

3. Chọn mẫu để khảo sát

Hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ được ưu tiên cho việc lựa chọn mẫu cho cuộc khảo sát. Thông qua đó, nhu cầu của họ về đơn giá bồi thường được phản ánh. Tuy nhiên, để có kết quả khách quan, hộ gia đình không bị ảnh hưởng là những người có đặc tính tương tự về vị trí địa lý, các loại tài sản ... cũng được chọn cho cuộc khảo sát. Đối với các hộ gia đình không có đất chuyển nhượng, giá dự kiến của họ mà họ muốn chuyển cho các hộ khác hoặc họ có thể mua thì sẽ được điều tra. Trong thời gian khảo sát, các hộ gia đình là những người đã chỉ chuyển giao đất, cây, hoa màu, và các công trình xây dựng thì sẽ được ưu tiên, vì họ là bằng chứng rõ ràng cho giá hiện tại.

Phạm vi của các mẫu được lựa chọn phụ thuộc vào số hộ bị ảnh hưởng ở xã và mức độ ảnh hưởng tới tài sản của họ.

4. Xử lý thông tin

Thông tin thu thập thông qua khảo sát sẽ được ghi nhận và lưu giữ cẩn thận của từng khu vực, sau đó chúng được tổng hợp và phân tích. Từ đó, mức giá xấp xỉ với giá thị trường của từng tài sản trong mỗi khu vực sẽ được xác định.

5. Kết quả khảo sát

Khu vực dự án là khu vực nông thôn nên các hoạt động kinh tế chưa phát triển, tuy nhiên ở đây cũng có một số các vụ giao dịch và chuyển nhượng đất đai. Hơn 40% dân số trong khu vực làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Vật liệu xây dựng được bán tại các cửa hàng hầu như không tăng giá trong thời gian gần đây. Do đó việc điều tra chủ yếu dựa trên mức giá dự kiến. Các kết quả điều tra cho thấy giá của đất thổ cư và đất sản xuất cao hơn một chút so với giá do UBND các tỉnh ban hành. Các loại cây cối, vật kiến trúc tương đương giá của tỉnh.

Giá thay thế của dự án đã được khảo sát và cập nhật năm 2016. Kết quả xem xét được trình bày trong các bảng sau đây:

1. ĐẤT

TT	Loại đất	Đơn vị	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) QĐ số 35/2014 ngày 19/12/2014)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
I. TP. Bến Tre					
1. Xã Phú Hưng					
	Đất ở	m ²	3,000	4,000	4,000
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	70 - 176	80 - 200	80 - 200
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	83 - 208	100 - 250	100 - 250
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	60 - 150	60 - 150
2. Xã Nhơn Thạnh					
	Đất ở	m ²	3,000	4,000	4,000
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	70 - 176	80 - 200	80 - 200
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	83 - 208	100 - 220	100 - 220
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	60 - 140	60 - 140
II. HUYỆN CHÂU THÀNH					
3. Xã Giao Hòa					
	Đất ở	m ²	3,000	3,500	3,500
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	55 - 132	70 - 150	70 - 150
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	66 - 154	90 - 200	90 - 200
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	70 - 150	70 - 150
4. Xã Tiên Long					

TT	Loại đất	Đơn vị	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) QĐ số 35/2014 ngày 19/12/2014)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
	Đất ở	m ²	3,000	3,000	3,000
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	55 - 132	70 - 140	70 - 140
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	66 - 154	90 - 170	90 - 170
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	70 - 150	70 - 150
5. Xã Tân Phú					
	Đất ở	m ²	3,000	3,200	3,200
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	55 - 132	60 - 140	60 - 140
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	66 - 154	80 - 180	80 - 180
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	70 - 160	70 - 160
6. Xã Phú Đức					
	Đất ở	m ²	3,000	3,300	3,300
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	55 - 132	70 - 160	70 - 160
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	66 - 154	70 - 180	70 - 180
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 132	70 - 150	70 - 150
III. HUYỆN BÌNH ĐẠI					
7. Xã Long Định					
	Đất ở	m ²	1,800	2,000	2,000
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	28 - 77	30 - 90	30 - 90
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	44 - 110	50 - 150	50 - 150
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	33 - 77	40 - 80	40 - 80
IV. HUYỆN GIỒNG TRÔM					
8. Xã Phước Long					
	Đất ở	m ²	2,400	2,500	2,500
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	60 - 110	60 - 110
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 160	60 - 160
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 120	60 - 120
9. Xã Thạnh Phú Đông					
	Đất ở	m ²	2,400	2,500	2,500
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	60 - 110	60 - 110
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 150	60 - 150
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 110	60 - 110
V. HUYỆN MỎ CÀY BẮC					

TT	Loại đất	Đơn vị	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) QĐ số 35/2014 ngày 19/12/2014)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
10. Xã Tân Thành Bình					
	Đất ở	m ²	2,400	2,800	2,800
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	50 - 130	50 - 130
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 160	60 - 160
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 120	60 - 120
11. Xã Khánh Thạnh Tân					
	Đất ở	m ²	2,400	2,600	2,600
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	50 - 120	50 - 120
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	70 - 150	70 - 150
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 110	60 - 110
VI. HUYỆN MỎ CÀY NAM					
12. Xã Thành Thới B					
	Đất ở	m ²	2,400	2,500	2,500
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	50 - 110	50 - 110
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 140	60 - 140
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 120	60 - 120
13. Xã Bình Khánh Đông					
	Đất ở	m ²	2,400	2,400	2,400
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	50 - 110	50 - 110
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 150	60 - 150
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 120	60 - 120
14. Xã Định Thủy					
	Đất ở	m ²	2,400	2,500	2,500
	Đất trồng cây hàng năm	m ²	44 - 110	50 - 120	50 - 120
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	55 - 132	60 - 150	60 - 150
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	55 - 110	60 - 130	60 - 130

2. VẬT KIẾN TRÚC

TT	Kiến trúc	Đơn vị	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) (QĐ số 27/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
1	Nhà một tầng, móng, cột bê tông cốt thép: Tường bao che, ngăn phòng xây gạch dày 100mm sơn nước; trần nhựa hoặc ván ép	m ² XD	2,230 - 2,940	2,500 - 3,000	2,500 - 3,000
2	Nhà một tầng, móng, cột gạch: Tường ngăn, tường bao che xây gạch dày 100mm sơn nước; trần nhựa hoặc ván ép	m ² XD	1,390 - 2,000	1,400 - 2,000	1,400 - 2,000
3	Nhà gỗ tạp: Cột gỗ, thép hoặc bê tông đúc sẵn; vách gỗ, xây gạch, tôn, ván ép; không trần	m ² XD	370 - 1,010	370 - 1,000	370 - 1,000
4	Nhà gỗ nhóm 4: Cột gỗ, thép hoặc bê tông đúc sẵn; vách gỗ hoặc xây tường; không trần	m ² XD	1,280 - 2,000	1,300 - 2,000	1,300 - 2,000
5	Nhà tắm, nhà vệ sinh: Móng, cột bê tông	m ² XD	1,210 - 1,580	1,200 - 1,600	1,200 - 1,600
6	Hàng rào	m ²	80 - 630	80 - 650	80 - 650
7	Cổng hàng rào	m ²	370 - 1,000	400 - 1,000	400 - 1,000
8	Hồ nước	m ³	530 - 1,470	550 - 1,500	550 - 1,500
9	Sân đường	m ²	60 - 190	60 - 200	60 - 200
10	Mái che	m ²	80 - 170	80 - 170	80 - 170
11	Chuồng trại	m ² XD	80 - 100	80 - 100	80 - 100
12	Di chuyển mộ				
	Mộ đất	ngôi	4,940	5,000	5,000
	Mộ Xây bằng gạch, quét vôi	ngôi	11,340	12,000	12,000
	Mộ xây bằng gạch, ốp gạch ceramic hoặc sơn nước	ngôi	14,070	14,000	14,000
	Mộ xây bằng gạch, ốp đá hoa cương hoặc granit	ngôi	21,000	21,000	21,000

3. CÂY TRỒNG VÀ HOA MÀU

TT	Cây trồng và hoa màu	Đơn vị	Mô tả	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) (QĐ số 31/2015/QĐ-UBND ngày 9/11/2015)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
1	Dừa					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	1,500	1,500	1,500
	Loại 2	Cây	Từ 4 năm đến dưới 6 năm, đã cho trái	1,000	1,200	1,200
	Loại 3	Cây	Từ 1 năm đến dưới 4 năm	500	500	500
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	60	70	70
2	Sầu riêng					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	2,000	2,200	2,200
	Loại 2	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	1,600	1,700	1,700
	Loại 3	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	600	600	600
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	70	80	80
3	Xoài					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	800	800	800
	Loại 2	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	600	650	650
	Loại 3	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	300	350	350
	Loại 4	Cây	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	150	150	150
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	60	60	60
4	Chôm chôm					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	1,500	1,500	1,500
	Loại 2	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	1,000	1,200	1,200
	Loại 3	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	500	600	600
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm, không tính loại trồng hột	50	50	50

TT	Cây trồng và hoa màu	Đơn vị	Mô tả	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) (QĐ số 31/2015/QĐ-UBND ngày 9/11/2015)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
5	Nhãn					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	700	850	850
	Loại 2	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	500	600	600
	Loại 3	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	350	400	400
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	50	50	50
6	Cam					
	Loại 1	Cây	Từ 3 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	350	400	400
	Loại 2	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	200	250	250
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	40	40	40
7	Bưởi da xanh					
	Loại 1	Cây	Từ 6 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	2,000	2,000	2,000
	Loại 2	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	1,200	1,300	1,300
	Loại 3	Cây	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	700	700	700
	Loại 4	Cây	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	300	350	350
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	60	70	70
8	Vú sữa					
	Loại 1	Cây	Từ 10 năm tuổi trở lên, có trái ổn định	800	850	850
	Loại 2	Cây	Từ 6 năm đến dưới 10 năm	700	700	700
	Loại 3	Cây	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	500	550	550
	Loại 4	Cây	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	200	250	250
	Mới trồng	Cây	Dưới 1 năm	40	50	50
9	Đu đủ					
	Có trái	Cây		120	150	150

TT	Cây trồng và hoa màu	Đơn vị	Mô tả	Đơn giá của UBND Tỉnh (1,000 VND) (QĐ số 31/2015/QĐ-UBND ngày 9/11/2015)	Xem xét giá thay thế (1,000 VND)	Đơn giá áp dụng (1,000 VND)
	Sắp có trái	Cây		60	70	70
	Mới trồng	Cây		5	5	5
10	Chuối	Bụi	Từ 3 cây trở lên	50	70	70
	Mới trồng	Bụi		10	15	15
11	Cây kiếng trồng làm cảnh ngoài đất: Hồ trợ chi phí bứng, di dời					
	Loại 1	Cây	Đường kính gốc 15cm trở lên	60	70	70
	Loại 2	Cây	Đường kính gốc từ 10cm đến dưới 15cm	50	50	50
	Loại 3	Cây	Đường kính gốc từ 5cm đến dưới 10cm	30	35	35
	Loại 4	Cây	Đường kính gốc dưới 5cm	20	20	20
12	Cây kiếng trồng làm cảnh trong chậu: Hồ trợ di dời					
	Loại 1	Chậu	Đường kính chậu 20cm	10	10	10
	Loại 2	Chậu	Đường kính chậu 30cm	15	15	15
	Loại 3	Chậu	Đường kính chậu 40cm	20	20	20
	Loại 4	Chậu	Đường kính chậu 50cm	30	30	30
	Loại 5	Chậu	Đường kính chậu 60cm trở lên	40	40	40
13	Hàng rào cây xanh: bùm sụm, kim quýt, duối, dâm bụt:					
		Mét		50	70	70

PHỤ LỤC 2. MẪU BẢNG HỎI ĐIỀU TRA KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐIỀU TRA THIẾT HẠI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI

BẢNG HỎI KHẢO SÁT KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KIỂM KÊ

Dự án Quản lý nước Bến Tre

Chào Ông/Bà,

Dự án Quản lý nước Bến Tre được Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng nhằm vay vốn ODA của JICA, đầu tư cho các tỉnh Bến Tre nhằm kiểm soát tình trạng xâm nhập mặn, nước biển dâng gây ra bởi biến đổi khí hậu nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống của nhân dân khu vực dự án. Dự án được thực hiện với 08 công trình công kiểm soát mặn trên địa bàn 6 huyện 01 thành phố thuộc tỉnh Bến Tre.

Rất mong Ông/bà cung cấp một số thông tin liên quan đến điều kiện kinh tế, sinh hoạt và sản xuất của gia đình để làm căn cứ đánh giá mức độ ảnh hưởng/tác động của Dự án. Các thông tin được cung cấp cam kết chỉ phục vụ cho hoạt động khảo sát, đánh giá của Dự án.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/ Bà!

Ngày khảo sát: ____ / ____ /201..

I. KHẢO SÁT KINH TẾ XÃ HỘI

1. Họ và tên chủ hộ:
2. Địa chỉ nhà: Thôn:Xã:.....Huyện.....Tỉnh.....
3. Đối tượng dễ bị tổn thương: []

Phụ nữ đơn thân làm chủ hộ=1; Dân tộc thiểu số=2; Người tàn tật=3;

Hộ nghèo=4; Hộ gia đình chính sách XH=5; Hộ người già neo đơn=6

A. Thông tin chung về hộ

A1. Thông tin về các thành viên hộ gia đình (đang ở chung hay có đóng góp/tham gia vào thu nhập chính/chi tiêu chính của gia đình)

(nhớ khoanh tròn số thứ tự người trả lời)

TT	1.1 Họ tên	1.2 Quan hệ với chủ hộ (Ghi mã số) 0: chủ hộ 1: Chồng/Vợ 2: Cha/Mẹ 3: Con trai/Con gái 4: Con rể/Con đầu 5: Cháu ruột 6: Cháu họ (trai/gái) 7: Quan hệ khác	1.3 Giới tính 1=Nam 2=Nữ	1.4 Năm sinh	1.5 Dân tộc	1.6 Học vấn (Ghi lớp đã học hoặc đang học)	(Hỏi người sinh từ 1990 - 2008) Tình trạng đi học 1.7 Năm nghỉ học 1=Đang đi học >>2.1 2=Đã nghỉ học >>1.10	1.8 Năm nghỉ học	1.9 Lý do nghỉ học (Chọn tối đa 2 ý) Xem Mã dưới bảng	1.10 Người này có BHYT không? 1 = có 2 = không	1.11 Việc làm chính hiệ nay của các thành viên
1											
2											
3											

B. Tài sản

1. Loại nhà

1. Kiên cố (Nhà xây từ 1 tầng trở lên/ tường gạch, mái bê tông cốt thép)
2. Bán kiên cố (Nhà tường gạch, mái ngói/tôn ...)
3. Nhà gỗ, lợp lá (nhà cột/vách gỗ, mái gỗ/lá ...)
4. Nhà tạm (nhà tranh tre, che chắn tạm bằng gỗ/tôn ...)
5. Không có nhà
6. Khác (nhà chung cư) ghi rõ:.....

2. Hộ gia đình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở không ?

1. Có
2. Không

3. Gia đình dùng nước ăn uống và nước tắm giặt từ nguồn nào? (chọn 1 nguồn chính)

	Nước ăn uống	Nước tắm giặt
- Có vòi nước riêng vào nhà	1□	1□
- Dùng vòi/ bể nước công cộng	2□	2□
- Nước giếng đào/khoan	3□	3□
- Ao hồ, sông suối, kênh mương	4□	4□
- Bể nước mưa	5□	5□
- Mua nước	6□	6□
- Khác (ghi rõ)	7□	7□

4. Gia đình hiện đang sử dụng nhà vệ sinh (hố xí, cầu tiêu) loại nào? (chọn 1 phương án)

1. Không có nhà vệ sinh
2. Nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại
3. Nhà vệ sinh hai ngăn
4. Nhà cầu đơn giản (đào hố trong vườn)
5. Nhà cầu trên ao, sông, suối, kênh mương
6. Loại khác (ghi rõ):.....

5. Hiện gia đình dùng nguồn năng lượng nào để thắp sáng/sản xuất ? (Chọn 1 phương án chính)

	Điện sinh hoạt	Điện sản xuất
- Dầu hoả	1□	1□
- Gas, hơi đốt	2□	2□
- Điện lưới	3□	3□
- Điện ắc quy, máy nổ	4□	4□
- Nguồn khác (ghi rõ).....	5□	5□

6. Trong nhà có những đồ dùng/thiết bị sau đây không? (ĐTV: hỏi từng loại đồ một)

Tên loại đồ dùng	Có	Không	Tên loại đồ dùng	Có	Không
1. Vô tuyến truyền hình			8. Xe ô tô (trừ công nông)		
2. Internet			9. Tủ lạnh		
3. Ghe xuồng/ Vô lái			10. Điều hoà nhiệt độ		
4. Xe honda/ xe đạp điện			11. Máy tính		
5. Điện thoại cố định			12. Máy giặt		
6. Điện thoại di động			13. Bình nóng lạnh		
7. Bếp gas			14. Khác (ghi rõ):.....		

C- THU NHẬP VÀ CHI TIÊU

1. Ông/bà cho biết thu nhập của gia đình trong 12 tháng qua từ các nguồn thu sau?

TT	Nguồn thu nhập	Tổng thu nhập (nghìn đồng)
1	Các hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng)	
2	Buôn bán, dịch vụ, kinh doanh	
3	Tiểu thủ công nghiệp	
4	Lương/tiền công	
5	Tiền tiết kiệm, tiền cho/biểu, tiền gửi	
6	Tiền hỗ trợ gia đình chính sách/có công cách mạng	
	Tổng cộng	

2. Ông/bà có thể cho biết ước tính chi phí của gia đình trong năm qua?

STT	Các khoản chi	Chi phí 12 tháng (nghìn đồng)
1	Chi tiêu dùng hàng ngày (ăn, uống, điện, nước)	
2	Xây dựng, sửa chữa nhà cửa	
3	Giáo dục (học hành/đào tạo)	
4	Chăm sóc sức khoẻ (thuốc, khám chữa bệnh)	
5	Chi phí cộng đồng (hiếu, hi, đóng góp xây dựng)	
6	Chi phí cho hoạt động sản xuất của gia đình	
7	Khác, ghi cụ thể: _____	
	Tổng chi (nghìn đồng)	

3. Nhìn chung, so với các gia đình khác ở địa phương mức sống hộ gia đình của ông/bà thuộc loại nào:

- | | |
|------------------|-----------------------------|
| 1. Khá giả | 4. Nghèo đói |
| 2. Trung bình | 5. Không thể nói/Không biết |
| 3. Có túng thiếu | |

4. Điều kiện sống của hộ gia đình có thay đổi trong 3 năm gần đây không?

1. Không thay đổi
2. Tốt hơn
3. Kém hơn

D-TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI

1. Xin ông bà đánh giá về một số lĩnh vực ở địa phương so với cách đây 3 năm?

TT	Vấn đề	Tốt hơn	Như cũ	Kém hơn
1	Dịch vụ y tế/chăm sóc sức khỏe			
2	Giáo dục/trường học			
3	Cung cấp nước ăn uống/sinh hoạt			
4	Cung cấp nước tưới cho sản xuất			
5	Cơ sở hạ tầng (cầu, cống, đường xá giao thông)			
6	Dịch bệnh trong hoạt động sản xuất			
7	Thiên tai (bão lụt, hạn hán, rét hại...)			
8	Dịch vụ khuyến nông/hỗ trợ sản xuất nông nghiệp			

2. Trong khoảng 1 tháng vừa qua ông/bà hoặc các thành viên khác trong gia đình có các hoạt động nào sau?

TT	Hoạt động	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Đọc sách, báo				
2	Xem tivi				
3	Nghe đài				
4	Đi du lịch				
5	Đi chùa/ nhà thờ				
6	Tham gia lễ hội				
7	Khác (ghi rõ).....				

(Lưu ý: Được coi là *thường xuyên* đối với xem tivi, nghe đài đọc sách báo là hoạt động hàng ngày; đối với các phương án còn lại được coi là *thường xuyên* là hoạt động hàng tháng; từ đó suy ra các mức độ khác để điều tra viên đánh dấu vào ô thích hợp)

E-SỨC KHỎE

1. Trong 12 tháng qua gia đình có ai bị ốm đau không?

1. Có
2. Không → Chuyển sang câu D10

2. Nếu có, vấn đề sức khỏe của những người đó mắc phải là gì?

- | | |
|----------------|----------------------------|
| 1. Cảm cúm | 5. Viêm gan |
| 2. Bệnh hô hấp | 6. Nhiễm chất độc/ ngộ độc |
| 3. Sốt rét | 7. Tai nạn thương tích |
| 4. Bệnh tả/ly | 8. Khác: |

3. Khi bị bệnh các thành viên của gia đình đã đến đâu để khám và điều trị (chọn nhiều ý)

- | | |
|-------------------------------|--|
| 1. Trạm y tế xã | 2. Tự mua thuốc tại hiệu thuốc |
| 3. Phòng khám liên | 4. Chữa bằng thuốc đông y |
| 5. Bệnh viện huyện | 6. Tự chữa ở nhà bằng các loại lá/truyền thống |
| 7. Bệnh viện tỉnh | 8. Khác (ghi rõ): |
| 9. Bệnh viện trung ương | 10. Không khám chữa gì/tự khỏi |
| 11. Cơ sở y tế tư nhân tại xã | |

4. Hiện nay, ở địa phương theo ông/bà những yếu tố nào đang tác động xấu, làm giảm sức khỏe người dân?

1. Các loại thực phẩm, rau quả không an toàn
2. Ô nhiễm nguồn nước ăn uống, sinh hoạt
3. Nước nhiễm mặn
4. Thiếu nước sinh hoạt
5. Ô nhiễm môi trường không khí/tiếng ồn
6. Địa phương xuất hiện nhiều loại dịch bệnh
7. Khác (ghi rõ):

F-HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Xin cho biết thêm vài chi tiết về số diện tích sản xuất của gia đình ông/bà:

Đơn vị (Công)	Tại địa phương (m ²)	Quyền sử dụng đất	
		Nơi khác (kể cả đất thuê) (m ²)	Quyền sử dụng đất
		1. Có	1. Có
		2. chưa	2. chưa
Đất ở			
Đất vườn/ trồng cây lâu năm			
Đất nông nghiệp			

Đất nuôi trồng thủy sản				
Đất lâm nghiệp				
Đất diêm nghiệp (làm muối, ...)				

2. Trong vòng một hay hai năm tới ông/bà có dự định gì sau đây cho hoạt động kinh tế của gia đình (có thể lựa chọn nhiều phương án)?

1. Tiếp tục duy trì hoạt động như hiện nay
2. Mở rộng mô hình sản xuất, kinh doanh hiện nay
3. Thu hẹp mô hình sản xuất kinh doanh hiện nay
4. Dừng sản xuất kinh doanh
5. Chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh
6. Chưa có định hướng gì

2.b. Nếu có thay đổi cho biết lý do tại sao (ghi cụ thể)

.....

3. Nếu bị thu hồi đất sản xuất, Ông/bà hoặc các thành viên khác của gia đình đã làm gì để tạo thu nhập thay thế cho thu nhập bị mất do bị thu hồi đất? (chọn 1 hoặc nhiều phương án)

1. Tiếp tục làm nghề cũ
2. Tìm nghề mới phù hợp với khả năng và điều kiện nơi ở mới
3. Làm mướn
4. Chưa biết làm gì
5. Khác (ghi rõ):.....

4. Hiện gia đình có khoản vay nợ nào không?

1. Có vớiđồng
2. Không => chuyển sang câu 10

5. Nếu bị thu hồi đất sản xuất bởi dự án thủy lợi, gia đình có thay đổi gì trong hoạt động vay nợ hay không?

1. Có
3. Không

6. Nếu có thay đổi, thì sự thay đổi đó như thế nào?

1. Tăng
2. Như cũ
3. Giảm
4. Khó trả lời

7. Gia đình vay nợ của những ai?

1. Ngân hàng
2. Tổ chức tín dụng
3. Tổ chức đoàn thể chính trị
4. Gia đình, họ hàng
5. Bạn bè
6. Đối tác làm ăn/bạn hàng

1. Mua đất sản xuất 2. Mua đất thổ cư 3. Xây mới nhà ở 4. Sửa chữa, nâng cấp nhà ở 5. Đầu tư cho buôn bán, dịch vụ, SX phi nông nghiệp 6. Đầu tư sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp 7. Học thêm nghề khác (<i>phi nông nghiệp</i>)	8. Gửi tiết kiệm 9. Trả nợ 10. Chi tiêu hàng ngày 11. Mua sắm đồ dùng gia đình đắt tiền 12. Chữa bệnh 13. Đầu tư cho con cái học hành 14. Chia cho con và những người thân khác 15. Khác (ghi cụ thể)
--	--

G- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

1. Theo ông/bà nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện nay tại địa phương có bị nhiễm mặn hay không?

1. Có, bị nhiễm mặn quanh năm
2. Có, bị nhiễm mặn theo mùa
3. Không bị nhiễm mặn → *Chuyển đến G3*

2. Theo ông/bà việc nguồn nước bị nhiễm mặn có ảnh hưởng thế nào đối với các vấn đề sau?

	Tích cực	Tiêu cực	Không ảnh hưởng	Không biết
1. Thay đổi lịch mùa vụ sản xuất				
2. Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp				
3. Ảnh hưởng đến sinh hoạt, điều kiện sống				
4. Ảnh hưởng đến sức khỏe				
5. Phí thủy lợi				
6. Khác (ghi rõ.....)				

3. Ông/ Bà cho biết từ năm 2010 đến nay gia đình đã từng gặp rủi ro nào sau đây không ?

	Có	Không
- Thiên tai	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
- Dịch bệnh	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
- Đất, nước nhiễm mặn (xâm nhập mặn)	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
- Ô nhiễm môi trường	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>

- Mất đất	1□	2□
- Thất nghiệp, thiếu lao động	1□	2□
- Khác:	1□	2□

4. G3. Ông/bà có nghe nói hoặc được tuyên truyền về biến đổi khí hậu, nước biển dâng không?

1. Có
2. Không
3. Không biết → *Chuyển đến G7*

5. Ông/bà được thông tin về biến đổi khí hậu, nước biển dâng từ nguồn nào?

- | | | |
|------------------------|----------------|----------------------------|
| 1. Internet | 5. Tivi | 10. Tờ rơi/ tờ bướm |
| 2. Đài/Loa phát thanh | 6. Băng rôn | 11. Trong gia đình/họ hàng |
| 3. Sinh hoạt cộng đồng | 7. Từ vợ/chồng | 12. Nghe từ nguồn khác |
| 4. Từ hàng xóm | 8. Bạn bè | |
| | 9. Đọc báo | |

6. Ông/bà có biết ở địa phương có dự án thủy lợi chuẩn bị xây dựng hay không?

1. Biết (*Nói tên hoặc mô tả:.....*)
2. Không biết → *Chuyển câu 8*

7. Nếu có biết thì từ nguồn nào?(Có thể chọn nhiều phương án để khoanh tròn)

1. Được phổ biến từ họp thôn/bản
2. Được phổ biến từ họp ở xã
3. Xem ti vi, nghe đài/đọc báo
4. Nghe từ đài phát thanh của xã
5. Nghe cán bộ chính quyền, đoàn thể nói
6. Nghe từ vợ/chồng
7. Nghe người trong gia đình, họ hàng nói
8. Nghe bạn bè/hàng xóm nói
9. Khác (ghi rõ):.....

8. Ông bà cho biết công trình thủy lợi đã được xây dựng trên địa bàn trong thời gian qua có những tác động tích cực nào?

- | | Có | Không |
|----------------------|----|-------|
| - Ngăn mặn, giữ ngọt | 1□ | □2 |

- | | | |
|---|----|----|
| - Chủ động nguồn nước tưới | 1□ | □2 |
| - Cải tạo môi trường sinh thái | 1□ | □2 |
| - Hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn | 1□ | □2 |
| - Thuận tiện đi lại, lưu thông hàng hóa | 1□ | □2 |

9. Ông bà cho biết công trình thủy lợi đã được xây dựng trên địa bàn tron thời gian qua có những tác động tiêu cực nào?

- | | Có | Không |
|---|-----------|--------------|
| - Gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp | 1□ | 2□ |
| - Gây ô nhiễm môi trường cục bộ | 1□ | 2□ |
| - Gây biến đổi môi trường sinh thái | 1□ | 2□ |
| - Cản trở thoát lũ | 1□ | 2□ |
| - Cản trở ghe, thuyền đi lại | 1□ | 2□ |

Cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

II. KIỂM KÊ VÙNG ẢNH HƯỞNG

1. **Họ và tên chủ hộ:**
2. **Địa chỉ nhà:** Thôn:Xã:.....Huyện.....Tỉnh.....

Hộ bị ảnh hưởng bởi:

- 1= Công trình cống Thủ Cửu;
- 2= Công trình cống âu An Hóa;
- 3= Công trình cống âu Bến Tre;
- 4= Công trình cống Tân Phú;
- 5= Công trình cống Bến Rớ;
- 6= Công trình cống Cái Quao;
- 7= Công trình cống âu Vàm Nước Trong;
- 8= Công trình cống âu Vàm Thơm;
- 9= Công trình cống Vững Liêm;
- 10= Công trình cống Bông Bót;
- 11= Công trình cống Tân Dinh;

1. Tình trạng sử dụng đất của hộ gia đình (đất BAH chỉ tính là đất nằm trong khu vực cần thu hồi cho xây dựng dự án)

Loại đất			Mức độ ảnh hưởng đối với từng thửa đất		Hiện trạng sử dụng	Tình trạng pháp lý của lô đất	Loại ảnh hưởng
			Tổng diện tích bị ảnh hưởng (m ²)	(1) Ảnh hưởng một phần (2) Toàn bộ			
1= Đất thổ cư 2=Đất trồng lúa 3=Đất vườn 4=Đất nuôi trồng thủy hải sản 5=Đất rừng 6=Đất k.doanh phi NN 7=Các loại đất khác	Đất trong và ngoài khu vực dự án (m ²)				1=Chủ lô đất 2=Đất thuê	1=Có sổ đỏ 2=Chưa có sổ đỏ nhưng có điều kiện pháp nhân để làm sổ 3= Không đủ điều kiện làm sổ đỏ 4= Nằm trong khu quy hoạch của nhà nước 5=Thuê đất dài hạn của nhà nước 6=Thuê đất của tư nhân	1= Vĩnh viễn 2= Tạm thời
	Trong	Ngoài					
Thửa 1							
Thửa 2							
Thửa 3							
Thửa 4							
Thửa 5							
Tổng							

2. Nhà cửa bị ảnh hưởng bởi dự án

Loại nhà	Tổng diện tích sàn hiện có (m ²)	Tình trạng pháp lý	Mức độ ảnh hưởng		Ghi Chú
			Diện tích sàn xuất bị ảnh hưởng (m ²)	(Ảnh hưởng 1 phần=1; Ả/hưởng hoàn toàn=2)	
1. Biệt thự		1. Có giấy chứng nhận			(Nếu có kinh doanh tại nhà thì ghi chú, trừ mục 7)
2. Cấp 1		2. Không có giấy chứng nhận			
3. Cấp 2		3. Xây dựng trên đất nông nghiệp			
4. Cấp 3		4. Nhà thuê			
5. Cấp 4					
6. Nhà tạm					
7. Cửa hàng độc lập ngoài nhà					

Lưu ý: Một hộ có thể bị ảnh hưởng nhiều nhà, cần điền đầy đủ các thông tin của tất cả các căn nhà bị ảnh hưởng

3. Thông tin các căn nhà nằm ngoài vùng dự án (nếu có):

- Số căn nhà:

[]

- Diện tích các căn nhà nằm ngoài vùng dự án (m²): m²

4. Các công trình, vật kiến trúc khác trên đất bị ảnh hưởng

(Thống kê các công trình phụ độc lập ngoài nhà bị ảnh hưởng được liệt kê ở trên, và những tiện nghi sinh hoạt)

Các công trình/tiện nghi sinh hoạt	Loại công trình xây dựng (tương ứng theo các công trình phụ)	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1. Nhà bếp độc lập ngoài nhà chính	1. Tạm 2. Tương đương nhà cấp 4	m ²		
2. Chuồng lợn/bò/gà	1. Tạm 2. Tương đương nhà cấp 4	m ²		
3. Đồng hồ điện		Cái		
4. Đồng hồ nước và ước tính chiều dài đường ống nước		Cái		

5. Điện thoại cố định có dây		Cái		
6. Hàng rào	1. Xây gạch 2. Thép gai hoặc gỗ	M		
7. Cổng	1. Xây tường 2. Sắt thép 2. Gỗ/Tre nửa	m ²		
8. Phòng vệ sinh, nhà tắm (biệt lập với nhà)	1. Xây gạch, bê tông 2. Tranh tre, nửa lá	m ²		
9. Mộ đất a) Ở nghĩa địa b) Biệt lập		Cái		
10. Mộ xây		Mộ		
11. Giếng	1. Khoan 2. Đào	M		
12. Bể nước	1. Xây gạch/Bê tông 2. Inox 3. Nhựa	m ³		
13. Sân (chỉ tính sân xi măng hoặc lát gạch)		m ²		
14. Ao nuôi cá (khối lượng đào)		m ³		
15. Công trình khác (tên của công trình và diện tích/khối lượng ảnh hưởng)		Cái/m ² /m ³		

5. Các loại cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng
(Chỉ thống kê các loại cây lâu năm/ăn trái bị ảnh hưởng)

Các loại cây trồng hoặc nhóm nông sản	Quy cách, năm trồng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
a) Cây ăn quả (Cây chính)		Cây		
1)				
2)				
3)				

Các loại cây trồng hoặc nhóm nông sản	Quy cách, năm trồng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
4)				
5)				
b) Cây lấy gỗ (Cây chính)		Cây		
1)				
2)				
3)				
4)				
5)				
c) Cây cảnh (Cây chính)		Cây		
1)				
2)				
3)				
4)				
5)				
d) Hoa màu (Cây chính)		m ²		
1) Ngô				
2) Khoai				
3) Lạc				
4) Đậu				
5) Lúa				
e) Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy hải sản		m ²		

C. CÂU HỎI THAM VẤN

6. Gia đình thuộc diện bị ảnh hưởng nào sau đây?

- a) Bị ảnh hưởng đất sản xuất Chuyển câu 7
- b) Bị ảnh hưởng đất thổ cư Chuyển câu 8
- c) Cả hai phương án trên Hỏi tiếp câu 7

7. Nếu bị ảnh hưởng (thu hồi) đất nông nghiệp hoặc đất sản xuất khác, gia đình sẽ lựa chọn phương án bồi thường nào?

- a) Muốn nhận đất-đổi-đất (nếu có đất thay thế tại xã) có cùng loại đất và diện tích/tính chất đất tương đương
- b) Muốn nhận tiền mặt
- c) Chưa quyết định

8. Diện tích đất thổ cư còn lại ngoài khu vực dự án của gia đình có đủ để xây dựng lại nhà không?

- a) Có
- b) Không

9. Nếu phải tái định cư thì gia đình mong muốn hình thức TĐC nào?

- a) Tự di dời đến mảnh đất khác của gia đình
- b) Tự di dời đến nơi khác mà gia đình tự chọn
- c) Di dời đến khu tái định cư của dự án
- d) Di dời đến khu tái định cư do địa phương bố trí
- e) Chưa quyết định

10. Gia đình dự định sử dụng tiền bồi thường như thế nào?

- a) Xây hoặc sửa chữa lại nhà cửa
- b) Mua đất mới
- c) Mua tài sản khác (Tên tài sản _____)
- d) Đầu tư vào kinh doanh nhỏ
- e) Gửi tiết kiệm ở ngân hàng
- f) Chi cho việc học của con cái
- g) Dự định khác (Mô tả _____)

11. Kinh tế của gia đình có bị ảnh hưởng như thế nào khi công trình thu hồi đất thi công?

- a) Mất đất nông nghiệp
- b) Dừng hoạt động buôn bán/kinh doanh/dịch vụ
- c) Cả hai phương án trên

12. Gia đình có kế hoạch nào để phục hồi sản xuất kinh doanh do bị ảnh hưởng bởi dự án?

- a) Mua đất nông nghiệp mới để sản xuất
- b) Tái lập cơ sở kinh doanh ở nơi mới
- c) Buôn bán
- d) Mở cửa hàng nhỏ
- e) Làm thủ công
- f) Tìm việc mới
- g) Khác Mô tả _____

13. Ông /bà có kiến nghị gì với chính quyền địa phương liên quan đến tác động của dự án tới gia đình?

- a) Được thông tin và tham vấn về dự án, các tác động và quyền lợi liên quan
- b) Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm do giảm đất sản xuất
- c) Tập huấn, nâng cao kỹ thuật, khuyến nông, khuyến ngư
- d) Hỗ trợ vay vốn
- e) Khác:

14. Ông/ bà cho biết công trình được xây dựng có thật sự cần thiết cho địa phương không?

.....

15. Ông/ bà cho biết mức độ ủng hộ việc xây dựng công trình tại của người dân địa phương?

.....

16. Theo ông/ bà dự án khi xây dựng cần lưu ý vấn đề gì để đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả đầu tư?

.....

Người khảo sát

Đại diện hộ gia đình

PHỤ LỤC 4: TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN (NGUỒN SANYU)

1. Phân tích các bên có liên quan

Dự án được cho là sẽ đem tới những tác động trực tiếp và gián tiếp lên các bên liên quan. Những bên liên quan có thể được hưởng lợi hoặc thiệt hại do dự án. Họ có thể là những người làm nông, thủy sản, vận chuyển trên sông hoặc chính quyền địa phương. Bảng 1.1 có trình bày về phân tích các bên liên quan của dự án.

Bảng 1.1- Phân tích các bên liên quan

	Tác động tích cực (+)	Tác động tiêu cực (-)
Tác động chính	- Nông dân trồng dưa và trái cây - Chăn nuôi	- Nông nghiệp và thủy sản nước lợ - Các hộ vận chuyển trên sông
Tác động phụ	- Chính quyền địa phương - Tổ chức địa phương	- Các hộ kinh doanh, dịch vụ

Bên liên quan	Vấn đề	Quan tâm	Triển vọng	Mối liên hệ khác
- Nông dân trồng lúa/hoa màu - Nông dân trồng dưa và cây ăn trái	- Thiếu nước ngọt - Ô nhiễm nước - Ngập úng - Khác (thiếu vốn, giống, kỹ thuật)	- Điều kiện tự nhiên - Thị trường đầu ra - Đầu tư hợp lý	- Mở rộng diện tích cây trồng	Kế hoạch của tỉnh, chính sách hỗ trợ của Nhà nước
Nông dân làm chăn nuôi	- Thiếu nước ngọt - Ô nhiễm nước - Khác (thiếu vốn...)	- Thị trường đầu ra - Đầu tư hợp lý	- Giữ nguyên hoạt động sản xuất hiện nay	
Nông dân nuôi trồng thủy sản	- Ô nhiễm nước - Cạn kiệt nguồn lợi thức ăn	- Lợi nhuận cao - Thị trường	- Mở rộng diện tích - Nuôi thâm canh	Mâu thuẫn về sử dụng nước với các ngành kinh tế khác
Chính quyền địa phương	- Khả năng quản lý và vận hành công - Quy mô dự án lớn - Chính sách thay đổi	- Quản lý hệ thống hiệu quả - Cải thiện sinh kế và thu nhập địa phương - Quản lý các nguồn tài nguyên có hạn	- Tác động của việc thực hiện dự án - Áp lực từ phía cộng đồng	Liên kết các bên liên quan với nhau

2. Nhu cầu và sự quan tâm của người dân theo từng xã

Nhìn chung, hầu như tất cả người dân đều bày tỏ nhu cầu muốn có được nguồn nước ngọt đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất.

Ở Bắc Bến Tre (Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và Thạnh Phú), hoạt động chăn nuôi là nguồn đem lại thu nhập chính (ngoại trừ xã Phú Khánh và Thành Thới B chủ yếu trồng dừa). Ở Nam Bến Tre, trồng dừa, lúa và cây ăn quả là hoạt động sản xuất chính của phần lớn người dân địa phương (ngoại trừ Thạnh Trị là nơi hiện có nuôi tôm quảng canh nước lợ).

Không có nhiều mâu thuẫn giữa những nông dân trồng lúa, trái cây và hoa màu với nông dân nuôi tôm tại khu vực dự án. Bên cạnh nhu cầu về nước ngọt, người nông dân còn bày tỏ nhu cầu với các yếu tố khác như vốn, kỹ thuật và giống vật nuôi cây trồng vốn cần thiết cho sự phát triển nông nghiệp.

Trong các buổi họp, các bên liên quan được yêu cầu xếp hạng nhu cầu và quan tâm của họ theo từng nhóm sản xuất. Kết quả cho thấy những cư dân ở Bắc Bến Tre có mối quan tâm và nhu cầu khác so với những người ở Nam Bến Tre. Dù cư dân của hai vùng đều có nhu cầu đảm bảo nước ngọt, những người dân ở Bắc Bến Tre quan tâm nhiều về sự thiếu nước trong khi người ở Nam Bến Tre chủ yếu lo ngại về tình trạng ô nhiễm nước.

Bảng 1.2: Xếp hạng nhu cầu và sự quan tâm của người dân địa phương

STT	Địa điểm	Tầm quan trọng dựa theo đánh giá của người dân				
		Thứ 1	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5
I	Bắc Bến Tre					
	<i>Loại hình sản xuất</i>	Dừa	Cây ăn trái	Lúa/Hoa màu	Chăn nuôi	Thủy sản
	<i>Nhu cầu</i>	Nước ngọt	Thị trường đầu ra	Vốn	Giống	Kỹ thuật
	<i>Quan tâm</i>	Thiếu nước ngọt	Ô nhiễm nước	Vận hàng cống	Dịch bệnh (trong nông nghiệp)	Giao thông đường thủy
II	Nam Bến Tre					
	<i>Loại hình sản xuất</i>	Chăn nuôi	Dừa	Cây ăn trái/hoa màu		
	<i>Nhu cầu</i>	Nước ngọt	Vốn	Giống	Kỹ thuật	Khác
	<i>Quan tâm</i>	Ô nhiễm nước	Thiếu nước ngọt	Vận hành cống	Thiếu nước ngọt	

3. Sự quan tâm của người dân theo ngành nghề

Trong các buổi thảo luận nhóm, những người tham dự được hỏi về những quan tâm của họ đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như những hoạt động khác nếu dự án được triển khai. Phần lớn các quan tâm này đều liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước.

Bảng 1.3: Quan tâm của người dân theo ngành nghề

TT	Quan tâm của các bên liên quan	Các bên liên quan						Khác
		Chính quyền	ND trồng lúa	ND trồng đừa	ND trồng cây ăn trái	ND chăn nuôi	ND nuôi trồng thủy sản	
1	Thiếu nước ngọt làm giảm năng suất nông nghiệp	****	*** *	****	****	****	**	**
2	Vận hành cống	****	***	***	***	***	***	**
3	Ô nhiễm do nước thải công nghiệp/nông nghiệp	****	*** *	****	****	****	****	**
4	Ngập úng do đóng cống	****	***	***	***	**	*	*
5	Phát triển hệ thống kênh mương dẫn nước	***	**	**	**	*	*	*
6	Hỗ trợ vốn	***	***	***	***	***	***	*
7	Hỗ trợ kỹ thuật	**	**	**	**	**	***	**
8	Thị trường đầu ra	*	**	**	**	**	**	*
9	Kế hoạch sử dụng đất chi tiết của vùng nước ngọt và vùng lợ	**	**	**	*	*	**	NA
10	Dịch bệnh và sâu hại	**	**	**	**	**	NA	NA
11	Ảnh hưởng của dự án lên nguồn lợi thủy sản	***	NA	NA	NA	*	****	**

4. Kiến nghị của các bên

Sau khi thảo luận xong, những người tham gia được hỏi rằng liệu họ có thay đổi hoạt động kinh tế hiện nay của mình không nếu nước ngọt được cung cấp đầy đủ quanh năm (ví dụ như khi dự án được triển khai). Nếu trả lời không, họ được hỏi xem sẽ có cách gì để đối phó với tình trạng thiếu nước ngọt.

Kết quả tham vấn cho thấy những người dân ở hầu hết các xã được chọn sẽ giữ nguyên hoạt động sản xuất hiện nay của họ nếu dự án được thực hiện. Có một số ít người dân ở Bắc Bến Tre bày tỏ rằng họ sẽ thay đổi biện pháp canh tác hiện nay của mình. Những người dân này ở các xã Thạnh Trị (28.6%), Châu Hưng (27.3%), Long Hòa (20%) và Quới Điền (10%). Nguyên nhân thay đổi là do ô nhiễm nước điều sẽ gây ra sự suy giảm sản lượng nông nghiệp.

